



# Báo Cáo Thường Niên

[www.casumina.com](http://www.casumina.com)





## Foreword

### Lời mở đầu

Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (Casumina) đã đồng hành cùng với nền kinh tế Việt Nam từ những ngày đầu sau khi thống nhất đất nước. Trong hành trình 45 năm phát triển cùng đất nước, Chúng tôi luôn khát khao vươn lên thành Nhà sản xuất sẫm lốp xe hàng đầu Việt Nam, có uy tín trên toàn cầu và mang lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội.

Thương hiệu Casumina đã trở nên quen thuộc đối với người tiêu dùng Việt Nam trong suốt 45 năm qua. Ngày nay, với Doanh thu xuất khẩu đang chiếm tỷ trọng 40% và tăng dần qua các năm cho thấy, thương hiệu Casumina dần phổ biến và tạo được uy tín trên thế giới. Vị thế Casumina với biểu tượng sư tử đỏ đã từng bước được khẳng định.

The Southern Rubber Industry Joint Stock Company (Casumina) has been a companion along with the development of Vietnam economy since the Independent Day. Throughout the 45 years of development, We always strive to become not only a top manufacturer in Vietnam, an accredited brand on the Globe, but also an responsible company who brings benefits to our community and society all the same. Casumina has become a familiar face to customers in Vietnam after 45 years. In modern days, Export revenue taking up 40% and increasing is the proof for the growing popularity and reputation of Casumina on the Global market. The Casumina brand with its' signature red lion logo is steadily being recognized.

# Contents

## MỤC LỤC

### 1 TỔNG QUAN CASUMINA Casumina General Information

P.06

- Thông điệp từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Message from the Chairman
- Tầm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi  
Vision, Mission & Core values
- Chỉ số nổi bật  
Key indicators

### 2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN History of foundation & development

P.14

History of foundation & development

- Thông tin khái quát  
General information
- Giải thưởng & thành tựu 2020  
2020 Achievements & Awards
- Các sự kiện chính  
Key timeline events
- Ngành nghề kinh doanh  
Business lines
- Địa bàn kinh doanh  
Business locations
- Sơ đồ tổ chức  
Organization structure
- Tổ chức nhân sự  
Human resource organization
- Cơ cấu cổ đông  
Shareholder structure
- Các đơn vị thành viên  
Subsidiaries



### 3 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN Development direction

P.39

- Mục tiêu  
Goals
- Chiến lược phát triển  
Development strategies
- Các rủi ro  
Risks & difficulties

### 4 BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH Board of Management report

P.45

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2020  
2020 business performance report
- Phương hướng sản xuất kinh doanh 2021  
2021 business orientation
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư  
Implementation of investment projects

## 5 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### P.59 Board of Directors report

- Tình hình chung  
General situation
- Hoạt động của Hội đồng Quản trị 2020  
2020 operation of the Board of Directors



## 7 BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

### P.77 Environment & social report

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu  
Raw material management policy
- Tình hình tiêu thụ năng lượng  
Energy consumption situation
- Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường  
Compliance with environmental regulations
- Hướng đến cộng đồng  
To social relationship

## 6 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### P.69 Board of Supervisors report

- Hoạt động của Ban kiểm soát 2020  
2020 operation of the Board of Supervisors
- Kết quả hoạt động kiểm tra & giám sát  
Inspection & supervision result
- Nhật xét & kiến nghị  
Comments & recommendations
- Phương hướng hoạt động 2021  
2021 operation orientation



## 8 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### P.82 Financial statements

- Báo cáo của Ban điều hành  
Board of Management report
- Báo cáo của kiểm toán  
Independent auditor report
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Audited financial statements

# 1 TỔNG QUAN CASUMINA

Casumina General Information

Thông điệp từ

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

**P.07**

Message from the Chairman

Tầm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi

**P.10**

Vision, Mission & Core values

Tình hình tài chính

**P.11**

Financial situation



**CASUMINA**

**THE TRUE COMPANION**

## Message from the Chairman

# Thông điệp từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư.

Trước tiên, Tôi thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam, Ban lãnh đạo Công ty và Tập thể người lao động Công ty xin gửi đến Quý cổ đông, Nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành, cảm ơn Quý vị đã hỗ trợ, đồng hành cùng Casumina trong nỗ lực phát triển hoạt động SXKD trong năm 2020 và những năm qua.

Kết quả SXKD của Casumina được trình bày một cách công khai, minh bạch theo quy định trong các tài liệu đã được công bố và trong quá trình hoạt động. Chúng ta lưu ý một số nội dung chính sau đây:

**a,** Ảnh hưởng, tác động dai dẳng, phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu và Chính phủ Mỹ điều tra và công bố thuế chống trợ cấp chính phủ (CVD) và chống bán phá giá (AD) đối lốp xe Radial bán thép sản xuất tại Việt Nam là hai tác động kép được đánh giá là nguyên nhân chủ yếu, tác động tiêu cực đến kết quả SXKD của Casumina năm 2020 và ít nhất là cả năm 2021.

**b,** Năm 2020, Casumina đã không để xảy ra tình trạng ngừng sản xuất trong suốt quá trình thực hiện quy định Nhà nước về phòng, chống dịch bệnh Covid 19, mặc dù có những lúc nguồn cung cấp nguyên liệu bị đình trệ. Casumina đã thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng dịch và bố trí hợp lý, điều hành sản xuất linh hoạt đối với 06 Xí nghiệp thành viên.

**c,** Casumina tiếp tục nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ; bên cạnh việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm, đưa ra sản phẩm mới ra thị trường, Công ty tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí, giảm tiêu hao, giảm tỷ lệ phế phẩm, giữ vững và ổn định đội ngũ kỹ thuật - lao động lành nghề.

Dear valued shareholders and investors. On behalf of Casumina's Board of Directors, Board of Management and Staffs, I would like to express our sincere thanks to the valued share-holders and investors for accompanying and supporting Casumina in the effort to develop and expand the company's operation throughout the years. Business operation result of Casumina is published transparently in accordance with regulations stated in Published documents and Operation Documents. The main points to notice below:

**a,** The combination of the complicated, long lasting Covid-19 pandemic and the United States' antidumping duty (AD) and countervailing duty investigations(CVD) of imports of passenger vehicle and light truck tires from Vietnam is the double factors affecting on the Business operation of Casumina negatively in 2020 and the whole 2021 at minimum.

**b.** In 2020, in spite of the difficult times when supply chains broke down, Casumina still managed to carry out the production without halting and all the while still following rules and regulation of the Government for Covid-19 control and prevention. Casumina followed strictly all the prevention procedures and also allocated, managed the production plan logically and flexibly to all 06-member factories.

**c.** Casumina continue to improve the business management and application of technology in management; alongside with improving quality of products, diversifying product lineups, introducing new products to markets, Casumina continue to minimize expenses, consumptions, minimize defect rate, and maintain the high skill

**d.** Năm 2020, Công ty đã đạt kết quả: Doanh thu 4.822 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế 113,5 tỷ đồng, tăng 73% so với năm 2019. Thu nhập bình quân đạt trên 10 triệu đồng/người/tháng, tăng 13% so với năm 2019. Mặc dù chưa đạt được Kế hoạch năm 2020, nhưng Casumina đã vượt qua được những khó khăn rất lớn của năm 2020, để tăng trưởng ở các chỉ tiêu quan trọng và hiệu quả chung về các mặt.

Để đạt được các kết quả nêu trên, toàn thể đội ngũ cán bộ Quản lý, Điều hành công ty và tập thể người lao động của Casumina đã nỗ lực tối đa, thực hiện nhiều giải pháp linh hoạt và hiệu quả.

Năm 2021, tình hình Thế giới và trong nước tiếp tục có những mặt tác động bất lợi, phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với Công ty. Tuy nhiên, Khi phân tích các yếu tố bên ngoài và nội tại của Casumina, cho thấy Công ty vẫn có thể đạt được những thành công, khi nắm bắt, tận dụng được các cơ hội sau đây:

**1.** Công ty đã làm chủ được công nghệ sản xuất lốp Radial bán thép và đang triển khai mạnh mẽ hệ thống tiêu thụ trong nước, với việc áp dụng các ứng dụng thông minh trong bán hàng, bảo hành sản phẩm và phân tích, đánh giá khách hàng.

**2.** Nếu xét trong dài hạn, sau khi dịch bệnh được khống chế, nhu cầu lốp xe các loại đối với các thị trường lớn như Mỹ, EU tăng trưởng trở lại sẽ là một cơ hội tốt cho Casumina tăng sản lượng xuất khẩu đối với nhóm lốp Radial (bao gồm cả bán thép và toàn thép).

**3.** Chính sách thuế CVD và AD của Chính phủ Mỹ nhiều khả năng sẽ thực thi chính thức vào cuối quý II/2021. Tuy nhiên, thuế suất của hai loại thuế này đối với Việt Nam ở mức thấp hơn các nước khác. Do vậy, doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam có lợi thế so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành tại các quốc gia khác (bị áp thuế). Casumina vẫn có thể duy trì và tăng trưởng xuất khẩu vào thị trường Mỹ trong các năm tới.

**4.** Xu hướng phát triển ngành công nghiệp

technical – labor force.

**d.** Results of Casumina in 2020: Revenue 4,797 billion VND, an increase of 12% in comparison to 2019. Profit before tax: 113,5 billion VND, increased by 73% compared to 2019. Average income reached above 10 million VND / person / month, increased by 13 compared 2019. Even though the result does not the objectives set for 2020, Casumina managed to overcome many obstacles in 2020 to grow in the key indicators and grow in general efficiency. In order to achieve the result, the Management Board and all members of Casumina tried their utmost and carried out many flexible, effective solutions.

In 2021, both domestic and global markets remain unstable with many uncertainties and potential risk to the Company. In spite of all the difficulties, Casumina recognize the chance for success after analyzing external and internal factors affecting the company, given that the company manages to take advantage of the following opportunities:

**1.** Casumina take control of the PCR production technology and successfully introduce the new product line to the domestic market by making use of smart application in sale, warranty service, and customer analysis, evaluation.

**2.** In the long-term, if the pandemic were controlled, demand for tyre in big market such as the US, EU would come back to a rise and become a good opportunity for Casumina to increase its sale in Radial tyre (both PCR and TBR)

**3.** CVD and AD from the US Government expectedly will be applied by the end of the second quarter of 2021. Still, the rate applied on Vietnam is the lowest amongst all the applicable countries. Because of this reason, Vietnamese companies are still advantageous relating to companies in other countries under duties. Casumina export to the US would still be able to maintain and grow in the upcoming years.



ô tô tại Việt Nam, với tỷ lệ nội địa hóa lên đến 60% sẽ tạo ra một cơ hội lớn cho ngành sản lốp xe trong đó có Casumina tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng linh kiện.

Casumina cam kết tiếp tục theo đuổi cải cách quản lý, ứng dụng các công cụ quản lý hiện đại vì mục tiêu phát triển bền vững Casumina và hiệu quả cao, trở thành một "Nhà sản xuất lốp xe hàng đầu Đông Nam Á".

Chúng tôi luôn trân trọng sự hỗ trợ quý báu của các Quý vị để chúng tôi hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm 2021 và đạt được các mục tiêu lớn, quan trọng của Công ty trong các năm tiếp theo.

Trân trọng kính chào.

4. With the current development trend of the automobile industry in Vietnam, with domestication rate reaches up to 60%, will create a big opportunity for tire and tube industry with Casumina in it – drilling deep into the supply chain.

Casumina commit to management renovation by the application of modern tools in order to achieve a sustainable development with high efficiency, becoming a "Top tire manufacturer in Southeast Asia".

Your support is always valuable to us in order to achieve the plan set for 2021 as well as other key objectives in the years to come.

Sincerely yours.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



**Lê Ngọc Quang**

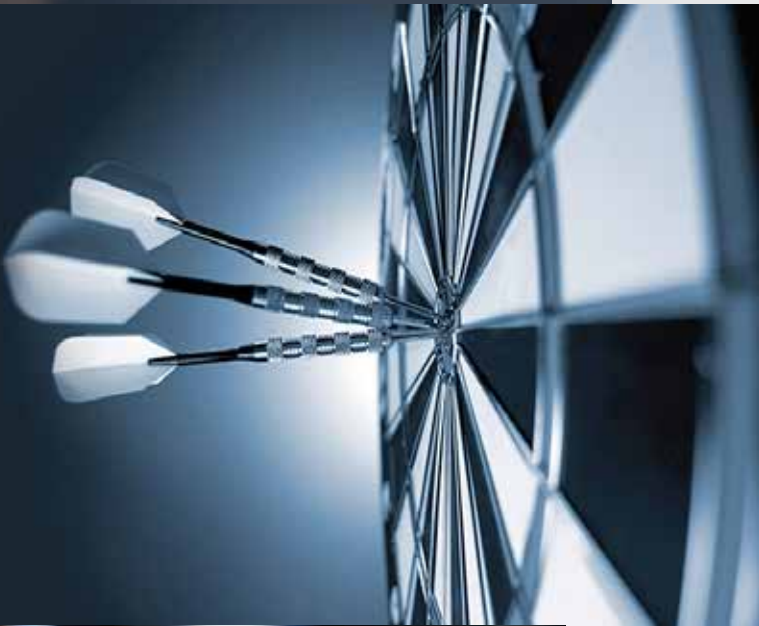


# Vision Tầm nhìn

Nhà sản xuất lốp xe hàng đầu Đông Nam Á.  
Becoming the Top tire manufacturer in Southeast Asia

## Mission Sứ mệnh

Cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc và thân thiện.  
Contribution to society of safety, happiness and friendliness.



# Giá trị cốt lõi

- Tin cậy:** Sản phẩm, dịch vụ, con người.
- Hiệu quả:** Mọi hoạt động luôn hướng đến hiệu quả.
- Hợp tác:** Sẵn sàng hợp tác cùng phát triển và có lợi.
- Năng động:** Luôn sáng tạo và đổi mới.
- Nhân bản:** Vì con người.

- Reliability:** products, services, people
- Efficiency:** All operations are geared towards maximum efficiency
- Cooperation:** Cooperation for mutual benefits and growth
- Dynamic:** Always creative and innovative
- Humanity:** Focus on people

# Financial situation

## Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài chính / Financial situation

Chi tiêu Financial figure	2019	2020	% tăng/giảm % change
Tổng giá trị tài sản / <i>Total asset</i>	3,816,022,673,936	3,813,249,556,395	99.93%
Doanh thu thuần / <i>Net revenue</i>	4,387,683,621,204	4,822,718,714,916	109.91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / <i>Profit from operating activities</i>	59,690,154,200	104,895,712,549	175.73%
Lợi nhuận khác / <i>Other profits</i>	5,872,031,270	8,645,628,343	147.23%
Lợi nhuận trước thuế / <i>Profit before tax</i>	65,562,185,470	113,541,340,892	173.18%
Lợi nhuận sau thuế / <i>Profit after tax</i>	52,449,748,376	90,660,781,927	172.85%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức / <i>Payout ratio</i>	5%		

### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu / Major financial benchmarks

Chi tiêu Financial figure	2019	2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán / <i>Solvency ratio</i></b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn / <i>Current ratio</i> :	1.007	1.035
+ Hệ số thanh toán nhanh / <i>Quick ratio</i> :	0.439	0.422
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn / <i>Capital structure ratio</i></b>		
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản ( <i>Debt / Total assets ratio</i> )	0.67	0.67
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt / Owners' Equity ratio</i> )	2.08	1.99
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động / <i>Operation capability Ratio</i></b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho / <i>Inventory turnover</i> :	3.01	3.09
Doanh thu thuần / Tổng tài sản ( <i>Net revenue/ Total Assets</i> )	1.14	1.26
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời / <i>Target on Profitability</i></b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	0.01	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	0.04	0.07
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	0.01	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	0.01	0.02

.....

## Change in the owner's equity

# Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời gian	Hình thức phát hành	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm	% tăng
Năm 2006	Vốn điều lệ	90		
Tháng 11/2016	Phát hành thêm cổ phiếu	90	30	33.33%
Tháng 03/2007	"	120	30	25.00%
Năm 2008	"	150	50	33.33%
Năm 2009	"	200	50	25.00%
Năm 2009	"	250	172.5	69.00%
Năm 2011	"	422.5	100	23.67%
Năm 2012	"	522.5	62.5	11.96%
Năm 2013	"	585	87.93	15.03%
Năm 2015	"	672.93	67	9.97%
Năm 2016	"	740	296	40.00%
Năm 2017		1036		
Năm 2018		1036		
Năm 2019		1036		
Năm 2020		1036		



**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ / Transaction of treasury stocks: Không có**

**e. Các chứng khoán khác / Other securities: Không có**

## Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm không thay đổi, tài sản ngắn hạn và dài hạn tăng giảm tương ứng 3.8%, trong kỳ Công ty đã sử dụng nguồn khấu hao trong năm một phần dành cho đầu tư chiều sâu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, một phần làm vốn lưu động cộng với tích cực thu hồi công nợ phải thu để tăng dự trữ tồn kho. Đánh giá trong năm Công ty đã sử dụng hiệu quả tài sản, không có nợ phải thu xấu làm ảnh hưởng kết quả kinh doanh

### b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả trong năm giảm nhẹ 1.5%, trong kỳ Công ty đã tập trung thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn, giảm nợ vay ngân hàng và nợ phải trả khách hàng. Năm 2020 tỷ giá ổn định.

## Financial Situation

### a. Assets

Total assets in 2020 remains unchanged, short-term and long-term assets increase/decrease by 3.8% respectively. Casumina used a portion of annual depreciation budget for capital deepening in production and business operation, a portion was used as working capital combined with collected debt to increase inventory level. Casumina's usage of assets in 2020 was evaluated efficient and effective, no bad debt occurred impacting business.

### b. Account payable

Account payable balance saw a slight decrease of 1.5%. In 2021 Casumina focused on arranging payments for loans and long-term capital lease obligation, decrease loans and other payable to customers. Exchange rate in 2020 was stable



## 2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

History of foundation & development

Thông tin khái quát General information	<b>P.15</b>
Giải thưởng & thành tựu 2020 2020 Achievements & Awards	<b>P.16</b>
Địa bàn kinh doanh Business locations	<b>P.17</b>
Ngành nghề kinh doanh Business lines	<b>P.18</b>
Các sự kiện chính Key timeline events	<b>P.20</b>
Sơ đồ tổ chức Organization structure	<b>P.22</b>
Tổ chức nhân sự Human resource organization	<b>P.24</b>
Cơ cấu cổ đông Shareholder structure	<b>P.36</b>
Các đơn vị thành viên Subsidiaries	<b>P.37</b>

## General information

# Thông tin khái quát



- Giấy phép ĐKKD: 0300419930 (đăng ký lần đầu ngày 01/03/2006, thay đổi lần thứ 13, ngày 23/03/2021)
  - Vốn điều lệ: 1.036 tỷ đồng
  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.036 tỷ đồng
  - Tăng vốn điều lệ từ 740 tỷ đồng lên 1.036 tỷ đồng
  - Sản xuất và bán thương mại lốp radial bán thép (PCR – Passenger Car Radial), cung cấp cho thị trường xuất khẩu và tiêu thụ tại thị trường nội địa với thương hiệu Advenza
  - Đầu tư chiều sâu lốp PCR đạt công suất 1.2 triệu lốp/năm và lốp TBR đạt công suất 350 nghìn lốp/năm
  - Tham gia vào chuỗi cung ứng BTP cao su với sản lượng 2.500 tấn/tháng
  - Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP. HCM
  - Số điện thoại: (028)38 362 369 | 38 362 373
  - Fax: (028)38 362 376
  - Website: [www.casumina.com](http://www.casumina.com)
  - Mã cổ phiếu: CSM
- Business license: 0300419930 (first issued 01 March 2006; 13<sup>rd</sup> amendment made on 23 March 2021)
  - Charter capital: VND 1.036 billion
  - Owner equity: VND 1.036 billion
  - Charter capital increased from VND 740 billion to VND 1.036 billion
  - The owner and producer Advenza - a Passenger Car Radial Tire brand - available in Vietnam and Global market.
  - The capital deepening producer with Passenger Car Radial Tire of 1.2 million tire/year and Truck Bus Radial Tire of 350,000 tire/year
  - Member of the rubber compound supply chain with the capacity of 2.500 ton/month
  - Address: 180 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City
  - Phone: (028)38 362 369 | 38 362 373
  - Fax: (028)38 362 376
  - Website: [www.casumina.com](http://www.casumina.com)
  - Stock Ticker: CSM



## 2020 Achievements & Awards

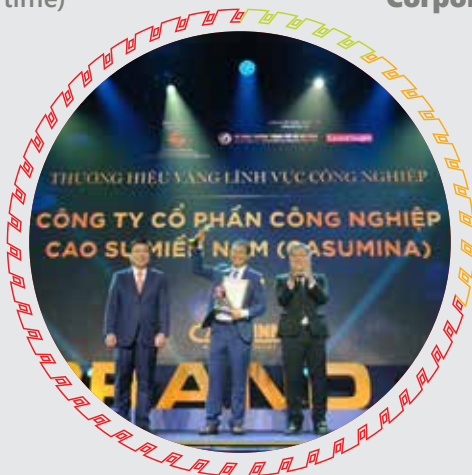
# Các giải thưởng & thành tựu 2020



**Thương hiệu quốc gia (lần thứ 7)**  
National brand (7th time)



**Asia Pacific Enterprise Award 2020 - APEA**  
Corporate Excellent category



**Thương hiệu vàng TP.HCM 2020**  
Ho Chi Minh city Brand Award



**Đơn vị có doanh thu cao thứ 2**  
của Vinachem năm 2020



**Đơn vị xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua 2020**  
của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp



# Business locations

## Địa bàn kinh doanh

### Thị trường nội địa:

Sản phẩm của CASUMINA đã có mặt trên 64 tỉnh thành khắp cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối và đại lý cấp 2, cấp 3. Thị trường nội địa vẫn chiếm tỷ trọng cao.

### Thị trường xuất khẩu:

Thị trường xuất khẩu chủ yếu bao gồm: Đông Nam Á, Châu Âu, Mỹ.

### Domestic market:

Casumina products has presence in 64 provinces via a strong network of agents, comprising of level 2 and level 3 agents. The domestic market still has a major share in total revenue.

### Export market

Main markets consists of South East Asia, Europe, US.

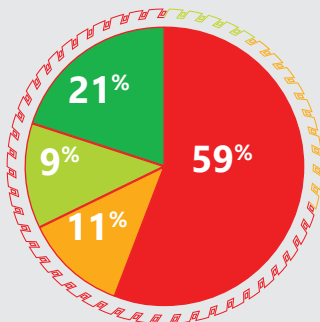


### Định hướng đối với thị trường xuất khẩu của Casumina là:

- Duy trì thị trường hiện có
- Đảm bảo cung ứng đúng tiến độ theo cam kết đối với hai đối tác Tیره Co, JinYu (nhóm lớp TBR, PCR).
- Tận dụng chính sách thương mại của các nước lớn theo hướng có lợi cho Công ty (thuế suất).

### Direction for export market of casumina

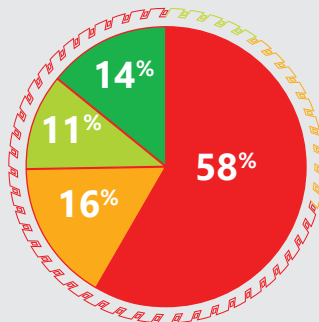
- Maintain current markets.
- Ensure supply capacity accordingly to schedule propose to Tیرهco, Jinyu (TBR, PCR group).
- Make use of trade agreement and policy, which give the Company advantages (in term of taxes)



### CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

NET REVENUE STRUCTURE

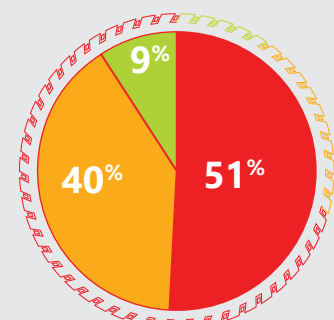
- Lốp ô tô & máy kéo  
Car & tractor tires
- Lốp xe máy  
Motorcycle tires
- Săm xe máy  
Motorcycle tubes
- Khác  
Others



### CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP

GROSS PROFIT STRUCTURE

- Lốp ô tô & máy kéo  
Car & tractor tires
- Lốp xe máy  
Motorcycle tires
- Săm xe máy  
Motorcycle tubes
- Khác  
Others



### CƠ CẤU DOANH THU THEO KHU VỰC

REGIONAL REVENUE STRUCTURE

- Nội địa  
Domestic
- Xuất khẩu  
Export
- Kinh doanh khác  
Other businesses

## Business lines

# Ngành nghề kinh doanh



Lốp ô tô Radial toàn thép

Truck Bus Radial tires



Lốp ô tô bias

Bias tires

Lốp xe nâng &  
lốp nông nghiệp  
Forklift tires &  
Agricultural tires



Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cao su công nghiệp & cao su tiêu dùng.

Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, thiết bị ngành công nghiệp cao su.

Kinh doanh thương mại dịch vụ.

Kinh doanh bất động sản.

Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.

Producing and trading industrial and commercial rubber products.

Trading, importing and exporting raw materials, chemical substances & equipments used in the rubber industry.

Trade & services.

Real estate.

Other businesses in compliance with national laws and regulations.



Lốp ô tô Radial bán thép

Passenger Car Radial tires



Lốp xe máy

Motorcycle tires



Lốp xe đạp

Bicycle tires



## Key timeline events

### Các sự kiện chính

Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam được thành lập theo quyết định số 427-HC/QĐ ngày 19/04/1976 của Nhà nước Việt Nam.

The Southern Rubber Industry Company was established according to Decision No. 427- HC/QD dated 19/04/1976 by the Vietnamese government.



Ký kết hợp đồng hợp tác sản xuất lốp xe tải nhẹ với Công ty CONTINENTAL Đức (tập đoàn đứng thứ 4 thế giới về sản xuất sảm lốp xe các loại)

Signed a collaborating contract with Continental Germany AG (The 4th largest global corporation in tires)

**2005**



**1997**

Thành lập Công ty Liên doanh lốp Yokohama Việt Nam với các đối tác Yokohama và Mitsubishi Nhật Bản để sản xuất sảm lốp ô tô và xe máy.

Yokohama Vietnam joint venture established with partners: Yokohama and Mitsubishi Japan to produce motorcycle and automobile tires.



**2009**

Công ty chính thức niêm yết 25.000.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM với mã cổ phiếu CSM.

Officially listed 25.000.0000 stocks on HOSE under the ticker CSM.



Khánh thành & đưa vào hoạt động nhà máy lốp Radial với công suất 1 triệu lốp/năm

Grand opening & running the all steel radial tire factory with capacity 1 million tires/year

**2014**

Đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất lốp radial bán thép với công suất 500 nghìn chiếc/năm. Chuyển giao công nghệ & cung cấp lốp PCR gia công cho đối tác TireCo Inc., một trong những doanh nghiệp kinh doanh lốp xe lớn nhất ở Bắc Mỹ. Đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất lốp radial bán thép với công suất 700 nghìn chiếc/năm

Operations of the passenger car radial tire factory commenced, with capacity of 500.000 tires/year. Transfer technology & supply PCR tires to TireCo Inc., one of North America's largest tire companies. Start running PCR production lines with capacity 700 thousand tires/year

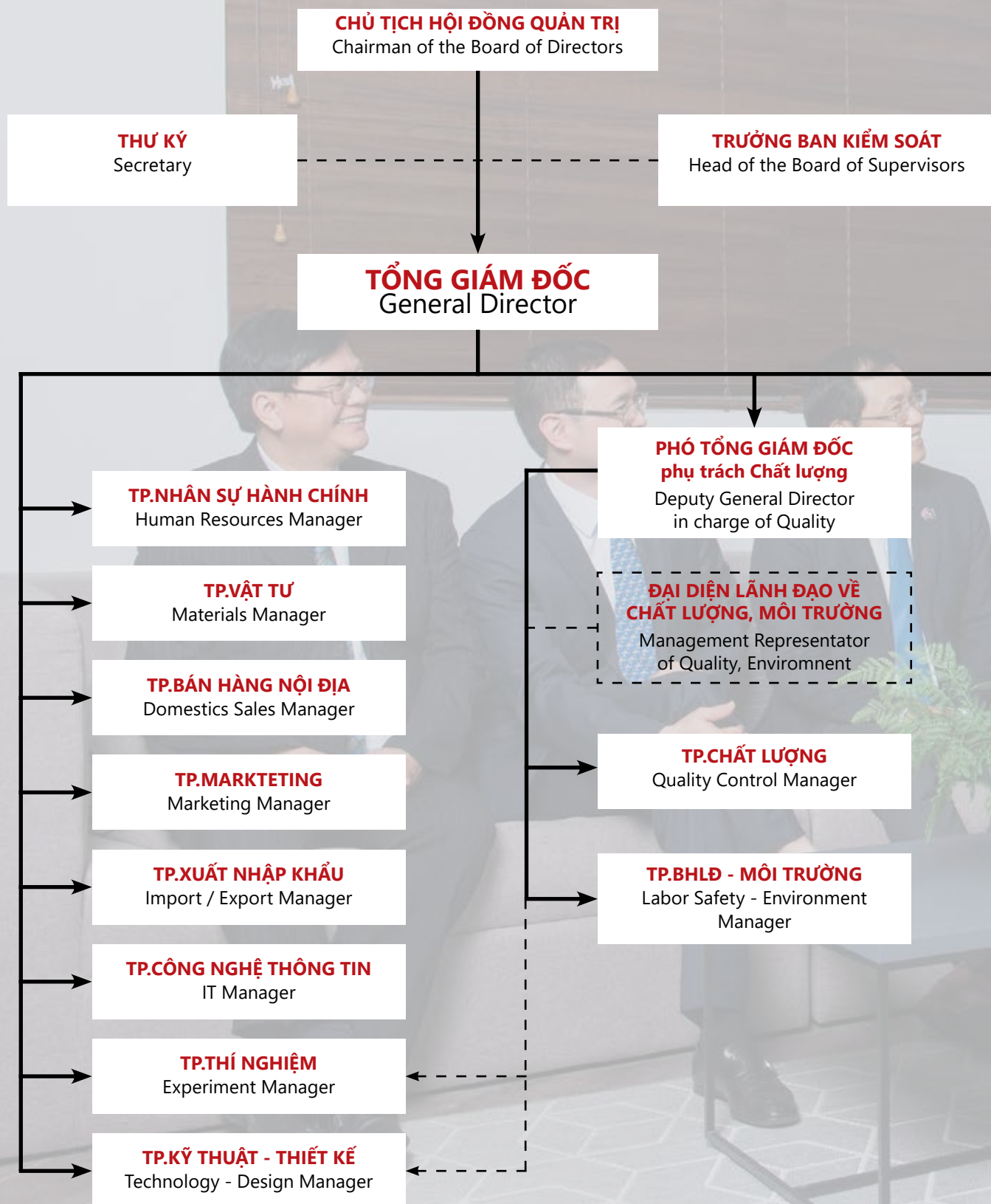
**2016**

**2017**

**2021**

Ra mắt dòng sản phẩm lốp radial bán thép (PCR) dành cho xe con với thương hiệu Advenza (theo tiêu chuẩn DOT của Mỹ).

Introducing PCR tire lineup under Advenza brand (complying with DOT standard required for US market).

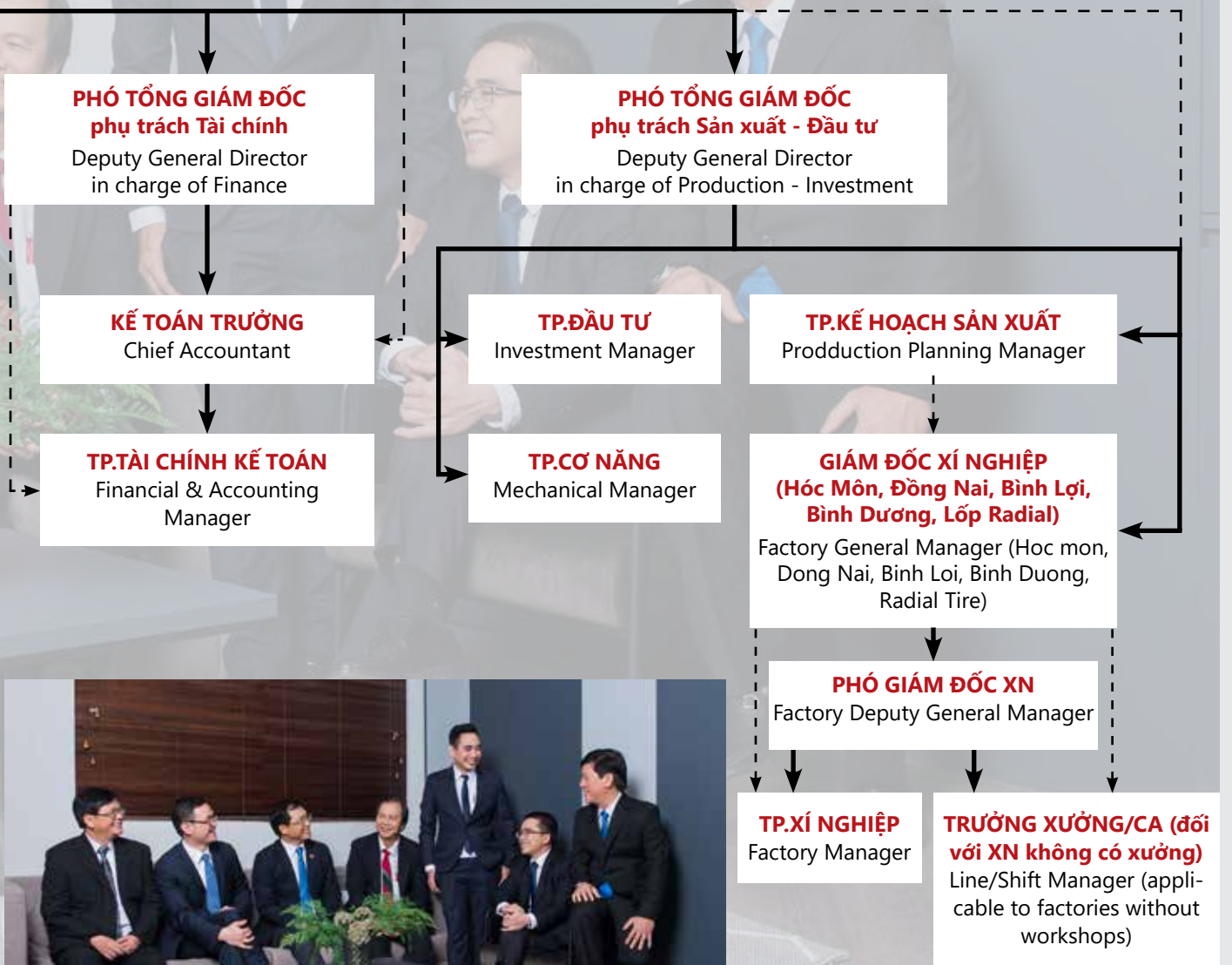


# Organization structure

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Ban hành kèm theo quyết định số: 08/ QĐ – HĐQT ngày 15/05/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Issued in accordance with the Decision No. 08/ QĐ-HĐQT dated 15th May, 2011 promulgated by the CEO.



## Human resource organization

### Tổ chức nhân sự



**Ông / Mr.  
Lê Ngọc Quang**

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị  
Chairman of the Board of  
Directors



**Ông / Mr.  
Phạm Hồng Phú**

Thành viên Hội đồng Quản  
Trị kiêm Tổng Giám Đốc  
Member of the Board of  
Directors cum. General Director



**Ông / Mr.  
Nguyễn Minh Thiện**

Thành viên Hội đồng Quản  
Trị kiêm Phó Tổng Giám  
Đốc  
Member of the Board of  
Directors cum. Deputy General  
Director



**Ông / Mr.  
Trần Thắng**

Thành viên Hội đồng Quản Trị  
Member of  
the Board of the Directors



**Ông / Mr.  
Nguyễn Ngọc Phương**

Thành viên Hội đồng Quản Trị  
Member of  
the Board of Directors





**Ông / Mr.  
Nguyễn Đình Đông**

Phó Tổng Giám Đốc  
Deputy General Director



**Ông / Mr.  
Vũ Quốc Anh**

Kế toán trưởng  
Chief Accountant



**Bà / Ms.  
Đào Thị Chung Tiến**

Trưởng ban Kiểm Soát  
Head of the Board of  
Supervisors



**Bà / Mrs.  
Vũ Thị Bích Ngọc**

Thành viên ban Kiểm Soát  
Member of the Board of  
Supervisors



**Bà / Mrs.  
Lê Thu Hương**

Thư ký HĐQT kiêm người  
phụ trách Quản trị Doanh  
nghiệp

Secretary of the Board of  
Directors cum. Person in charge  
of Corporate Governance



# Ông / Mr. LÊ NGỌC QUANG

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Chairman of the Board of Directors

Năm sinh: 06-05-1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Kế Toán

Born in: 06-05-1974

Professional qualifications: Master of Business Administration, Bachelor of English, Bachelor of Accountant

## Quá trình công tác:

- 1997 - 2004: Chuyên viên ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Hóa Chất Việt Nam.
- 2004 - 2010: Phó trưởng ban - Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Hóa Chất Việt Nam.
- 2010: Trưởng ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam.
- 2010 - 2016: Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam.
- 2016 - 2019: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam.
- 2019 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam, Ủy viên ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam

## CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 20.000 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 21.761.558 cp – 21%.

## Employment history:

- 1997 - 2004: Specialist, Financial accounting Department, Vietnam National Chemical Group
- 2004 - 2010: Vice Head , Financial accounting Department, Vietnam National Chemical Group.
- 2010: Head of Financial Accounting Department, Vietnam National Chemical Group.
- 2010 - 2016: Chief Accountant and Head of , Financial accounting Department, Vietnam National Chemical Group.
- 2016 - 2019: Deputy Director and Chief Accountant, Financial accounting Department, Vietnam National Chemical Group.
- 2019 to present: Deputy Director and Member of Standing Committee of Party Committee, Vietnam National Chemical Group.

## NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 20.000 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 21.761.558 shares – 21%.



Ông / Mr.  
**PHAM  
HỒNG PHÚ**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị  
kiêm Tổng Giám Đốc

Member of the Board of Directors cum.  
General Director

Năm sinh: 16-10-1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Born in: 16-10-1966

Professional qualifications: Master of  
Economics

**Quá trình công tác:** Gắn liền với Casumina

- 1990 – 1996: Nhân viên phòng Tài vụ
- 1996 – 2001: Nhân viên phòng Tài chính kế toán
- 2001 – 2008: Kế toán trưởng
- 2008 – 2010: Phó tổng giám đốc
- 2011 – 2015: Tổng giám đốc
- 02/2015: HĐQT thống nhất bầu ông Phạm Hồng Phú thay thế Ông Bùi Thế Chuyên giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- 2015 – đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

**CỔ PHIẾU NẪM GIỮ**

- Sở hữu cá nhân: 218.185 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

**Employment history:** Related to Casumina

- 1990 – 1996: Staff, Accounting Department.
- 1996 – 2001: Staff, Finance & Accounting Department.
- 2001 – 2008: Chief Accountant
- 2008 – 2010: Deputy General Director, Casumina.
- 2011 – 2015: General Director, Casumina.
- 02/2015: The Board of Directors agreed to appoint Mr. Pham Hong Phu to replace Mr. Bui The Chuyen as Chairman of the Board of Directors of Casumina.
- 2015 – now: Member of the Board of Directors, General Director, Casumina.

**NUMBER OF SHARES**

- Individual holdings: 218,185 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%



# Ông / Mr. NGUYỄN MINH THIÊN

Thành viên Hội Đồng Quản  
Trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Member of the Board of Directors  
cum. Deputy General Director



Năm sinh: 05-01-1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Born in: 05-01-1964

Professional qualifications: Bachelor of  
Economics

#### **Quá trình công tác:** Gắn liền với Casumina

- Năm 2007: Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ năm 2008 – 30/04/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ tháng 5/2011 - tháng 10/2018: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần công nghiệp cao su Miền Nam.
- Từ 11/2018 – Đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.

#### **CỔ PHIẾU NẤM GIỮ**

- Sở hữu cá nhân: 47.152 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

#### **Employment history:** Related to Casumina

- 2007: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2008 – 30/04/2011: Chief Accountant, Casumina.
- May 2011 – October 2018: Deputy General Director cum. Chief Accountant, Casumina.
- October 2018 - now: member of Board of Directors, Deputy General Director, Casumina

#### **NUMBER OF SHARES**

- Individual holdings: 47,152 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%.

# Ông / Mr. TRẦN THẮNG

Ủy viên

Hội Đồng Quản Trị

Member of

the Board of the Directors



Năm sinh: 17-04-1985

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh  
Doanh, Kỹ sư Công nghệ KTD

Born in: 17-04-1985

Professional qualifications: Master of Business  
Administration, Bachelor of Electrical Engineering

## Quá trình công tác:

- 2007 - 2008: Cán sự phòng Công tác Học sinh sinh viên - Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội.
- 2008 - 2010: Cán sự phòng Tổ chức Lao động - Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam.
- 2010 - 07/2019: Chuyên viên Ban Tổ chức Nhân sự - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 07/2019 - 06/2020: Chuyên viên Ban Thư ký HĐTV - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 06/2020 - 09/2020: Phó trưởng ban Thư ký HĐTV - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 06/2020 - đến nay: Phó trưởng ban - Phụ trách ban Thư ký HĐTV - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

## CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: không
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.362.647 cp – 10%.

## Employment history:

- 2007 - 2008: Staff, Student Button Room, Hanoi College of Industrial Economics.
- 2008 - 2010: Staff, Personnel and Labor Department, General Electrical equipment corporation.
- 2010 - 2019: Specialist, Human Resource Department, Vietnam National Chemical Group.
- 07/2019 - 06/2020: Specialist of Vietnam National Chemical Group Secretariat.
- 06/2020 - 09/2020: Deputy Secretary, Vietnam National Chemical Group Secretariat.
- 09/2020 to Present: Deputy Secretary in charge of Vietnam National Chemical Group Secretariat.

## NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 0
- Holdings on behalf of Vinachem: 10.362.647 shares – 10%.



Ông / Mr.  
**NGUYỄN  
NGỌC PHƯƠNG**

Thành viên  
Hội Đồng Quản Trị

Member of the **Board of Directors**

Năm sinh: 11-01-1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Born in: 11-01-1982

Professional qualifications: Masters

**Quá trình công tác:**

- 2008 - 2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2011 – 2013: Phó phòng Nhân sự Hành chính Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- Tháng 05/2013 – đến nay: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần CNCS Miền Nam

**CỔ PHIẾU NẤM GIỮ**

- Sở hữu cá nhân: 6.940 cp

**Employment history:**

- 2008 - 2011: Staff, Planning Department, Casumina.
- 2011 – 2013: Deputy Head of Administration & HR Department, Casumina.
- May 2013 – now: Member of the Board of Directors, Head of Material Department, Casumina.

**NUMBER OF SHARES**

- Individual holdings: 6,940 shares

# Ông / Mr. NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG

Phó Tổng Giám Đốc

Deputy General Director



Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa.

Born in: 1963

Professional qualifications: Chemical Engineer



## Quá trình công tác:

- 1988 – 1996: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp cao su Hóc Môn, trực thuộc Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 1996 – 2000: Phó xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2000 – 2002: Trưởng xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2002 – 2005: Phó giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2005 – 2006: Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2007 – 2009: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2009 – đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.

## CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 27.609 cp

## Employment history:

- 1988 – 1996: Engineer, Technical Department, Hoc Mon Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 1996 – 2000: Deputy Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2000 – 2002: Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2002 – 2005: Deputy Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2005 – 2006: Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2007 – 2009: Head of Technical Department, Casumina.
- 2009 – now: Deputy General Director, Casumina.

## NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 27,609 shares



## Bà / Ms. **ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN**

Trưởng ban Kiểm Soát

Head of the Board of Supervisors

Năm sinh: 14/04/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Born in: 14/04/1975

Professional qualifications: Bachelor of Economics

### **Quá trình công tác:**

- 1996 - 2007: Nhân viên Phòng Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2007 – 2010: Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp Găng tay Việt Hưng, trực thuộc Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2010 – 2016: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2016 – đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.

### **CỔ PHIẾU NẪM GIỮ**

- Sở hữu cá nhân: 5.601 cp

### **Employment history:**

- 1996 – 2007: Staff, Accounting Department, Casumina.
- 2007 – 2010: Head of Accounting Department, Viet Hung Gloves Factory, a subsidiary of Casumina.
- 2010 – 2016: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2016 – now: Head of the Board of Supervisors, Casumina.

### **NUMBER OF SHARES**

- Individual holdings: 5,601 shares



# Labor policy

## Chính sách lao động

### CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

**Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

**Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

**Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

**Chế độ làm việc:** Chế độ làm việc tại Casumina được áp dụng theo đúng luật lao động. Công nhân viên làm việc 8 giờ/ngày được hưởng thù lao và các chế độ phù hợp

### TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty. Đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản. cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

### CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung :

Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.

Đối với cán bộ, công nhân viên chưa qua thực tiễn được thực hiện luân chuyển công việc, đưa

### LABOR POLICY

**Salary:** The Company builds a customized salary policy which is appropriate to the specific features of the business and guarantees that labor will receive the full benefits pursuant to the state-specific standard and based on individual's work, capacity and performance.

**Bonus:** To motivate employees to increase work productivity, the Company has periodic, spontaneous bonuses for individuals and teams.

**Insurance and benefits:** The Company will cover fees for social security, health insurance pursuant to the local law.

**Working hours:** Working hours at Casumina will be applied pursuant to labor laws. Employees work for 8 hours per day will receive appropriate wage and benefits.

### HIRING PROCESS

The purpose of the Company's recruitment process is to attract labor who has the capacity to work for the Company and meet the demand of business expansion. Subject to specific job position, the company sets out specific required criteria. However, every position needs to meet some basic requirements such as: basic specialized qualifications; managers need to have a Bachelor's degree, passion for the jobs, be proactive and creative. For those critical positions, hiring requirements are quite strict, with compulsory criteria about work experience, analyzing skills and language, information technology skills.

### TRAINING

The Company always maintains an annual training program in order to advance all employees' skills. Training forms are mainly on-site and in depth with the following details:

Focus and having plans of training, retraining and fostering economic management and professional knowledge skills, to meet the criteria for each job position.

Staff with no experience will participate in job rotation and go to the office for on-the-job training. For critical managing staff, the

xuống cơ sở một thời gian để rèn luyện, thử thách thêm trong thực tiễn.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, được công ty chú trọng bồi dưỡng các kiến thức về quản lý kinh tế; về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Đặc biệt ưu tiên đào tạo trình độ trên đại học để nâng cao về chuyên môn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của công ty.

Hàng năm các phòng ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho Giám đốc để theo dõi, chỉ đạo.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- + Lao động bình quân 2020: 2.350 người
- + Lương bình quân: 10.829.000 đồng/người / tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như: đóng BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ bảo hộ lao động... tiền lương và thu nhập đối với người lao động. Thực hiện kịp thời các thủ tục để người lao động được hưởng chế độ khi nghỉ việc, nghỉ hưu...

Duy trì mua bảo hiểm tai nạn con người theo chế độ 24/24 cho người lao động

Thực hiện việc khám sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp hàng năm

Thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho NLĐ: thưởng cho các ngày Lễ/Tết, chế độ nghỉ phép hàng năm, chế độ thưởng thâm niên cho NLĐ lâu năm, quà Tết cho NLĐ...

c) Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

- + Số giờ đào tạo bình quân mỗi năm:
- Số giờ đào tạo bình quân trong năm: 10.5 giờ/NLĐ
- Tổng số giờ đào tạo trong năm: 24.584 giờ.

Trong đó:

- + Chương trình đào tạo chung (Huấn luyện ATVSLĐ, PCCC): 2.440 giờ
- + Đào tạo cán bộ quản lý: 56 giờ
- + Đào tạo nhân viên nghiệp vụ: 3.392 giờ
- + Đào tạo công nhân trực tiếp sản xuất: 18.604 giờ
- + Đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp: 92 giờ

company will focus on fostering economic management knowledge; cooperation, joint venture with foreigners; project execution and management; specific law on each professional knowledge; language and information technology. Special priority is to acquire post-graduate degrees in order to enhance professional knowledge, which is appropriate to the requirements, objectives, and development strategy of the Company.

Annually each department reviews current training performance, builds next-year plans for training, retraining and fostering staff and reports to Directors for guidance.

a) Number of employees, average salary per employee per month:

- + Number of employees 2020: 2.350 employees
- + Average salary: 10.700.000 VND/employees /month

b) Workplace policies ensure benefits, safety, and health of employees:

- The Company undertakes all the policies beneficial to labor such as: paying for social security, health insurance, unemployment insurance, labor protection policies. Completing procedures on time in order for labors to enjoy leaving, retirement benefits.

Maintaining the 24/24 accident insurance for labors.

Undertaking

Workplace policies ensure benefits, safety, and health of employees: Company organized annual health check for general and job-related issue

Good execution of other benefits for labors: bonus on holidays/Tet, annual leave, bonus based on

Seniority, special gift for Tet

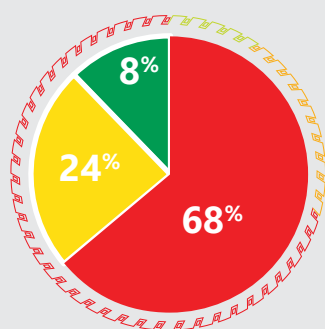
c) Average training hour per year, per employee and employee classification:

- + Average training hour per year:
- Average training hour per year: 10.5 hour/ labor
- Total training hour in 2020: 24.584 hours.

Details :

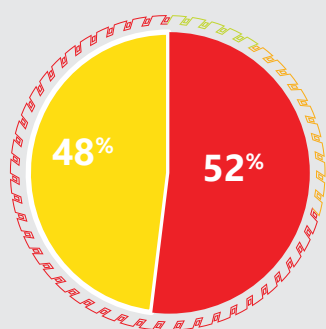
- + General trainings (Occupational safety and health (OSH) and Fire protection): 2.440 hour
- + Manager training: 56 hours.
- + Specialist training: 3.392 hours
- + Production line worker training: 18.604 hours
- + Professional sale training: 92 hours

STT No.	Tiêu chí Indicator	Số lượng người Amount of people	Tỷ trọng Percentage
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b> Based on education level	<b>2,350</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ lao động phổ thông Common labor	572	24%
2	Trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng College, university and above labor	179	8%
3	Trình độ trung cấp Intermediate labor	1,599	68%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b> Based on type of contract	<b>2,350</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn Labor contract without fixed term	1,433	61%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm Fixed term contract (1-3 year)	47	2%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) Temporary labor contract (less than 1 year)	870	37%
<b>III</b>	<b>Theo tính chất lao động</b> Based on working feature	<b>2,350</b>	<b>100%</b>
1	Trực tiếp sản xuất Direct labor	1,217	52%
2	Không trực tiếp sản xuất Indirect labor	1,133	48%



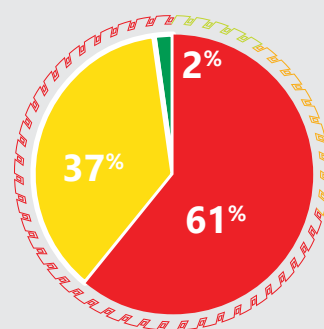
**THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG**  
BASED ON EDUCATION LEVEL

- **Trình độ lao động phổ thông**  
Common labor
- **Trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng**  
College, university and above labor
- **Trình độ trung cấp**  
Intermediate labor



**THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG**  
BASED ON WORKING FEATURE

- **Trực tiếp sản xuất**  
Direct labor
- **Không trực tiếp sản xuất**  
Indirect labor



**THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**  
BASED ON TYPE OF CONTRACT

- **Hợp đồng không thời hạn**  
Labor contract without fixed term
- **Hợp đồng xác định từ 1-3 năm**  
Fixed term contract (1-3 years)
- **Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)**  
Temporary labor contract (less than 1 year)

# Shareholder structure

## Cơ cấu cổ đông

			<b>2019</b>	<b>2020</b>
<b>Cổ phần / Shares</b>			103.625.262	103.625.262
<b>Cơ cấu cổ đông 2020 / 2020 Shareholders structure</b>				
Cơ cấu cổ đông Shareholder structure	Số lượng cổ đông Number of shareholders	Số cổ phần Number of shares	Tổng giá trị theo mệnh giá Total par value	Tỷ lệ Percentage
<b>Cổ đông trong nước</b> Domestic shareholders	<b>5,306</b>	<b>101,653,483</b>	<b>1,016,534,830,000</b>	<b>98.10%</b>
Tổ chức Institution	66	62,444,206	624,442,060,000	60.26%
Cá nhân Individual	5,240	39,209,277	392,092,770,000	37.84%
<b>Cổ đông nước ngoài</b> Foreign shareholders	<b>109</b>	<b>1,972,984</b>	<b>19,729,840,000</b>	<b>1.90%</b>
Tổ chức Institutional	20	1,752,867	17,528,670,000	1.69%
Cá nhân Individual	89	220,117	2,201,170,000	0.21%
Cổ phiếu quỹ Treasury shares		1,205	- 12,050,000	
<b>Tổng cộng</b> <b>Total</b>	<b>5,415</b>	<b>103,626,467</b>	<b>1,036,264,670,000</b>	<b>100%</b>

## Subsidiaries

### Các đơn vị thành viên

# 1.

#### XN Cao su Hóc Môn

Hoc Mon rubber factory



- Địa chỉ: Phường Tân Thới Hiệp, Q. 12, TP. HCM
- Sản phẩm: lốp xe đạp, săm xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp xe công nghiệp, săm và yếm ô tô
- Address: Tan Thoi Hiep Ward, District 12, HCMC
- Products: bicycle tire, bicycle tube, motorcycle tire, motorcycle tube, industrial tire, automobile tube and flap

# 2.

#### XN Bình Dương

Binh Duong factory

- Địa chỉ: TT. Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
- Sản phẩm: Bán thành phẩm cao su, lốp xe nâng, lốp đặc, lốp đắp.



# 4.

#### XN Cao su Đồng Nai

Dong Nai rubber factory



- Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- Sản phẩm: Lốp xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô, lốp nông nghiệp
- Address: Bien Hoa Industrial Zone 1, Dong Nai Province
- Products: Bicycle tire, motorcycle tire and tube, automobile tire, agricultural tire



# 3.

#### XN lốp Radial

Radial tire factory

- Địa chỉ: TT. Uyên Hưng, H. Tân Uyên, T. Bình Dương
- Sản phẩm: Lốp Radial bán thép (PCR), Lốp Radial toàn thép (TBR).
- Đây là nhà máy lốp toàn thép Radial thứ 2 tại Việt Nam
- Address: Uyen Hung Town, Tan Uyen District, Binh Duong Province
- Products: Passenger Car Radial (PCR), Truck Bus Radial (TBR)
- This is the 2nd all steel radial tire factory in Vietnam

# 5.

#### XN Cao su Bình Lợi

Binh Loi rubber factory



- Địa chỉ: 2/3, Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức
- Sản phẩm: lốp ô tô, lốp nông nghiệp, cao su kỹ thuật.
- Address: 2/3 Kha Van Can Street, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc city
- Products: automobile tire, agricultural tire, technical rubber.

- Address: Uyen Hung Town, Tan Uyen District, Binh Duong Province
- Products: Semi-finished rubber products, forklift tire, solid tire, retread tire.

Nhà máy Factory	Sản phẩm Products	Công suất thiết kế (nghìn chiếc/năm) Designed capacity (Thousand pcs/year)	Công suất hoạt động hiện tại (nghìn chiếc/năm) Current capacity (Thousand pcs/year)
CASUMINA RADIAL	Lốp Radial toàn thép (TBR) Truck Bus Radial tire	350	300
	Lốp Radial bán thép (PCR) Passenger Car Radial tire	1.200	1.200
XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN HOC MON RUBBER FACTORY	Săm xe đạp Bicycle tube	6,900	6,000
	Lốp xe đạp Bicycle tire	1,900	1,600
	Lốp ô tô cổ Antique car tire	25	25
	Săm xe máy Motorcycle tube	16,000	16,000
	Lốp xe máy Motorcycle tire	3,000	2,700
	Lốp công nghiệp Industrial tire	750	650
	Săm ô tô Automobile tube	1,200	950
	Yếm ô tô Automobile flap	500	450
XÍ NGHIỆP CAO SU ĐỒNG NAI DONG NAI RUBBER FACTORY	Lốp xe đạp Bicycle tire	3,000	2,200
	Săm xe máy Motorcycle tube	16,000	13,000
	Lốp xe máy Motorcycle tire	3,000	2,200
	Lốp ô tô Car tire	850	750
	Lốp nông nghiệp Agricultural tire	35	20
XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI BINH LOI RUBBER FACTORY	Lốp ô tô Car tire	350	250
	Ống cao su ( tấn/năm) Rubber tube ( ton/year)	300	120
XÍ NGHIỆP BÌNH DƯƠNG BINH DUONG FACTORY	Bán thành phẩm (tấn/năm) Master compound ( ton/year)	42,000	40,000
	Lốp xe nâng Forklift tire	60	50
	Lốp đặc Solid tire	360	300
	Lốp đắp Retread tire	60	

### 3 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Development direction



Mục tiêu  
Goals

**P.40**

Chiến lược phát triển  
Development strategies

**P.40**

Các rủi ro  
Risks & difficulties

**P.41**

# 2023

Doanh thu đạt mốc 6.800 tỷ đồng, trong đó: doanh thu lốp TBR 2.500 tỷ đồng (tương đương 600 nghìn chiếc), doanh thu lốp PCR 1.300 tỷ đồng (1,5 triệu chiếc)  
Revenue of VND 6,800 billion, of which: revenue from TBR tires VND 2,500 billion (approximately 600,000 tires), revenue from PCR tires VND 1,300 billion (approximately 1.5 million tires).

## Goals Mục tiêu

## Development strategies Chiến lược phát triển

- Giữ vững thị trường sản phẩm truyền thống. Tập trung ba dòng sản phẩm chiến lược: Lốp xe máy không săm (Tubeless), Lốp TBR, Lốp PCR.
- Duy trì vị thế dẫn đầu trong nước đối với dòng lốp ô tô tải bias
- Triển khai phân phối lốp PCR đối với thị trường trong nước. Hợp tác chặt chẽ với các Doanh nghiệp lắp ráp.
- Mở rộng hợp tác toàn diện với các đối tác xuất khẩu lớn, uy tín. Dựa vào lợi thế các chính sách thương mại thế giới đối với công nghiệp sản xuất săm lốp.
- Chú trọng vào công tác nghiên cứu phát triển: Sản xuất thành công những dòng lốp ô tô đặc chủng, đặc thù; Nắm chắc toàn bộ công nghệ sản xuất lốp theo hướng hiện đại
- Phát triển hệ thống bán hàng và hậu mãi dựa vào thương mại thông minh và mạng máy tính

- Maintain the traditional product market. Focus on three strategic product lines: Tubeless Tires, TBR Tires, PCR Tires.
- Maintain the leading position of Bias truck tyre.
- Distribute PCR in domestic market. Work closely with assembling company.
- Work in reputed clients in export market by making use of trade agreement and policy, which give the Company advantages.
- Focus on product development : produce special tyres; manage the whole production line with technology.
- Develop a smart trading platform.



# Risks & difficulties

## Các rủi ro

### RỦI RO VỀ KINH TẾ:

- Mục tiêu năm 2021 của Việt Nam là tập trung thực hiện hiệu quả 2 nhiệm vụ chính: vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế xã hội trong trạng thái bình thường mới trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát với mục tiêu GDP tăng khoảng 6 - 7% năm 2021.

- Các động lực cơ bản giúp nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng: Thứ nhất: Ổn định vĩ mô. Dự báo của các tổ chức quốc tế khá lạc quan với mức GDP của Việt Nam từ 6,7% đến trên 7%. Kỳ vọng này nằm trên yếu tố áp lực lạm phát sẽ vẫn yếu để Chính phủ có thể điều hành cả chính sách tiền tệ và tài khóa theo hướng hỗ trợ tăng trưởng. Thứ hai: Đầu tư doanh nghiệp tư nhân phục hồi cộng với đà tăng đầu tư công cho cơ sở hạ tầng vẫn tiếp tục. Duy trì mặt bằng lãi suất thấp, cụ thể là lãi suất tiền gửi ở mức hiện nay và giảm tiếp lãi suất cho vay, sẽ là động lực thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp trong năm 2021 và những năm sau. Thứ ba: Sự nổi lại dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ xảy ra sau Covid. Thành tích kiểm soát Covid cộng với xu thế chuyển dịch chuỗi cung ứng sẽ duy trì vị thế hấp dẫn dòng vốn đầu tư nước ngoài cho Việt Nam. Nhưng dòng vốn đầu tư nước ngoài sẽ tạo ra thách thức đối với cơ quan điều hành chính sách tiền tệ và tỷ giá để đảm bảo nền kinh tế Việt Nam vẫn có thể hấp thụ được dòng vốn nước ngoài. Thứ tư: Phục hồi sức mua thị trường trong nước. Một trong những băn khoăn nhất, thách thức nhất của doanh nghiệp hiện nay là kinh doanh không thể thực sự khởi sắc, nếu sức mua của thị trường nội địa vẫn yếu. Chuyển đổi số đã là động lực rất lớn để Doanh nghiệp thích ứng với loại hình mua sắm mới. Chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa cũng phải ở trạng thái hỗ trợ tăng trưởng để phục hồi sức mua trên thị trường trong nước. Đây là cơ sở cho sự phục hồi sức mua thị trường nội địa trong năm nay. Thứ năm: Động lực tăng trưởng cuối cùng của Việt Nam trong năm 2021 là xuất khẩu. Về chính sách kinh tế đối ngoại, Việt Nam sẽ phải chủ động làm việc với phía Hoa Kỳ để tránh mọi khả năng nảy sinh căng thẳng thương mại song phương. Cũng vì vậy mà xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ khó có thể tăng mạnh như những

### ECONOMIC RISKS

- Vietnam has 02 goals in 2021: prevention of Covid-19 and economic recovery in the new normal situation by stabilizing macro economy, controlling inflation to achieve GDP growth at 6 – 7% in 2021.

- Basic forces that will help Vietnam economy achieve the desired growth: #1: Stabilized macro. Forecast of international organization shows positive sign for Vietnam's GDP with 6% to 7% growth. This expectation is forecasted based on the low inflation rate that will allow the Government to manipulate monetary policy and fiscal policy to support growth. #2: Private investment recovery and public investment in infrastructures continues to growth. Maintaining low interest rate - specifically the current deposit interest rate and lowering the loan interest rate even more will be the necessary push to attract more investment in 2021 onward. #3: Foreign investment resume after Covid. Vietnam achievement in control the pandemic in sync with the supply chain shift will maintain Vietnam position as the attraction for foreign investment. On other hands, foreign investment will pose more challenges to the Government in the effort to control the monetary policy and exchange rate to ensure Vietnam economy can withstand the investment flow. #4: Domestic market's recovery. The most concern and challenge of any enterprise in the current situation is the buying capacity of domestic market is still low. Digital transformation is the great motivation for enterprise to push domestic consumption up. Monetary policy and fiscal policy must always set to support growth and support domestic market recovery. #5: Last push force of Vietnam in 2021 is export. In term of foreign policy, Vietnam needs to work with The US initiatively to avoid any possible trade dispute. This is the reason why Vietnam's export to the US cannot grow as well as it did in previous years. On the other hand, EVFTA and UVFTA will be the impactful element to increase export from Vietnam to EU.

- Environmental change and pandemic affect global and Vietnam economy greatly.

- Growth rate of automobile industry

năm trước. Bên lại, việc thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Vương quốc Anh sẽ là yếu tố để đẩy mạnh xuất khẩu trong châu Âu.

- Rủi ro về biến đổi khí hậu, dịch bệnh tác động bất lợi đến toàn bộ nền kinh tế thế giới và Việt Nam.

- Mức tăng trưởng của nền công nghiệp ô tô và các doanh nghiệp sản xuất xe máy trong năm 2020 là một yếu tố quan trọng trong việc duy trì, phát triển chuỗi cung ứng, cung cấp linh kiện và thay thế. Mức tăng trưởng gần 4% so với 2020 đối với nhóm xe ô tô các loại và 2,4% đối nhóm xe máy các loại cho thấy thị trường Việt Nam có nhiều tiềm năng.

- Chính sách ưu đãi của Chính phủ Việt Nam trong việc phát triển công nghiệp lắp ráp xe trong nước với tỷ lệ nội địa hóa tăng. Điều này, được đánh giá vừa là cơ hội, vừa là thách thức nếu các doanh nghiệp ngành săm lốp không đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật kèm theo và chuyển đổi dòng lốp vành chéo (bias) sang bố thép (Radial).

- Sức ép từ cạnh tranh nội ngành săm lốp ngày càng diễn ra gay gắt, từ các doanh nghiệp sản xuất trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài đặt nhà máy tại Việt Nam và đặc biệt là hoạt động nhập khẩu săm lốp chưa minh bạch đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Casumina.

- Chính sách thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp chính phủ của Mỹ đối với nhóm lốp Radial bố thép (xe tải cỡ nhỏ và xe du lịch) sản xuất tại Việt Nam sẽ tác động mạnh mẽ đến sản lượng và hiệu quả nhóm sản phẩm này của Casumina.

- Tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng dịch vụ vận tải đường biển sẽ làm chi phí xuất khẩu tăng cao. Đây là một yếu tố tiêu cực tác động mạnh mẽ đến việc bố trí sản xuất, làm xáo trộn quản lý kho vận của Công ty và làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty.

### **RỦI RO VỀ LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ**

- Nợ vay chiếm hơn 50% trong cơ cấu tổng nguồn vốn của CASUMINA, tăng cao so với năm 2020 và dự kiến tiếp tục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu vốn năm 2021 đã làm tăng chi phí lãi vay, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận biết được vấn đề này, CASUMINA luôn quan tâm đến việc kiểm soát và duy trì tỷ lệ nợ ở mức hợp lý.

including car and motorcycle industry in 2020 is an important aspect in maintaining and developing the supply chain – including the accessories and replacement part industry. The growth rate of 4% for car and 2.4% for motorcycle in 2020 show great potential in Vietnam.

- Vietnamese Government subsidies for domestic automobile industry in recent years helped increase domestication rate. This is an opportunity and challenge at the same time as companies in tire and tube industry have been able to shift from Bias tire to Radial tire while complying with the higher technical requirement of Radial tire.

- Harsh competition in domestic market, from both domestic manufacturers and foreign manufacturers who has factories in Vietnam. Especially the non-transparency of imported tire and tube has been affecting Casumina operation.

- The CVD and AD from the US Government on PCR and Light truck tire produced in Vietnam affect Casumina's capacity and efficiency in producing this group of product.

- Logistic breakdown increases export expense. This is an element affecting the company's production, inventory and decreasing the company's efficiency.

### **RISKS OF INTEREST RATE AND EXCHANGE RATE**

- Loans accounted for more than 50% of Casumina's total capital structure, which was higher than that of 2020 and expected to take a large proportion in Casumina's 2021 capital structure, resulting in increase in interest expense, thereby directly affecting the Company's business performance.

Recognizing this issue, CASUMINA is always

Casumina đặt mục tiêu duy trì mức lợi vay 2.5%/ doanh thu.

- Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu thành phẩm của CASUMINA chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá. Công ty phải nhập khẩu cao su tổng hợp, than đen, hóa chất... Công ty xuất khẩu các sản phẩm săm lốp đến nhiều nước như Hoa Kỳ, khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Á. Tỷ trọng doanh thu từ xuất khẩu luôn chiếm tỷ trọng cao (35% trong năm 2020 và dự kiến tăng lên 40%-45% trong năm 2021). Do đó, biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu các sản phẩm săm lốp của công ty.

### **RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP**

- Hoạt động của CASUMINA chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã có hiệu lực từ năm 2015, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho không vi phạm các quy định được điều chỉnh.

- Chủ trương thoái vốn đối với phần vốn nắm giữ của nhà nước dưới 51% đòi hỏi Công ty phải huy động đủ nguồn lực để tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu Casumina chuyên sản xuất săm lốp xe các loại.

- Hoạt động hợp tác và tiêu thụ sản phẩm đối với các đối tác nước ngoài đòi hỏi Casumina có một đội ngũ Cán bộ chuyên sâu về lĩnh vực pháp lý quốc tế nhằm thiết lập một quy trình xem xét, chỉnh sửa và ban hành các hợp đồng ngoại phù hợp với luật pháp quốc tế.

### **RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU:**

- Sự biến động giá của hầu hết các nguyên vật liệu chủ yếu theo hướng tăng mạnh như: Cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên, bố thép, vải màn, than đen... từ quý 4/2020 cho đến hiện nay, sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Tác động của dịch bệnh Covid 19 đã làm giảm nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu (do nhà cung cấp chưa phục hồi công suất, do gặp khó khăn trong vận chuyển) có thể sẽ là nguyên nhân gây thiếu nguyên liệu cục bộ phục vụ cho sản xuất. Do vậy, chính sách tồn kho nguyên liệu linh hoạt và chính sách giá bán phù hợp theo

interested in controlling and maintaining debt ratio at a reasonable level. Casumina aims to maintain the loan interest at 2.5% of revenue.

- CASUMINA's raw material import and export activities are significantly affected by exchange rate fluctuations. The Company has to import synthetic rubber, black coal, chemicals, etc. Meanwhile, the Company also exports tyres and tubes to many countries such as USA, Europe, Africa, Asia. Export turnover always accounts for a high proportion (35% in 2020, expected to reach 40% - 45% in 2021). Therefore, the exchange rate fluctuations will affect the import of raw materials and export of tyres and tubes of the Company.

### **RISK OF LEGALITY**

CASUMINA's activities are influenced by the Enterprise Law, the Securities Law and related legal documents. The system of laws and legal documents of Vietnam is still in the process of being completed, changing in policies may occur and then will affect the Company's business activities. The Enterprise Law No. 68/2014 / QH13 which has been effected since 2015 and other relevant laws will also be adjusted accordingly, requiring the company to ready adjust its operations to not break the regulated rules.

- The policy of divesting state capital under 51% requires the Company to mobilize sufficient resources to continue maintaining and developing Casumina brand specializing in manufacturing tires and tubes of all kinds.

- Collaboration and product consumption to foreign partners that requires Casumina to have an professional sale team which understand international legality to set up a process of review, revision and making sale contracts in accordance with international law.

### **RAW MATERIAL RISK**

- Price fluctuation of raw materials such as: Synthetic rubber, natural rubber, steel core, nylon, carbon black,... from Quarter 4, 2020 to present decreased the company's efficiency. Covid-19's impact on supplier's capacity and delivery schedule also contributed in raw materials shortage. Flexible inventory policy and selling price for various periods is Casumina's core solution to lessen up the mentioned raw material pressure.

- Tightening and unyielding policies applied to chemical industry (including chemicals used

từng thời kỳ là giải pháp căn cơ mà Casumina đang áp dụng nhằm giảm thiểu áp lực trên.

- Chính sách thu hẹp và những quy định nghiêm ngặt đối với ngành sản xuất hóa chất (trong đó có hóa chất phục vụ cho công nghiệp sản xuất săm lốp) của các nước là một rủi ro khá nghiêm trọng về sản lượng cung ứng và giá cả.

#### **RỦI RO VỀ CẠNH TRANH**

- Cạnh tranh chủ yếu về giá bán đối nhóm sản phẩm săm lốp xe đạp, xe máy sẽ là một rủi ro cho toàn ngành khi biên lợi nhuận giảm mạnh, giảm tính liên kết ngành trong nước yếu trong khi sản phẩm nhập ngoại ngày càng chiếm tỷ trọng cao.

- Áp lực về giá nguyên vật liệu tăng, sẽ làm Casumina giảm hiệu quả đối với dòng lốp PCR cung ứng cho thị trường xuất khẩu.

#### **RỦI RO CẠNH TRANH NHÓM SẢN PHẨM**

- Cạnh tranh chủ yếu về giá bán đối nhóm sản phẩm săm lốp xe đạp, xe máy sẽ là một rủi ro cho toàn ngành khi biên lợi nhuận giảm mạnh. Tính liên kết ngành đối với thị trường trong nước trở nên yếu, trong khi sản phẩm nhập ngoại ngày càng chiếm tỷ trọng cao.

- Sự cạnh tranh của các thương hiệu nhập khẩu nổi tiếng như: Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook... đặc biệt từ Trung Quốc đối với nhóm sản phẩm lốp TBR với giá bán rẻ đã tạo áp lực mạnh mẽ đối với Casumina.

- Áp lực về giá nguyên vật liệu tăng, sẽ làm Casumina giảm hiệu quả đối với dòng lốp PCR.

in producing tire and tube) of Vietnam is a serious risk affecting supply and price.

#### **COMPETITION RISK:**

- Harsh price competition in bicycle and motorcycle tire segment is a risk to the whole industry when profit margin decreases sharply, internal connection between companies in the industry lower when imported goods' market share increases. Competition from big brands such as Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook... especially Chinese brands at cheaper price put Casumina under heavy pressure.

- The more expensive the raw materials are, the less efficient Casumina's PCR production becomes.

#### **RISK OF COMPETITION IN GROUP PRODUCTS**

• Price competition in bicycle, motorcycle group is a risk for the whole industry when it made total revenue dropped and internal links within the industry weakened; it created an opportunity for imported products to take a large proportion of the market share.

• The competition of well-known importers such as Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook, etc. especially from China for TBR tyre product rage at low price has created strong pressure on Casumina.

• Increasing pressure of raw material is decreasing the efficiency of Casumina in production of PCR for exporting.



## 4 BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

Board of Management report



Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2020  
2020 business performance report

**P.46**

Phương hướng sản xuất kinh doanh 2021  
2021 business orientation

**P.53**

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư  
Implementation of investment projects

**P.58**

# 2020 business performance report

## Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2020

### Tình hình chung General situation

Nhìn chung trong năm 2020 Công ty đã gặp phải một số khó khăn chính như sau:

- Dịch Covid -19 bùng phát với nhiều diễn biến phức tạp trong 6 tháng đầu năm 2020 đã ảnh hưởng khá nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các biện pháp phong tỏa, hạn chế đi lại theo chủ trương của Chính phủ Việt Nam về giãn cách xã hội đã tác động trực tiếp đến các hoạt động thương mại trong nước. Nhu cầu vận chuyển hàng hóa và cá nhân giảm, đã làm sản lượng tiêu thụ sản phẩm lốp xe giảm theo.

- Chuỗi cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất bị đứt gãy, gián đoạn về phương tiện vận chuyển đường biển của các Nhà cung cấp đã làm Công ty gặp khó khăn trong việc bố trí sản xuất. Vấn đề này trở nên nghiêm trọng từ quý 4/2020.

- Tác động tiêu cực khi Chính phủ Mỹ bắt đầu điều tra chống trợ cấp (CVD) và chống bán phá giá (AD) đối với lốp xe du lịch và xe tải nhỏ được sản xuất bởi các doanh nghiệp Châu Á, trong đó có Việt Nam từ tháng 06/2020: Sản lượng xuất khẩu lốp ô tô bán thép (PCR) của Casumina sụt giảm 25% (Chính phủ Mỹ đã công bố mức thuế CVD là 6,77% vào ngày 20/10/2020 và thuế AD là 22,3% vào ngày 29/12/2020).

- Thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn: Khu vực xuất khẩu chủ yếu của Công ty Châu Âu và Mỹ. Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid – 19 tại hai khu vực này, họ đã nhiều lần tiến hành giãn cách xã hội một phần hoặc toàn bộ. Điều này, đã làm Công ty đối mặt với tình trạng hủy, hoãn đơn hàng. Gây tình trạng xáo trộn trong bố trí sản xuất, tăng áp lực tồn kho và tăng chi phí xuất khẩu.

- Sức ép cạnh tranh nội ngành sản phẩm lốp gay gắt: Để giữ được thị phần trong điều kiện môi trường thị trường nội địa suy giảm, các Doanh ng-

In 2020 the company encountered major difficulties as follows:

- Covid-19 outbreaks with complicated development in the first 06 months of 2020 affected Casumina's business operation heavily. Social distancing policy and moving restriction from the Government influenced trade and business in domestic market directly. With transportation demand decrease, the consumption of the tire and tube dropped as well.

- Supply chain and logistic breakdown affected the Company in arranging production plan. This issue became more serious from Quarter 4 2020.

- Negative effect of United States' antidumping duty (AD) and countervailing duty investigations (CVD) of imports of passenger vehicle and light truck tires from Vietnam from 06/2020: Casumina's PCR capacity saw a drop by 25% (CVD was announced at 6.77% on 20/10/2020 and AD was 22.3% on 29/12/2020).

- Export markets faced difficulties: main markets being Europe and US. With the 02 zones being complicated zone during the pandemic with many lockdowns and social distancing, Casumina faced many canceled/pending orders. This issue affected production plan, increased pressure on inventory and increase export expense.

- Heavy pressure on domestic market: In order to maintain market share when purchasing power decreased, Companies had to compete with each other, especially in term of price and other policies. This issue in general have lowered the efficiency of the whole industry and created an opportunity for foreign companies to penetrate and gain more market share, created disadvantages in the long term for tire and tube industry in Vietnam.

hiệp sản xuất sắm lốp xe đã tìm mọi cách cạnh tranh lẫn nhau, đặc biệt về giá bán và áp dụng các chính sách theo hướng tiêu cực. Điều này đã làm thu hẹp hiệu quả tính trên toàn bộ ngành và tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp nước ngoài lấn dần thị phần, gây bất lợi về lâu dài cho ngành sản xuất sắm lốp xe Việt Nam.

**Bên cạnh những khó khăn trên, Công ty có những thuận lợi sau:**

- Công ty vẫn duy trì được thị phần đối với thị trường nội địa. Hệ thống phân phối trải rộng toàn quốc là một điều kiện thuận lợi để Công ty có thể triển khai nhanh, linh hoạt các chính sách bán hàng đem lại hiệu quả.

- Lốp Radial bán thép được các doanh nghiệp lắp ráp ô tô sử dụng. Quá trình triển khai hệ thống tiêu thụ lốp PCR thương hiệu Advenza bước đầu đã có nhiều tín hiệu tích cực, cải thiện hiệu quả SXKD Công ty.

- Chính sách bán hàng được triển khai theo hướng linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Công ty đã triển khai thực hiện phần mềm quản lý kênh phân phối (DMS), tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm soát và phối hợp tốt với các Nhà phân phối.

- Hợp tác với các Nhà cung cấp nguyên vật liệu uy tín, ổn định về chất lượng và giá cả. Đồng thời, có chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, Công ty đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho sản xuất.

- Công tác cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm được thực hiện tốt. Việc bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị được thực hiện đúng định kỳ. Công tác tiết kiệm được duy trì, thực hiện xuyên suốt nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

**Besides those difficulties, the Company still had the following advantages:**

- The Company managed to maintain domestic market share. This is an advantage that enable the Company to quickly deploy many flexible schemes effectively.

- PCR tires managed to get into automobile manufacturing line. Advenza brand introduction proved to be effective for the first state, contributing in the Company' efficiency.

- Sale policy was flexible in order to meet demands of each individual customer. The Company has deployed a new DMS to enhance control and coordination between distributors.

- With a reasonable stockpiling policy, company has always been finding reputable sup-pliers to ensure a stable quality and price of input materials for production.

- Saving policy has been maintained throughtout the year, across departments and factory to cut costs and lower products' prices.



## 2020 Business performance

# Kết quả sản xuất kinh doanh 2020

STT No.	Chi tiêu Item	Đvt Unit	Năm 2019 Year 2019	Năm 2020 Year 2020			
				KH Plan	TH Results	%/2019	%/KH %/plan
1	Giá trị SXCN Industrial production value	Tr.đồng Million dong	3,987,057	4,816,700	4,350,745	109	90
2	Doanh thu Revenue	Tr.đồng Million dong	4,387,683	4,991,500	4,822,718	110	97
2.1	Doanh thu SXCN Industrial production revenue	Tr.đồng Million dong	4,098,495	4,971,500	4,384,198	107	88
2.1.1	Nội địa Domestic	Tr.đồng Million dong	2,373,021	2,593,674	2,445,475	103	94
2.1.2	Xuất khẩu Export	Tr.đồng Million dong	1,725,474	2,377,826	1,939,723	112	82
2.2	Doanh thu KD khác Other business revenue	Tr.đồng Million dong	289,188	20,000	438,520	152	2,193
3	Lao động & thu nhập Labor & Income						
3.1	Lao động Average labor rate	Người Person	2,300	2,500	2,350	102	94
3.2	Thu nhập bình quân Average income	1000 đồng Thousand dong	9,565	9,310	10,829	113	116
4	Nộp ngân sách Budget	Tr.đồng Million dong	172,783	264,750	184,069	107	70
5	Kim ngạch XNK Import-export turnover	1.000 USD	134,467	204,743	137,872	103	67
6	Đầu tư XD CB Basic construction investment	Tr.đồng Million dong	34,603	5,827	4,741	14	81
7	Lợi nhuận trước thuế Pre-tax profit	Tr.đồng Million dong	65,562	150,000	113,541	173	76
8	Lợi nhuận sau thuế Post-tax profit	Tr.đồng Million dong	52,450	120,000	90,661	173	76
9	Lãi cơ bản trên CP Basic earnings per share	Đồng Dong	506	1,158	875	173	76

### Nhận xét:

• Tổng doanh thu tăng trưởng 10% so với cùng kỳ năm 2019, bằng 97% so với kế hoạch 2020. Trong đó:

- Doanh thu xuất khẩu tăng 12% so với cùng kỳ 2019, mức tăng trưởng doanh thu của khu vực này do sản lượng nhóm lốp Radial, chiếm tỷ trọng 60%/doanh thu xuất khẩu. Điều đáng lưu ý, mức tăng trưởng doanh thu xuất khẩu dự kiến sẽ đạt mức cao hơn, với mức sản lượng lốp PCR là 1.4 triệu chiếc. Tuy nhiên, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 và điều tra áp thuế chống trợ cấp chính phủ (CVD) và thuế chống bán phá giá (AD) của Mỹ đối với lốp xe tải cỡ nhỏ và xe du lịch sản xuất tại Việt Nam, đã làm sản lượng giảm 25% so với mức dự kiến.

- Doanh thu nội địa tăng 3% so với cùng kỳ

• Revenue increased by 13% over the same period in 2019 and by 97% in comparison with the plan for 2020. In which:

- Export revenue increased by 12%. The export revenue reached the growth rate because of the revenue from Radial tire. (60% export revenue). More importantly, the growth rate expected to be higher with PCR capacity at 1.4 million tire. The actual growth rate was lower due to the effect of Covid-19 and the CVD and AD of the US Government on PCR and LT tires from Vietnam – making final capacity lowered by 25%.

- Domestic revenue increased by 3% over the same period 2019. The sale revenue from supplying compound to other client contributed in this revenue as well. This



2019. Trong đó, có đóng góp của nhóm doanh thu cung ứng Bán thành phẩm cho đối tác cùng ngành. Chỉ tiêu này, thể hiện được nỗ lực duy trì mục tiêu tăng trưởng doanh thu và ổn định thị phần nội địa trước áp lực cạnh tranh và tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 113,5 tỷ đồng, tăng 73% so với cùng kỳ 2019 và bằng 76% so với kế hoạch năm 2020. Chỉ số lợi nhuận tăng so với cùng kỳ chủ yếu từ hiệu quả các nhóm sản phẩm săm lốp xe máy, lốp ô tô Bias. Đặc biệt là nhóm lốp Radial bán thép (PCR) đã đạt biên lợi nhuận 6,1%.

Tuy nhiên, khi phân tích căn cứ vào mức lợi nhuận kế hoạch 2020 là 150 tỷ đồng, cho thấy: Chỉ tiêu này chỉ đạt 76% do tác động các nguyên nhân chủ yếu:

- 1) Sản lượng tiêu thụ sản phẩm sụt giảm so với kế hoạch đề ra do tác động từ dịch Covid 19 và Chính sách điều tra áp thuế (CVD và AD) của Chính phủ Mỹ đối với lốp ô tô Radial bán thép sản xuất tại Việt Nam;

- 2) Giá nguyên vật liệu tăng cao trong quý 4/2020;

- 3) Nhóm lốp Radial toàn thép (TBR) chưa đạt đến điểm hòa vốn, đã tác động đến hiệu quả chung của toàn Công ty.

indicator reflects the Company's effort to maintain market share while facing competition and pressure from the pandemic.

- Pre-tax profit equals 113.5 billion dong, an increase of 73% over the same period 2019 and equal 76% in comparison with the plan for 2020. The increase in revenue came from the efficiency of Bias tire, motorcycle tire and tube. Especially the PCR tires reach gross margin of 6.1%.

Still, after a closer analysis based on the plan for 2020 being 150 Billion dong, the analysis shows: result only meet 76% of the plan due:.

- 1) Consumption decreased due to impact of Covid-19 and CVD and AD of the US Government on PCR and LT tires from Vietnam.

- 2) High raw material price in Quarter 4, 2020.

- 3) TBR production has not reached the break-even point, which affected the Company's efficiency as a whole.

## Tình hình hoạt động năm 2020

### 2020 operation

#### CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

- **Công tác điều hành sản xuất:** Bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất theo hướng tăng năng suất lao động. Cân đối hợp lý giữa sản xuất và bán hàng, đảm bảo được khả năng cung ứng sản phẩm cho thị trường. Kiểm soát chặt tồn kho thành phẩm nhằm làm giảm áp lực về chi phí tồn kho và tăng vòng quay tồn kho.

- **Công tác vật tư, nguyên liệu:** Có chính sách dự trữ vật tư hợp lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào. Tìm kiếm và hợp tác với các Nhà cung cấp mới có giá thành cạnh tranh và đảm bảo chất lượng, đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

- **Công tác quản lý chất lượng sản phẩm:**

Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện nghiêm ngặt trong từng công đoạn sản xuất, dưới sự giám sát chặt chẽ của bộ phận quản lý chất lượng Công ty.

#### PRODUCTION MANAGEMENT

- **Labor:** Arranging labor appropriately, utilizing the production time to increase capacity in case of shortage skilled labor. Paying attention to the coordination of production among factories, product coordination between the inland and export areas, limiting the shortage product.

- **Raw material:** The Company has set up a reasonable material reserve policy for strict control of input material and has been seeking for suppliers who offer reasonable price, good quality, stable supply source, timely response to production, bringing efficiency in production and business activities...

- **Quality control:** Quality control is executed strictly throughout the whole production process under strict control of management board.

## HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý theo ISO chất lượng (ISO 9001), môi trường (ISO 14001), hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm (ISO 17025). Tiếp tục gửi hồ sơ, sản phẩm mẫu đến các tổ chức có chức năng xin tái cấp giấy chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành sẫm lốp như: DOT, E-mark, Inmetro, BIS, MS... Đồng thời gửi sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận theo QCVN 36:2010/BGTVT, QCVN 34: 2017/BGTVT, Nghị định 46 về quy chuẩn chất lượng, để cung cấp sản phẩm cho các đơn vị lắp ráp ô tô và xe máy.

## CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, ÁP DỤNG KHKT VÀO SẢN XUẤT

Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, áp dụng nhiều giải pháp công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, đa dạng dãy sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa.

- **Đối với lốp xe máy:** Tiếp tục nghiên cứu cải tiến đơn pha chế, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng mẫu mã gai, đáp ứng cho từng phân khúc khách hàng.
- **Đối với lốp ô tô bias:** Duy trì chất lượng đối với nhóm lốp ô tô Bias, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- **Đặc biệt, Công ty đã nghiên cứu thiết kế lốp Radial bán thép đối với xe ô tô du lịch:** Dòng lốp Advenza với nhiều ưu điểm, đáp ứng được nhu cầu nội địa: rãnh gai sắc nét, giảm thiểu tiếng ồn, chất lượng tốt và ổn định, giá thành hợp lý.

## CÔNG TÁC TIÊU THỤ

- **Công tác thị trường**
  - Tiếp tục thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt trong giai đoạn diễn biến gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid 19. Trong điều kiện hạn chế đi lại, Công ty thực hiện nắm bắt thị trường thông qua hệ thống DMS đã được triển khai từ cuối năm 2019. Đây là một công cụ hữu hiệu hỗ trợ hệ thống bán hàng nắm bắt thông tin, từ đó có những chính sách bán hàng phù hợp.
  - Tiến hành điều tra, thiết lập hệ thống phân phối theo hướng chuyên biệt, đặc thù đối với dòng lốp radial bán thép thương hiệu Advenza theo hướng: Thiết lập kênh phân phối ngắn, gọn nhẹ, hiệu quả.
  - Trước cạnh tranh nội ngành gia tăng, trong điều kiện sức mua thị trường nội địa giảm, Công ty đã tiến hành giám sát chặt chẽ hệ thống các Nhà phân phối, đặt ra các ràng buộc liên quan

## OPTIMIZE MANAGEMENT SYSTEM

Casumina continues to maintain the quality management system in compliance with ISO 9001 for quality, 14001 for environment and 17025 for the laboratory. Casumiuna continued to work with organizations providing regionally and internationally recognized certificates for the tyre industry such as DOT, E-mark, Inmetro, BIS, MS etc. and applying for a certificate according to QCVN 36:2010/BGTVT, QCVN 34: 2017/BGTVT Decree 46 on quality standards, to provide products for car and motorbike assembling units.

## RESEARCH & DEVELOPMENT OF NEW PRODUCTS, APPLICATION OF SCIENCE & TECHNOLOGY IN PRODUCTION

Research and development of new products are always focused to meet the needs of export and domestic markets.

- **For motorbike tyres:** Continuing researching and improving the mixture formulas, applying new materials, improving product quality, diversifying tread designs, diversifying traditional range of products to better serve the needs of consumer of each segments.
- **For Bias Tire:** maintaining current quality of Bias tire and improve it even further.
- **Especially, Casumina has researched and designed PCR tire for passenger car:** Advenza line with many advantages to meet domestic demand: sharp pattern, reduced noise, high quality, stability and affordable price.

## CONSUMPTION

- **Marketing**
  - Continued the flexible sale policy throughout the difficult time of Covid 19. During restriction period, Casumina gather market information via DMS deployed from the end of 2019. This is an useful tool to assist sale team to gather information and propose a suitable sale policy.
  - Carried out research and established a specialized distribution network for Advenza PCR tire: streamline and effectively
  - Facing the increasing competition in domestic market while purchasing power was decreasing, Casumina monitored the distribution network to enforce and prevent internal conflict related to price, discount, and territory.
  - As for export market: while the pandemic situation was complicated at main export markets such as: Southeast Asia, US, Eu...

đến cạnh tranh nội bộ về giá bán, chiết khấu, bán lẫn vùng...

- Đối với thị trường xuất khẩu: Trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp ở các nước là thị trường chủ yếu của Công ty như: các nước Đông Nam Á, Mỹ, Châu Âu... Công ty đã tổ chức họp qua mạng. Thực hiện trao đổi, hợp tác chặt chẽ và đàm phán về các điều kiện thực hiện đơn hàng, giá bán và cách thức vận chuyển nhằm giảm thiểu tổn thất khi chi phí xuất khẩu tăng cao.

- Thúc đẩy việc tìm kiếm khách hàng, duy trì mức tăng trưởng của thị trường xuất khẩu. Tăng cường hợp tác đối với những khách hàng tiềm năng.

• **Phương thức bán hàng**

- **Đối với nhóm sản phẩm truyền thống xe đạp, xe máy:** Sắp xếp lại lực lượng bán hàng theo hướng tinh gọn, rút ngắn kênh phân phối, giám sát chặt chẽ đội ngũ bán hàng nhằm nâng cao khả năng phân tích, nắm bắt thị trường và đề xuất những chính sách bán hàng phù hợp. Triển khai hệ thống DMS sâu rộng, nắm bắt nhanh thông tin thị trường, đánh giá năng lực của các quản lý vùng nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ bán hàng và tăng tính phối hợp giữa nhà phân phối và Công ty.

- **Đối với nhóm lốp ô tô bias:** Bổ sung thêm các nhà phân phối đáp ứng được yêu cầu và định vị tuyến tiêu thụ của Công ty. Bám sát, hợp tác chặt chẽ với các khách hàng truyền thống: Các doanh nghiệp lắp ráp, hộ tiêu thụ lớn... Đồng thời, đề ra các chính sách bán hàng phù hợp nhằm giải quyết các ách tắc trong khâu tiêu thụ sản phẩm, trong điều kiện thị trường nội địa suy giảm do nhu cầu vận chuyển gặp nhiều khó khăn.

- **Đối với nhóm lốp Radial toàn thép:** Với chất lượng nhóm lốp Radial toàn thép được cải thiện, đáp ứng được nhu cầu vận chuyển theo những cung đường khác nhau là một điều kiện thuận lợi để Công ty đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ. Dưới áp lực cạnh tranh của sản phẩm nhập khẩu và nhu cầu vận chuyển gặp nhiều khó khăn, Công ty đã thực hiện phương thức bán hàng linh hoạt: dẫn công nợ trong từng thời điểm khác nhau, thực hiện chế độ bảo hành theo số km, bám sát các khách hàng lâu năm.....

- **Đối với Radial bán thép:** Triển khai hệ thống phân phối đối với nhóm lốp thương hiệu Advenza theo hướng gọn nhẹ, đáp ứng được nhu cầu nội địa. Nhóm lốp này bước đầu đã thâm nhập tốt thị trường với sản lượng bình quân 10 nghìn

Casumina organized online meeting, exchange-information, support and negotiate price, delivery terms carefully to minimize export expense.

- Continued to find new customer, maintaining market growth.

• **Sales Methods**

- **To traditional products:** bicycle, motorcycle: restructured sales team toward streamline, simplify distribution channel, monitoring sales force to enhance analysis capability, gather market information and propose suitable sales policy. Deploy DMG further to gather information faster, evaluate region manager's capability to enhance sale team's quality and coordination between distributors and Casumina

- **To Bias tire:** adding more distributors who met requirements and locate consumption direction of Casumina. Close communication and cooperation with traditional customer: Assembling companies, big consumer, ... Proposed suitable sales policy to solve consumption issue.

- **To TBR tire:** with the improved quality that met various demands for various road conditions, Casumina gained the advantage to increase sales capacity. Under the pressure of imported products and transportation also facing difficulties, Casumina applied a flexible policy: various credit policies applicable in various periods, warranty based on distance traveled, close communication with long-term customers.

- **To PCR tire:** deploy a distribution system for Advenza brand toward streamlining and satisfy domestic demand. The product line received good volume at 10,000 tire/month and good feedback from the market: smooth ride, reduced

chiếc/tháng và nhận được phản hồi tốt từ khách hàng về chất lượng: Chạy êm, giảm thiểu tiếng ồn, kiểu dáng hiện đại, giá cả hợp lý.

• **Công tác quảng bá và xúc tiến**

- Tiếp tục thực hiện các chương trình quảng bá tại điểm bán, hỗ trợ cung cấp biển biểu quảng cáo, vật phẩm trưng bày tại các điểm bán và Nhà phân phối trên toàn quốc.

- Quảng bá thương hiệu bằng các phương tiện truyền thông truyền thống: Quảng cáo ngoài trời, xe bus, tạp chí, báo, website, Fanpage ...

- Tham gia các hội chợ và chương trình triển lãm uy tín, qua các chương trình này Công ty đã tiếp cận được thị hiếu của khách hàng, cải tiến chất lượng, mẫu mã sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

- Đối với thị trường xuất khẩu: Công ty đã xúc tiến chương trình nhận diện thương hiệu, hỗ trợ hoạt động Marketing của các nhà phân phối tại khu vực Đông Nam Á. Hỗ trợ cho đại lý tham gia hội chợ: Nam Mỹ, Malaysia, Campuchia.

- Năm 2020, Công ty vinh dự nhận được giải thưởng Doanh nghiệp Châu Á Thái bình dương (Asia Pacific Enterprise Awards). Công ty cũng tiếp tục giữ vững danh hiệu Thương hiệu quốc gia Việt nam lần thứ 8 (Vietnam Value). Được thành phố Hồ Chí Minh trao tặng danh hiệu doanh nghiệp vàng thành phố Hồ Chí Minh. Công ty luôn giữ vững các danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 24 năm liền và là một trong năm đơn vị có doanh thu cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem).

noise, with modern design and affordable price.

• **Promotion**

- Direct sales promotion programs are continued to be implemented, at the same time advertisement signboards, display items are provided at retail outlets and distributors nationwide. Continuing to promote the brand through traditional media: TVs, outdoor advertising, on buses, magazines, newspapers, website, fanpage, etc ...

- The company has participated in the well-known fair and exhibition. In these events, Casumina knows better about consumer demand in order to improve the quality & design of the products to meet consumer's requirement.

- For export market: The company has launched a brand identity program, and supported the marketing activities of distributors in South East Asia, supported dealers in participating in fairs: South America, Malaysia, Cambodia.

- In 2020, Casumina received a title from Asia Pacific Enterprise Awards, the Golden Company title from Hochiminh City management. The company maintains the titles Vietnam Value for 8 consecutive year, Vietnamese high-quality goods for 24 consecutive years. The Company also holds its position as one of five units with the highest revenue of Vietnam National Chemical Group.



## 2021 business orientation

# Phương hướng sản xuất kinh doanh 2021



## Tình hình chung General situation

### **KHÓ KHĂN**

- Tình hình dịch bệnh Covid 19 trên thế giới vẫn chưa được kiểm soát tốt, dự báo sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam. Theo đó, các doanh nghiệp nội địa gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là việc cung ứng sản phẩm cho thị trường xuất khẩu.

- Thị trường nguyên vật liệu sản xuất sẫm lớp xe có nhiều biến động theo hướng tiêu cực: Giá cả các nguyên vật liệu chính tiếp tục tăng cao và nguồn cung khan hiếm do tác động của dịch bệnh. Bên cạnh đó, vận chuyển đường biển gặp nhiều khó khăn đã làm chi phí xuất khẩu

### **DISADVANTAGES**

- The global pandemic Covid-19 is still not under control, it is to have an effect on the economy of Vietnam. Domestic market will face many difficulties in both production and consumption, while balancing supply for export market as well.

- Negative fluctuation of raw material price: increasing price and high scarcity of raw materials under the impact of the pandemic. Logistic will also face difficulties leading to higher export expense.

- Harsh competition in domestic market. Casumina will continue to face pressure from

tăng cao.

- Mức độ cạnh tranh trên thị trường xăm lốp ngày càng khốc liệt. Công ty tiếp tục phải đối mặt với sức ép cạnh tranh từ các đối thủ cùng ngành trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư sản xuất xăm lốp tại Việt Nam, các sản phẩm xăm lốp nhập khẩu với giá rẻ từ Trung Quốc, Thái Lan...

- Chính sách thuế CVD và AD của Chính phủ Mỹ đã công bố đối với lốp xe bán thép (xe tải nhỏ và xe du lịch) sản xuất tại Việt Nam là một yếu tố tác động làm giảm sản lượng xuất khẩu của Casumina trong thời gian tới. Thêm vào đó, xu hướng giá nguyên vật liệu tăng cao sẽ làm giảm đáng kể hiệu quả của nhóm lốp này.

### **THUẬN LỢI**

- Thị trường tiêu thụ lốp ô tô trong nước dự báo có xu hướng tăng do chính sách thúc đẩy đầu tư công của Việt Nam, tạo cơ hội để sản phẩm xăm lốp của Công ty đạt mức tăng trưởng.

- Công ty đang triển khai nhiều biện pháp để đẩy mạnh tiêu thụ trong nước. Đồng thời, triển khai nhanh sản xuất thương mại và xây dựng hệ thống tiêu thụ đối với nhóm sản phẩm lốp PCR, với thương hiệu là Advenza.

- Hệ thống phân phối nhóm sản phẩm truyền thống được triển khai và kiểm soát tốt, sẽ là một yếu tố thuận lợi để công ty duy trì thị phần tiêu thụ trong nước.

- Nhóm lốp Radial toàn thép đã cải thiện đáng kể về chất lượng, đáp ứng được điều kiện vận tải đặc thù trong nước và xuất khẩu sang các thị trường khác.

- Lốp Radial bán thép xuất khẩu: Mặc dù gặp nhiều bất lợi. Tuy nhiên, mức thuế suất CVD và AD của Mỹ đối với Việt Nam thấp hơn các nước khác. Mặt khác, xét trên bình diện chung về nguồn cung cho thấy, Casumina vẫn có cơ hội để duy trì hoặc giảm thiểu tác động giảm sản lượng. Đây là một điều kiện thuận lợi để Công ty có thể bố trí sản xuất đạt hiệu quả đối với nhóm sản phẩm này.

- Công ty tiếp tục đàm phán, mở rộng việc tìm kiếm các khách hàng mới đối với thị trường xuất khẩu là một trong những cơ hội duy trì mức tăng trưởng đối với khu vực này.

competitors, mainly from foreign brands who have factories in Vietnam and also imported tire and tube from China, Thailand,...

- CVD and AD from the US Government on PCR and LT tire produced in Vietnam will cause a drop in capacity of Casumina in the upcoming time. Furthermore, increasing raw material price also contribute in lowering efficiency of this product line

### **ADVANTAGES:**

- Domestic automobile industry shows development due to the Government's policy to boost public investment, the growth here will be the chance for Casumina to reach the desired target. Casumina also carry out many solution to encourage domestic consumption. All the while Casumina will hasten the commercial production and consumption system for PCR tire under Advenza brand.

- Distribution systems for traditional products are still performing well. It will be an advantage for Casumina to maintain its' domestic consumption.

- TBR tire went under significant quality improvement; it will meet special domestic demands as well as other markets' demands.

- Export PCR tire: facing disadvantages. CVD and AD of the US on Vietnamese tire are lower than other countries' rates. Taking general supply situation in to consideration, Casumina still has the chance to mitigate or reduce the negative impact on capacity. This is an advantage for Casumina to arrange production accordingly in order to achieve efficiency for this product line.

- Casumina continue to negotiate and expand the search range for new customer. It is an advantage of Casumina while there is still room to grow.

# CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2021

## 2021 Main targets

Từ những khó khăn - thuận lợi trên, Công ty đề ra phương hướng SXKD năm 2021 như sau:  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2021**

From the above disadvantages and advantages, the Company has set out the business orientation in 2021:

### BUSINESS PLAN IN 2021

STT No.	Chỉ tiêu Item	Đvt Unit	TH 2020 2019 Results	KH 2021 Plan 2021	
				Giá trị Value	%2020
<b>1</b>	<b>Giá trị SXCN – Industrial production value</b>	Tr.đồng / Million dong	<b>4,350,745</b>	<b>4,381,833</b>	<b>101</b>
<b>2</b>	<b>Doanh thu – Revenue</b>	"	<b>4,822,718</b>	<b>4,504,573</b>	<b>93</b>
2.1	Doanh thu SXCN – Industrial production revenue	"	4,384,198	4,483,573	102
2.1.1	Nội địa – Domestic	"	2,445,092	2,599,355	106
2.1.2	Xuất khẩu – Export	"	1,939,106	1,884,218	97
2.2	Doanh thu KD – Business revenue	"	438,520	21,000	5
<b>3</b>	<b>Sản lượng hiện vật – Product output</b>				
3.1	Lốp xe máy – Motorcycle tyres	1.000 chiếc / 1.000 pcs	3,330	3,100	93
3.2	Săm xe máy – Motorcycle tubes	"	16,019	15,900	99
3.3	Lốp xe đạp – Bicycle tyres	"	2,246	2,100	93
3.4	Săm xe đạp – Bicycle tubes	"	5,042	3,780	75
3.5	Lốp công nghiệp – Industrial tyres	"	618	400	65
3.6	Lốp ô tô, máy kéo – Automobile, tractor tyres	"	2,086	1,624	78
3.6.1	Lốp TBR – TBR tyres	"	273	360	132
3.6.2	Lốp PCR – PCR tyres	"	1,134	630	56
3.7	Săm ô tô – Automobile tubes	"	389	360	93
3.8	Yếm ô tô – Automobile flaps	"	197	180	91
3.9	Ống cao su dân dụng – Civil rubber hose	Tấn / Ton	40	48	120
3.10	Cao su BTP – Master compound rubber	Tấn / Ton	21,383	18,000	84
<b>4</b>	<b>Lao động &amp; thu nhập – Labor &amp; income</b>				
4.1	Lao động bình quân – Average labor rate	Người / Person	2,350	2,350	100
4.2	Thu nhập bình quân – Average income	1.000 đồng / 1.000 dong	10,829	10,553	97
<b>5</b>	<b>Nộp ngân sách – Budget</b>	Tr.đồng / Million dong	<b>184,069</b>	<b>230,035</b>	<b>125</b>
<b>6</b>	<b>Kim ngạch XNK – Import-export turnover</b>	1.000 USD	<b>137,872</b>	<b>143,713</b>	<b>104</b>
<b>7</b>	<b>Đầu tư XDCB – Basic construction investment</b>	Tr.đồng / Million dong	<b>4,741</b>	<b>25,380</b>	<b>535</b>
<b>8</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế – Pre-tax profit</b>	Tr.đồng / Million dong	<b>113,541</b>	<b>100,000</b>	<b>88</b>
<b>9</b>	<b>Cổ tức – Dividend</b>	%	(*)	(**)	

#### Ghi chú:

(\*), (\*\*) Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 và tỷ lệ tạm ứng cổ tức 2021 sẽ được trình bày và lấy biểu quyết tại Đại hội cổ đông theo tờ trình "Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; Phân phối lợi nhuận năm 2020" và tờ trình "Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021".

Số liệu kế hoạch 2021 được điều chỉnh vào tháng 08/2020 và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Cổ đông giữ 51% cổ phiếu) phê duyệt ban hành (quyết định số 376/QĐ-HCVN, ngày 17 tháng 12 năm 2020).

#### Note:

(\*), (\*\*) The dividend payment ratio in 2020 and dividend advance payment ratio in 2021 will be presented and voted at the General Meeting according to the Statement on "2020 Business performance; 2020 Profit distribution".

Data for plan in 2021 was prepared in September, 2020 and approved by the Vietnam National Chemical Group (the shareholder holding 51% of shares) for approval of issuance (Decision No. 376/QĐ-HCVN dated December 17, 2020).

# Solutions

## Một số giải pháp thực hiện

### QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

- Nâng cao công tác quản trị và điều hành sản xuất theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, thích ứng nhanh và nhạy bén với tình hình diễn biến của thị trường.
- Cân đối hợp lý giữa sản xuất và bán hàng, kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm, kiểm soát sản lượng tồn kho, đảm bảo được khả năng cung ứng sản phẩm cho thị trường.
- Rà soát lại chính sách dự trữ vật tư theo hướng tăng tồn kho vật tư, đàm phán với các Nhà cung cấp về giá cả, thời gian giao hàng hợp lý, đúng tiến độ, nguồn cung ổn định phục vụ cho sản xuất.
- Xây dựng các giải pháp hợp lý về chế độ lương, thưởng nhằm ổn định thu nhập cho người lao động, đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ tốt để giữ được người lao động.
- Cân đối hợp lý, sử dụng nguồn vốn hiệu quả trong SXKD, tăng cường công tác quản lý chi phí, chú trọng công tác kiểm soát chi phí của các bộ phận, phòng ban trong Công ty và các xí nghiệp thành viên.
- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001, môi trường ISO 14001 và các chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành sảm lốp.

### CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XDCB

- Đối với Lốp TBR: Công ty sẽ chủ động đầu tư chiều sâu vào thời điểm thích hợp, từng bước tăng công suất phù hợp với yêu cầu thị trường.
- Tùy theo tình hình thực tế, đầu tư mở rộng, nâng công suất sản xuất lốp PCR, đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu.
- Tiếp tục thực hiện đầu tư thiết bị nhỏ lẻ nhằm tự động hóa các công đoạn quan trọng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng đối với nhóm sản phẩm xe đạp, xe máy và ô tô bias.
- Lập phương án quy hoạch lại các cụm nhà máy sản xuất theo chủ trương của chính quyền các địa phương mà Công ty đang đặt nhà máy.

### CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các thiết kế đối với lốp Radial toàn thép, Radial bán thép đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Duy trì ổn định chất lượng lốp Bias, tìm kiếm

### COMPANY GOVERNANCE AND PRODUCTION MANAGEMENT

- Focusing on production management towards professionalism and streamlining, quickly adapt to market.
- Balancing between production and sales, maintaining good quality control, controlling inventory to ensure balance between supply and demand.
- Reviewing material reserve policy toward increasing material reserve, negotiating with Suppliers for the suitable price, delivery schedule to ensure sustainable sources for production.
- Managing and using labor effectively. Reviewing and making reasonable labor planning and arrangement in production stages and production lines. Considering and proposing appropriate solutions to the average income in order to retain skilled workers.
- Enhancing cost management, focusing on cost control of departments and divisions in the Company and its member enterprises.
- Continue to maintain the management systems ISO 9001 (2008) and ISO 14001, and other regional and international certificates for the tire industry.

### BASIC CONSTRUCTION INVESTMENT

- To TBR tire: Casumina will consider the appropriate time for more capital deepening; it is to increase the capacity to meet the market demand.
- PCR tire will receive more investment to increase the capacity depending on demand of domestic and export market.
- Continue to invest in small and odd equipment to complete a number of stages in the production line of motorcycle tires and tubes, Bias automobile tires and tube.
- Create a plan to rearrange factories in accordance with the Government's instruction.

### PRODUCT STRATEGY

- Focusing on improving quality and diversifying designs of TBR and PCR tire to meet domestic and export demand.
- Maintaining Bias tire's quality, researching to find alternative formulas to lower price while maintain



và thay thế đơn pha chế theo hướng hạ giá thành nhưng vẫn đảm bảo chất lượng nhằm tăng khả năng cạnh tranh.

- Tiếp tục công tác kiểm soát công nghệ, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá, phát triển thị phần đối với các dòng sản phẩm, tham gia các Hội chợ và các chương trình triển lãm có uy tín để giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ.

### **CÔNG TÁC TIẾP THỊ VÀ BÁN HÀNG**

- Tiếp tục xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt cho cả hai khu vực xuất khẩu và nội địa.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêu thụ nhóm lốp Radial bán thép (PCR) thương hiệu Advenza đối với thị trường trong nước. Tập trung bán hàng đối với các Nhà lắp ráp, các Công ty vận tải. Tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm lốp Bias vành lớn, lốp Radial toàn thép.

- Tiếp tục công tác tìm kiếm khách hàng xuất khẩu có nhiều tiềm năng, mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời khai thác tốt thị trường xuất khẩu đối với nhóm lốp Radial toàn thép.

- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng. Thực hiện các chính sách khuyến mãi cho từng dòng sản phẩm, điều chỉnh giá bán cho phù hợp với thị trường cạnh tranh.

- Tiếp tục duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tập trung vào công tác quảng bá sản phẩm mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

- Đàm phán, phối hợp với các nhà sản xuất xe, tham gia vào chuỗi cung ứng linh kiện theo xe đối với nhóm lốp radial bán thép và xe máy.

quality to create competitive advantages.

- Continuous effort to control technology and to apply new technologies into the production

- Continuing to enhance the promotional activities to increase the market share, participating the prestigious fairs and exhibitions to introduce products, find new customers, expand consuming market.

### **MARKETING & SALES**

- Continuing to build a flexible sales policy for both domestic and export markets.

- Boosting consuming of PCR tire Advenza brand in domestic market. Focusing on Assemblers and Transportation companies. Increasing consumption of Bias tire with bigger rims and TBR tire.

- Continuing the search for potential export customer, markets, and develop export market for TBR tire.

- Continuously improving the professional tire sales system, strengthen customer care regimes. Implementing promotion policies for each product line, adjust selling prices to suit the competitive market.

- Continuously finding new customers and partners, expand export markets.

- Continuously maintaining the brand identity system in the direction of modernity and synchronization. Focus on promoting new products in a professional and modern way.

- Negotiating and coordinating with car manufacturers to get into the supply chain for PCR and TBR tire.



## Implementation of investment projects

### Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

- Dự án đầu tư lốp TBR nâng công suất lên 600 nghìn chiếc/năm: Tạm dừng nội dung này trong điều kiện sản lượng tiêu thụ chưa đạt đến công suất giai đoạn 1 là 350 nghìn chiếc/ năm. Tuy nhiên, sẽ tùy thuộc vào diễn biến thị trường để làm việc với đơn vị chủ quản (Tập đoàn Công nghiệp hóa chất Việt Nam) về dự án trên.

- Đầu tư, tăng năng suất lao động đối với các nhóm sản phẩm hiện có. Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ, lẻ để hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô Bias, săm ô tô.

• TBR tyre investment project with capacity increasing 600 thousand units/year: suspend the project while consumption at state 1 is only 350,000 tyre/year. Casumina will report to the mother company - Vietnam National Chemical Group – if there is any change to this decision.

• Investing, increasing labor productivity for existing product groups. Continuing to invest in small and separate equipment to complete a number of stages in the production line of motorbike tyre, motorbike tube, Bias automobile tires and tube.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
GENERAL MANAGER



**PHẠM HỒNG PHÚ**

# 5 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Board of Directors report

Tình hình chung  
General situation

**P.60**

Hoạt động của Hội đồng Quản trị 2020  
2020 operation of the Board of Directors

**P.63**

## General situation

### Tình hình chung

Bối cảnh kinh tế thế giới bị tác động nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid – 19 đã làm mức tăng trưởng chậm lại, thậm chí ở một số Quốc gia có mức tăng trưởng âm. Thương mại toàn cầu bị rối loạn do đứt gãy nguồn cung và khó khăn trong vận chuyển bằng đường biển đã làm cho mức tăng trưởng không đúng như dự báo (Các chuyên gia kinh tế và các tổ chức kinh tế đã có những dự báo khác nhau và thay đổi nhiều lần). Chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực.

Năm 2020, mặc dù chịu tác động tiêu cực từ bất ổn và khủng hoảng toàn cầu, nhưng Việt Nam vẫn giữ vững được ổn định vĩ mô, nằm trong nhóm 10 nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới. Việt Nam thực hiện thành công mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh COVID-19, vừa phát triển kinh tế xã hội. Đặt trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế xã, kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng 2,91% là một thành tích đáng ghi nhận.

Ngành công nghiệp ô tô trong nước cũng có những bước phát triển quan trọng và dần trở thành ngành then chốt đối với phát triển kinh tế Việt Nam. Qua số liệu tăng trưởng về số lượng xe lắp ráp tại Việt Nam (bao gồm cả xe máy và xe ô tô các loại nói chung) cho thấy nhu cầu sử dụng sản phẩm lốp xe tăng. Theo VCSC, thị trường lốp ô tô vẫn còn nhiều dư địa tăng trưởng. Dự báo tiêu thụ xe ô tô tại Việt Nam sẽ tăng trưởng 22,6%/năm trong giai đoạn 2018 – 2025. Dự báo của TechSci Research cho biết, khi chất lượng hệ thống giao thông đường bộ Việt Nam đang ngày được cải thiện, những ưu thế của lốp Radial so với lốp Bias sẽ ngày càng rõ nét, tạo điều kiện tăng trưởng trong dài hạn cho các doanh nghiệp sản phẩm lốp có nhà máy sản xuất lốp Radial. Một trong những yếu tố làm bàn đạp cho sự phát triển của ngành sản phẩm lốp là hiệp định EVFTA có hiệu lực, mở ra nhiều cơ hội thúc đẩy xuất khẩu cho hàng Việt có thể thâm nhập vào thị trường với những yêu cầu khắt khe này.

Mặc dù vậy, thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu cũng đang đứng trước sức ép cạnh tranh.

In the context when the world economy was affect heavily by the Covid-19 pandemic, the general growth rate of global economy slowed down, some countries even faced the negative growth. Global trade was in disarray due to supply chain and logistic breakdown ultimately leading to incorrect forecast of the growth rate (Economic expert and organization had different forecast, which kept on changing from time to time). US' policies and China-US trade war were in a muddled state. Trade dispute and the increasing trade protectionism trend affected the production and export of Vietnam and countries in the area.

In 2020, in spite of facing negative effect from the global instability and crisis, Vietnam managed to maintain its' macro stability; Vietnam was in the top 10 countries with the highest growth rates. Vietnam succeeded in the double goals of controlling Covid-19 and developing the economy at the same time. The GDP of 2.91% during the pandemic time is no less than a feast that desired to be recognized.

Domestic automobile industry showed some important step in development and gradually became an important industry to the economy of Vietnam. Data of assembling vehicles (including motorcycle and automobile in its' various forms) shows increasing demand for tire and tube. According to VCSC, automobile market still has room to grow even more. Automobile in Vietnam is forecasted to grow by 22.6% per year from 2018 to 2025. Techsci Reseach stated, when the road condition in Vietnam is being improved gradually, the advantages of Radial tire over Bias tire will be shown more clearly; it is the chance created for tire and tube manufacturers who have Radial factories. EVFTA came into effective in 2020 is the push for development of tire and tube industry by opening up the door to this strict market.

On the other hand, domestic and export markets face competition from foreign brands. Chinese manufactures shifting their production to ASEAN countries, including Vietnam; domestic markets has presences of brands from: China, Thailand, Indonesia... makes inventory and sales policy harder to be efficient.

Increasing instability caused by Covid-19 and environmental protect of export countries makes it

Việc các nhà sản xuất lốp Trung Quốc đang dịch chuyển sản xuất sang các quốc gia ASEAN trong đó có Việt Nam; tràn ngập các thương hiệu sẫm lốp nhập khẩu từ các nước: Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia... đã làm cho các doanh nghiệp nội địa chật vật trong chính sách tồn trữ và bán hàng.

Sự biến động có xu hướng tăng mạnh, khó dự báo của nguyên vật liệu đầu vào, sự khan hiếm các loại hóa chất phục vụ ngành sản xuất sẫm lốp do tác động của dịch bệnh Covid 19 và chính sách bảo vệ môi trường một cách nghiêm ngặt của các nước xuất khẩu.

Chính phủ Mỹ điều tra và công bố áp thuế chống trợ cấp chính phủ (CVD) và thuế chống bán phá giá (AD) đối với nhóm lốp xe bán thép lắp cho xe tải nhỏ và xe du lịch là một “cú đánh” bồi thêm vào tình hình khó khăn của Công ty khi mà nhóm sản phẩm này đang bắt đầu có hiệu quả với sản lượng xuất khẩu chiếm tỷ trọng 85% công suất của dây chuyền sản xuất. (Chính phủ Mỹ đã công bố mức thuế CVD là 6,77% vào ngày 20/10/2020 và thuế AD là 22,3% vào ngày 29/12/2020).

Về cơ bản, chính sách giá bán linh hoạt trong năm 2020 đã giúp Casumina giữ vững thị phần, đạt mục tiêu tăng trưởng đối với nhóm lốp Radial, bao gồm cả Radial toàn thép (TBR) và Radial bán thép (PCR). Công ty đã nỗ lực, thực hiện nhiều giải pháp để đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu trong điều kiện sản lượng tăng/ giảm bất thường với biên độ lớn qua các tháng. Đây chính là một lợi thế cạnh tranh của Công ty để thực hiện đồng thời hai mục tiêu: 1) Có mức tăng trưởng về sản lượng; 2) Giảm thiểu tổn thất từ chính sách áp thuế CVD và AD của Mỹ.

Sự đa dạng của dãy sản phẩm cùng loại giữa các doanh nghiệp sẫm lốp (đặc biệt là phân khúc giá rẻ) đã đẩy các doanh nghiệp (cả nội địa lẫn nước ngoài) vào cuộc chiến về giá bán, trong điều kiện sức mua trong nước suy giảm. Điều này, dẫn đến hệ lụy là hiệu quả của toàn ngành sẫm lốp xe nội địa giảm đi rõ rệt.

Sự suy giảm sản lượng ô tô tải lắp ráp trong nước cũng có thể xem là một nguyên nhân làm giảm đáng kể sản lượng tiêu thụ lốp ô tô của Casumina trong năm 2020.

Casumina đã tham gia sâu vào chuỗi cung ứng Bán thành phẩm cho đối tác Camso đã giúp giải quyết bài toán tăng trưởng doanh thu và cân đối khấu hao, lãi vay trong điều kiện sản lượng tiêu thụ của các nhóm sản phẩm khu vực nội địa giảm.

harder to predict the scarcity of input materials.

The CVD and AD from the US Government on PCR and Light truck tire produced in Vietnam is an additional “hit” to the hard condition that Casumina is already facing while PCR product line has just begun to reach efficiency with export consumption took up to 85% the total production capacity. (CVD was announced at 6.77% on 20/10/2020 and AD was 22.3% on 29/12/2020)

Fundamentally, the flexible price policy in 2020 helped Casumina maintain its market share and achieve its growth targets for radial tire group included Truck & bus radial tire (TBR), and passenger car radial tire (PCR). The Company put in much effort and proposed solutions to meet the demand for while capacity fluctuated greatly in past months. This is an advantages of Casumina in order to achieve the two objectives: 1) Growth in capacity; 2) Minimize losses from CVD and AD of the US.

Diverse choices for the same produce line between tire companies (especially the cheaper price segment) pushed companies (domestic and foreign) into a price war while consumption power in domestic dropped. The consequence of this war was the whole domestic industry’ efficiency was dragged down significantly.

Decreased capacity of assembled vehicle in Vietnam was also a cause for Casumina’s decreased capacity in 2020.

Casumina participating deeply into the compound supply chain of partner Camso helped solve the math of sales and balancing depreciation, interest in the context when domestic consumption of all product line decreased.

With the advantage of the leading company in tire and tube industry in Vietnam, with the experience of many year analyzing Vietnam market, Casumina Board of Directors proposed fundamental strategy, set objectives for each Quarter; with a resolution, during the management of business operation, the Board of Director came up with solutions to make use of the company’s internal strength: designing new patterns suitable for Vietnam’s terrain and taste, taking on customized orders for export customers, optimizing the professional sales system, use of the flexible sales and after-sales policy, try to satisfy all special requirement of design for customers. At the same time, the management measures have been directed such as rationalizing production, increasing

Với lợi thế là doanh nghiệp đang dẫn đầu trong ngành sản xuất xe tại Việt Nam, cùng với kinh nghiệm trong phân tích và dự báo đúng diễn biến của thị trường, HĐQT Công ty Casumina đã đề ra các chiến lược căn cơ, đặt ra mục tiêu cho từng quý cùng với sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động SXKD, tìm ra các giải pháp nhằm phát huy được nội lực của Công ty như: Thiết kế đổi mới các kiểu gai phù hợp với thị hiếu và địa hình Việt Nam, triển khai thực hiện các đơn hàng theo yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng xuất khẩu, hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, sử dụng chính sách bán hàng và hậu mãi linh hoạt, bám sát khách hàng...Đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản trị như: Hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất từng dây chuyền sản xuất, quản trị tồn kho, thực hiện công tác tiết kiệm, giảm thiểu tỷ lệ phế và hao hụt, áp dụng mô hình quản lý theo mục tiêu....

Từ những hoạt động trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt kết quả như sau: Doanh thu 4.822 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2019, bằng 97% so với kế hoạch 2020 mà HĐQT đã đặt ra. Lợi nhuận trước thuế 113,5 tỷ đồng, tăng 73% so với cùng kỳ 2019. Thu nhập bình quân đạt trên 10 triệu đồng/người/tháng, tăng 13% so với cùng kỳ 2019.

productivity of each production line, inventory management, implementation of savings, reduction of scraps and loss, application of management model in accordance with the strategic objectives of the company through BSC system, etc.

By applying the foregoing solutions, the business and production activities of the Company have achieved the following results: revenue reached VND 4,822 billion, increasing by 10% over the same period in 2019 and 97% in comparison with the plan in 2020 set out by the Board of Directors. Pre-tax profit reached VND 113.5 billion dong increasing by 73% over the same period in 2019. Average income was VND 10 million/person/month, an increase of 13% over the same period in 2019.



# 2020 operation of the Board of Directors Hoạt động của Hội đồng Quản Trị 2020

## Các cuộc họp của Hội đồng Quản Trị Meetings of the Board of Directors

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 22 cuộc họp. Cụ thể như sau:

The Board of Directors consisting of 05 members has held 22 meetings. In particular:

STT No.	Biên bản họp Meeting Note No	Thời gian Date	Nội dung Contents of meeting
1	51/BBH-HĐQT	09/01/2020	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh Đông Sài Gòn. Approving loans from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – East Saigon branch.
2	52/BBH-HĐQT	09/01/2020	Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Trung tâm kinh doanh khách hàng doanh nghiệp Sailing Approving loans from Vietnam International Commercial Joint Stock Bank – Sailing Centre for Enterprise Customers.
3	53/BBH-HĐQT	09/01/2020	Thuê tài chính các thiết bị phục vụ SXKD tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh TP HCM. Applying for financial lease for production machinery from JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam – Hochiminh City branch.
4	54/BBH-HĐQT	09/01/2020	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết quả SXKD 2019 và KH SXKD 2020</li><li>- Bổ nhiệm Giám Đốc XNHM.</li><li>- Điều chỉnh sơ đồ tổ chức công ty</li><li>- Điều chỉnh thang bảng lương viên chức quản lý và người lao động Cty.</li><li>- Quy chế mua sắm (sửa đổi).</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- 2019 Business Operation result and Business Operation Plan for 2020.</li><li>- Appointing Direct of Hoc Mon Factory.</li><li>- Revising organizational structure.</li><li>- Adjusting wage structure for managers and employees.</li><li>- Purchasing Policy (Revised)</li></ul>
5	55/BBH-HĐQT	09/01/2020	Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng Indovina, chi nhánh Bến Thành Approving loans from Indovina Bank, Ben Thanh branch.
6	56/BBH-HĐQT	09/03/2020	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ước thực hiện Quý 1/ 2020 và KH SXKD Quý 2/ 2020.</li><li>- Bổ nhiệm lại Ban Tổng Giám Đốc công ty.</li><li>- Bổ nhiệm lại các cán bộ quản lý công ty.</li><li>- Bổ nhiệm mới Giám đốc Xí nghiệp lốp Radial; Phó Giám đốc Xí nghiệp lốp Radial; Trưởng phòng Kỹ thuật- thiết kế.</li><li>- Công tác chuẩn bị ĐHCĐ.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- Forecasting Quarter 1/2020 result and Plan for Quarter 2/2020.</li><li>- Reappointing Board of Directors of Casumina.</li><li>- Reappointing Managers of Casumina.</li><li>- Appointing new Director of Radial Tire factory, new Deputy Director of Radial Tire factory; Manager of Technical and Design department.</li><li>- Preparing for Annual General Meeting.</li></ul>
7	57/BBH-HĐQT	09/03/2020	Biện pháp đảm bảo tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Bến Nghé. Solutions to secure loans from Bank for Investment and Development of Vietnam – Ben Nghe Branch.
8	58/BBH-HĐQT	24/03/2020	Thông qua phương án vay vốn tại TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn. Approving loans from Vietnam Export-Import Bank – Saigon branch.

STT No.	Biên bản họp Meeting Note No	Thời gian Date	Nội dung Contents of meeting
9	59/BBH-HDQT	24/03/2020	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh Applying for loans from Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank –Hochiminh City branch.
10	60/BBH-HDQT	22/05/2020	Thuê mua tài chính thiết bị tại Vietinleasing Applying for financial equipment lease from Vietinleasing
11	61/BBH-HDQT	22/05/2020	- Đánh giá kết quả thực hiện 5 tháng, 2020 và KH SXKD Quý 3/ 2020. - Công tác chuẩn bị ĐHCĐ. - Thông qua quy chế mua sắm, sửa đổi. - Evaluating 05-months result of 2020 and plan for Quarter 3, 2020. - Preparing for Annual General Meeting. - Approving the revised purchasing policy.
12	62/BBH-HDQT	17/06/2020	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội Applying for loans from Military Commercial Joint Stock Bank
13	63/BBH-HDQT	26/06/2020	BBH bầu chủ tịch HĐQT Công tác chuẩn bị ĐHCĐ. Voting for Chairman of the Board of Directors memo.
14	64/BBH-HDQT	26/06/2020	BBH Đại hội cổ đông thường niên. Annual General Meeting memo.
15	65/BBH-HDQT	20/08/2020	Vay vốn bổ sung tại Ngân hàng TMCP Quân đội. Applying for additional loans Military Commercial Joint Stock Bank.
16	66/BBH-HDQT	20/08/2020	Vay vốn bổ sung tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Applying for additional loans Vietnam International Commercial Joint Stock Bank.
17	67/BBH-HDQT	20/08/2020	- Đánh giá kết quả TH 7 tháng/2020 và KH SXKD cả năm 2020. - Công tác đầu tư xây dựng. - Thuê mua tài chính xe bán tải. - Báo cáo tình hình chống bán phá giá của Mỹ đối với lốp xe bán thép sản xuất tại Việt Nam. - Công tác của Ban kiểm soát. - Evaluating 07 -months result of 2020 and plan for 2020. - Investing in construction. - Applying for Financial lease for the Pickup truck. - Reporting on CVD and AD on PCR tire produced in Vietnam. - Activities of the Board of Supervisors.
18	68/BBH-HDQT	16/10/2020	Vay vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Applying for loans from JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam .
19	69/BBH-HDQT	26/10/2020	Vay vốn tại Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam. Applying for loans from Bank for Investment and Development of Vietnam.
20	70/BBH-HDQT	26/10/2020	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Applying for loans from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade.
21	71/BBH-HDQT	11/11/2020	Vay vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Applying for loans from JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam
22	72/BBH-HDQT	11/11/2020	Vay vốn tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Applying for loans from Vietnam International Commercial Joint Stock Bank.





## **Các nghị quyết & quyết định của Hội Đồng Quản Trị** **Resolutions & decisions of the Board of Directors**

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 25 Nghị quyết và 7 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, trả cổ tức, quyết định phê duyệt, quyết định khác. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

During the year, the Board of Directors issued 25 Resolutions and 7 Decisions with respect to production and business management, dividend payment, approval decision and other decisions. The Resolutions and Decisions of the Board of Directors have been agreed by the members and in compliance with the the Company's Charter.

## **Về hoạt động giám sát của Hội đồng Quản Trị đối với Ban Giám Đốc** **Supervision of the Board of Directors to the Board of Management**

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, thu xếp vốn và triển khai hoặc thoái vốn đối với các dự án đầu tư.

Qua kiểm điểm công tác cho thấy Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao.

With the aim of boosting and improving the efficiency of production and business activities, the Board of Directors directs, supervises and supports the Board of General Directors in implementing solutions to reduce production costs, enhance the management, improve product quality, sales promotion, capital arrangement and deploy or divest in investment projects. The review showed that the Board of General Directors has implemented the resolutions and conclusions of the Board of Directors with great effort.

## Report on remuneration of the Board of Directors & the Board of Supervisors

### Báo cáo chi phí thù lao của Hội đồng Quản Trị & Ban Kiểm Soát công ty

<b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> <i>Chairman of the Board of Directors</i>	<b>6.000.000 đồng/tháng</b> <i>VND 6,000,000 per month</i>
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b> <i>Members of the Board of Directors</i>	<b>5.500.000 đồng/tháng</b> <i>VND 5,500,000 per month</i>
<b>Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: hưởng lương bằng Kế toán trưởng</b> <i>Head of the Board of Supervisor</i>	<b>Không có thù lao</b> <i>Same wage level of the Chief Accountant's wage level</i>
<b>Các thành viên Ban kiểm soát</b> <i>Members of the Supervisory Board</i>	<b>72.000.000 đồng/năm</b> <i>VND 72,000,000 per year</i>
<b>Thư ký Hội đồng quản trị</b> <i>Secretary of the Board of Directors</i>	<b>54.000.000 đồng/năm</b> <i>VND 54,000,000 per year</i>
Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2020: 424,5 triệu đồng	The total remuneration paid in 2020: VND 424,5 million

## 2021 orientation of the Board of Directors

# Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản Trị năm 2021

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ mục tiêu phát triển ngành nghề cốt lõi của Công ty là sản xuất các loại và sản phẩm cao su khác. Căn cứ vào định hướng kế hoạch SXKD trung hạn 2020-2025 của Công ty. Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau :

### CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD 2021

**Tổng doanh thu:** 4.505 tỷ đồng, bằng 93% so với thực hiện năm 2020.

**Lợi nhuận trước thuế:** 100 tỷ đồng, bằng 88% so với thực hiện năm 2020.

**Chia cổ tức:** Mức tối thiểu là 5%.

### TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO VÀ HỖ TRỢ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tận dụng lợi thế về nguồn cung ổn định, linh hoạt trong đàm phán với đối tác để duy trì công suất sản xuất của dây chuyền lốp xe Radial bán thép xuất khẩu, nhằm đối phó với ba tác động đồng thời: Chính sách thuế của Mỹ, Giá nguyên vật liệu có xu hướng tăng cao và dịch bệnh Covid -19 chưa được kiểm soát tốt.

- Đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống tiêu thụ Lốp Radial bán thép, thương hiệu Advenza đối với thị trường trong nước. Đây được đánh giá là một sản phẩm tiềm năng có dư địa tăng trưởng.

- Đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ nhóm lốp TBR và nhóm lốp xe máy không săm (Tubeless) ở cả hai khu vực xuất khẩu và nội địa. Đây là nhóm sản phẩm đã có nhiều cải tiến về thiết kế, công nghệ sản xuất, cho thấy đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng.

- Tìm mọi giải pháp duy trì thị phần các sản phẩm truyền thống của Casumina nhằm ổn định tỷ suất lợi nhuận của các nhóm sản phẩm này.

- Tận dụng cơ hội mở rộng, hợp tác với các doanh nghiệp ngành sản xuất lốp xe khi các chính sách thương mại của một số quốc gia lớn có lợi cho công nghiệp sản xuất lốp xe tại Việt Nam. Tham gia sâu vào chuỗi cung ứng đối với các đơn vị lắp ráp xe trong nước.

Based on the forecast of the world economy and Vietnam's economy, based on the Company's development plan focusing on core products being tire, tube and other rubber based products, based on the Company's Production and Business Mid-term plan by 2020-2025, The Board of Directors has set out the production and business plan in 2021 and the management orientation including the main contents as:

### 2021 PRODUCTION & BUSINESS TARGET

**Total revenue:** VND 4,505 billion dong, equal 93% the result of 2020.

**Pretax profit:** VND 100 billion, equal 88% the result of 2020.

**Dividend payment:** The minimum level is 3%.

### DIRECTION & SUPPORT TO THE BOARD OF DIRECTORS

- Take advantage of stable supply; be flexible in negotiation to maintain capacity of PCR production for export and to fight off the three impacts: Duties of the US, increasing raw material price, and Covid-10 is not well under control.

- Optimize sale system for PCR tire under Advenza brand for domestic market. This is a potential product with growth room.

- Boost consumption of TBR and Tubeless motorcycle tire in both domestic and export market. This is the product lines received much improvement from design to production technology; it proves to meet customer's requirements.

- Make use of every solution to maintain market share of traditional products to stabilize revenue of this group.

- Take the chance to expand market and cooperate with other enterprises in the same industry when major economies' policies are giving manufacturers in Vietnam advantages over other countries. Participate in the supply chain of domestic assemblers.

- Planning for the implementation of business models that keep pace with digital trends so as to

- Lập kế hoạch triển khai các loại hình kinh doanh bắt kịp xu hướng kỷ nguyên số nhằm tạo lợi thế và hiệu quả từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại.

- Thực hiện các giải pháp đột phá việc triển khai tiết kiệm, tiết giảm chi phí nhằm tạo được lợi thế về giá thành.

- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết theo lộ trình thoái vốn từ cổ đông 51%.

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.

### **BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH**

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó được trình bày tại báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020.

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch được trình bày tại báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020 (chi tiết vui lòng tham khảo Báo cáo tình hình quản trị Công ty đã công bố thông tin tại Website Công ty ngày 21/01/2021).

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021

Kính trình Đại hội.

create the advantage and efficiency of the industrial revolution 4.0.

- Implementing breakthrough solutions in savings and reduce costs to create production cost advantages.

- Implementing the Resolution of the General Meeting of Shareholders for investment projects on schedule, in accordance with the law and the Charter of the Company.

- Taking initiative in implementing the necessary procedures in line with the divestment plan from the shareholder holding 51%.

- Continuing to improve and strictly comply with the Company's Statutes and Regulations

### **TRANSACTION REPORT**

1. Transactions between the Companies, branch company, companies controlled by public company with more than 50% authorized capital with members of the Board of Directors and related person with the members: Reported in business management report 2020.

2. Transactions between the Company and companies established by members of the Board of Directors or Managers of the Company within 03 years from the transaction date: Reported in business management report 2020.

For more details, please refer to Business management report published on Casumina website dated 21/01/2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**REP. BOARD OF DIRECTORS**



**CHỦ TỊCH - CHAIRMAN**  
**LÊ NGỌC QUANG**

## 6 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Board of Supervisors report

Hoạt động của Ban kiểm soát 2020

2020 operation of the Board of Supervisors **P.70**

Kết quả hoạt động kiểm tra & giám sát

Inspection & supervision result **P.71**

Nhật xét & kiến nghị

Comments & recommendations **P.74**

Định hướng hoạt động 2021

2021 operation orientation **P.76**

# 2020 operation of the Board of Supervisors

## Hoạt động của Ban Kiểm Soát 2020

**Kính thưa** Quý vị cổ đông

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam,

Ban Kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam được tổ chức ngày 26 tháng 04 năm 2021 với các nội dung sau:

### I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

#### 1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên và đã tổ chức 02 cuộc họp trong năm. Các Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ 02 cuộc họp của Ban kiểm soát, trong quá trình làm việc, do sự tác động khách quan, do tính chất công việc và khoảng cách địa lý, BKS thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để các hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời phân công thành viên tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị và các buổi họp điều độ Công ty, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.

#### 2. Hoạt động Ban kiểm soát:

Với vai trò thay mặt cổ đông giám sát tình hình hoạt động của Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam, trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty được Đại hội đồng cổ đông phân công, cụ thể:

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị; Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
- Kiểm soát việc xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo tình hình kinh doanh, xem xét sổ sách kế toán và tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính

To: Shareholders

In performing the tasks assigned by the General Committee of Shareholders and at the same time properly exercising the powers and duties of the Supervisory Board as stipulated in the company's Charter and Enterprise Law, The Supervisory Board would like to present the report to the Annual General Meeting of Shareholders in 2020 of The Southern Rubber Industry Joint Stock Company held on April 26th, 2021 with the following contents:

### I. OPERATION OF THE BOARD OF SUPERVISORS IN 2020

1. The Board of Supervisors consisted of 03 members and organized 02 meetings in the year. Members of the Board Of Supervisors fully attended the 02 meetings organized by the Board. Because of objective reasons, the nature of work and physical distance, the Board of Directors usually exchange information via email, phone to work efficiently. Member of the Boards of Supervisors attended all meetings hosted by the Boards of Supervisors and allocated members attending meetings of the Board of Directors.

#### 2. Operation of the Board of Supervisors:

As the representatives of shareholders to monitor the operation of The Southern Rubber Industry Joint Stock Company, in 2020, the Board of Supervisors carried out its' full responsibility in monitoring, investigating, appraising the operation, management and other business activities of the Company assigned by Shareholders:

- Carrying out the supervision of the Board of Directors, the Board of Management in the management and administration of the Company and implementation of resolutions and business plans approved by the General Meeting of Shareholders 2020;
- Controlling the development, adjustment and implementation of internal rules and regulations of the Company;

trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

- Kiểm soát việc công bố thông tin, trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của Nhà nước.

### 3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: hưởng lương bằng Kế toán trưởng, không có thù lao.
- Các Thành viên Ban kiểm soát: 3 triệu đồng/người/ tháng.
- Chi phí hoạt động Ban Kiểm Soát thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ Công ty

- Appraising audited financial statements, business situation reports, reviewing of accounting books and other documents of the Company in order to assess the truthfulness and reasonableness of financial data.

- Controlling the disclosure of information, order and procedures for organizing the Annual General Meeting of Shareholders in accordance with the regulations of the Stock Exchange and the regulations of the State.

### 3. Wage, expense for activities and other benefits of the Board of Supervisors:

- Head of the Board of Supervisors: same wage level as Chief Accountant's wage level, no remuneration.
- Members of the Board of Supervisors: 3 million dong/member/month.
- Expenses of the Board Of Supervisors: in accordance with internal policy of Casumina

## Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Hội đồng Quản Trị & Ban Điều hành

### Business supervision result of Board of Directors & Board of Management

#### 1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc

Qua kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh năm 2020, BKS nhận thấy HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

##### 1.1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp đầy đủ và có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc tham gia ý kiến về các nội dung họp. Các cuộc họp đều được ghi nhận vào Biên bản và ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện;

#### 1. Supervision of the Board of Directors and Board of Management's activities.

Via the supervision of Casumina's business operation, the Supervisory Board determined the management and business operations of the Board of Directors and the Board of Management of the Company in compliance with the provisions of the Enterprise Law, the Company's Charter and Resolutions.

##### 1.1. Supervision of Board of Management' activities:

- In 2020, Board of Management organized regular meetings in according with Enterprise Law and the Company's Charter. All the Meetings were hosted Chairman of the Board; all the discussions were carried out committedly. All the members attended the meeting with responsibility to contribute to the meetings. All the meetings were documented in to Memos and issued as Resolutions.

- All the managerial activities of the Board of Managements followed the provisions of the

- Công tác quản trị điều hành của Hội đồng quản trị luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động điều hành của HĐQT luôn đảm bảo tính công khai và minh bạch, tập trung vào chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và hướng đến mục tiêu hiệu quả hoạt động.

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị ban hành 25 Nghị quyết và 07 Quyết định để chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, để triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời đánh giá, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

## **1.2. Giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

- Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

- Mọi hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc đều chấp hành thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách với lao động, luôn chăm lo đời sống cho người lao động.

## **2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

- Hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc Công ty được thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mối quan hệ giữa HĐQT, Ban TGD và BKS là phối hợp và theo chức năng nhiệm vụ.

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của BKS luôn được HĐQT và Ban TGD phản hồi đầy đủ và kịp thời.

## **3. Thẩm định báo cáo tài chính và hoạt động tài chính 2020**

- Công ty thực hiện đúng quy định về việc lập báo cáo tài chính và công bố thông tin hàng quý, năm theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của nhà nước.

- Công tác kế toán tại Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành. Ban Kiểm soát chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính kế toán trong kỳ.

- Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác sản xuất kinh doanh, đảm bảo có lợi nhuận, trích

Enterprise Law, the Company's Charter and Resolutions. The Company's Board of Directors activities were truth, transparent and toward the achievement of the business plans approved by the General Meeting of Shareholders and efficiency.

- In 2020, the Board of Management issued 25 Resolutions and 7 Decisions in order to direct the activities under the Board's responsibility, to achieve the business plan of Casumina, at the same time, to evaluate, monitor activities of the Board of Directors.

## **1.2 Supervision of the Board of Directors' activities.**

- In 2020, Board of Directors stayed true to the goals and directions, and fulfilled the missions set by the General Meeting of Shareholders and Board of Management.

- All activities of the Board of Directors followed Vietnamese Law, Enterprise Law, and Casumina's policy.

- Fulfilled all tax duties to the Government, carried out responsibilities to labors, took care of labors' living quality.

2. Evaluation of the coordination between the Board of Management and the Board of Directors

- Board of Management and Board of Directors followed Enterprise Law, policies and activities of Casumina. The relationship between Board of Management and the Board of Directors is coordination and separate responsibility.

- In 2020, Board of Management and Board of Directors support Board of Supervisors in execution of the Board of Supervisors' functions. All recommendations of the Board of Supervisors were responded by the Board of Management and the Board of Directors in a timely manner.

## **3. Appraising financial report and financial activities in 2020**

- Casumina followed fully Stock Exchange and the Government's regulations of preparing financial reports and published information quarterly and annually.

- Accounting at Casumina followed strictly all related regulations, followed the rules: carefully, earnestly, logically, and the financial reports were prepared in accordance with all applicable regulations. Board of Supervisors has not found any violation in financial/accounting activities throughout the period.

- Casumina achieved great business operation



lập các quỹ theo đúng quy định. Tính đến thời điểm 31/12/2020, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp.

- Ban Kiểm soát thống nhất các số liệu trên BCTC năm 2020 của Ban điều hành đã được kiểm toán.

#### 4. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

##### KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu Item	Kế hoạch 2020 2020 plan	Thực hiện 2020 Achieved in 2020	Kết quả thực hiện/ kế hoạch Result / plan
<b>Tổng doanh thu</b> Sales revenue	<b>4,991 tỷ</b> 4,991 billion	<b>4,822 tỷ</b> 4,822 billion	<b>97%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b> Net profit	<b>150 tỷ</b> 150 billion	<b>113,5 tỷ</b> 113,5 billion	<b>76%</b>

Doanh thu bán hàng Công ty thực hiện 97% kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.

Lợi nhuận thực hiện đạt 76% so với kế hoạch lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.

- Về việc phân phối lợi nhuận năm 2019, Công ty đã thực hiện trích các quỹ theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020. Đồng thời, ngày 28/08/2020, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5%/mệnh giá cổ phần theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 2020 thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

- Chọn Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) theo sự uỷ quyền của ĐHĐCĐ 2020.

results, ensured profit, created and used budgets in accordance with regulations. By 31/12/2020, financial indicators of Casumina showed efficient and healthy business activities.

- Board of Supervisors agrees with financial data in the audited Financial Reports 2020.

#### 4. Result of Annual General Meeting 2020:

##### PRODUCTION AND BUSINESS PERFORMANCE

Total sale revenue achieved 97% the Resolution of the Annual General Meeting 2020.

Earning achieved 76% the Resolution of the Annual General Meeting 2020.

- Profit distribution 2019, Casumina appropriated funds in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting 2020. At the same time, on 28/08/2020, Casumina arranged dividend payment to shareholders by cash at 5%/stock value in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting 2020.

- Remuneration for the Board of Management and the Board of Supervisors 2020 was arranged in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting 2020.

- Selection of an Independent Auditing Company: Southern Auditing & Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCS) under authorization at the Annual General Meeting of Shareholders 2020.

## Ý kiến cổ đông Shareholders' opinions

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội, Ban Kiểm soát chưa nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc Công ty, Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

At the time of finalizing attending shareholders list, Board of Supervisors has not received any comment, recommendation, complains from shareholders on violations the Board of Management, the Board of Director, and the Board of Supervisors regarding the appointed missions.

# Transactions report

## Báo cáo đánh giá về các giao dịch

Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó & giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch tuân thủ theo các quy định hiện hành về điều khoản thực hiện, công bố thông tin

Transactions between the Company, branch Companies, companies with more 50% authorized capital controlled by public companies, in which there is/are member(s) of the Board of Management and related person(s) with the member & Transactions between the Company and companies that a member(s) of the Board of Managers is a founder or a manager within 03 years from the transaction date in accordance with law and information publication law

## Comments & recommendations

### Nhận xét & kiến nghị

#### 1. NHẬN XÉT

- Năm 2020 là một năm biến động lớn về kinh tế toàn cầu nói chung và Casumina nói riêng do tác động của đại dịch Covid-19. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng: nguyên vật liệu đầu vào gặp khó khăn do không có đủ lượng hàng từ nhà cung cấp, vận chuyển hàng hoá bị gián đoạn do giãn cách xã hội, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm chậm lại, giá nguyên vật liệu tăng mạnh vào các tháng cuối năm.

- Trước những khó khăn, Ban Tổng Giám Đốc cùng đội ngũ cán bộ quản lý Công ty đã cố gắng tìm ra những phương hướng chính sách nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, tình hình tài chính không bị ảnh hưởng từ khách hàng, ổn định thu nhập cho hơn 2000 người lao động toàn Công ty, cụ thể:

\* Tăng cường tìm kiếm nhiều nhà cung cấp mới, khách hàng mới (trong và ngoài nước);

\* Ban hành các chế độ chính sách bán hàng linh động, chia sẻ nỗi giãn công nợ cho các nhà phân phối đang gặp khó khăn trong bán hàng;

\* Chính thức chào bán sản phẩm mới dòng lớp xe ô tô du lịch Advanza được sự ủng hộ tin tưởng của khách hàng từ mẫu mã đến chất lượng;

\* Quản lý kiểm tra hàng tháng định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiết giảm tỷ lệ phế;

\* Lựa chọn các ngân hàng uy tín với lãi suất vốn vay thấp nhất.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường hay sai phạm nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt

#### 1. COMMENTS

- 2020 is a unstable year for Global market as a whole and Casumina in specific. Production and business operation are affected in every aspect: input materials faced difficulties with supply shortage, social distancing cut off transportation, demand decreased, and raw materials price increased during the last months of the year.

- Facing the difficulties, the Board of Directors and management team proposed solution to stabilize the production, prevent disruption, avoid being affected financially by customer, and stabilize income for 2000 labor of the Company, in details:

\* Focusing more on finding new suppliers and customers (domestic and foreign)

\* Issue flexible sale policy, share the burden with distributors in hard time by extending the credit deadline.

\* The introduction of Advanza passenger car tire met with welcome response from customer by design and quality.

\* Managers in charge of checking materials consumption monthly, minimizing defect rate.

\* Choosing banks with low interest rate.

- In 2020, the Supervisory Board did not find any abnormal or irregular signs in the Company's business operations. All activities comply with the Enterprise Law, the Securities Law, the Company's Charter and the provisions of law.

- The accounting system, the applicable accounting policies and the presentation of the Company's Financial Statements 2020 are in

đồng đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày BCTC 2020 của Công ty là phù hợp với Chế độ kế toán ban hành của Bộ Tài Chính, các chính sách và phương pháp kế toán được Công ty áp dụng nhất quán.

## 2. KIẾN NGHỊ:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật.

- Tăng cường công tác quản lý công nợ, giảm nợ phải thu. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tất cả chi phí phát sinh liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng, giữ vững và mở rộng thị phần trong và ngoài nước.

conformity with the Ministry of Finance's accounting regulations, accounting policies and methods consistently adopted by the Company.

## 2. RECOMMENDATION:

- Keep on improving management capability and put the ability of managers to full use to enable the Company to achieve stable development, to ensure legal benefits of the Company and Shareholders.

- Focus more on debt management, lower account receivable amount. Control every expense occurred during production and business operation.

- Focusing more on sales operation, maintain and expand market share in domestic and export market.



## 2021 operation orientation of the Board of Supervisors

### Định hướng hoạt động 2021 của Ban Kiểm Soát

Thực hiện nhiệm vụ chức năng của Ban Kiểm Soát theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty :

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, các Nghị quyết Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;

- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;

- Thực hiện thẩm định các Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện các báo cáo định kỳ của Ban kiểm soát  
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định có liên quan.

- Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 đạt hiệu quả cao nhất. Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị, đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 sau:

• Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS).

• Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (gọi tắt là AASC).

• Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (gọi tắt là AFC).

Việc lựa chọn cần căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán cho các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch, đã được Bộ tài chính, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Trên đây là báo cáo năm 2020 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**REP. BOARD OF SUPERVISORS**

**ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN**

The Supervisory Board has implemented the supervision according to the functions and tasks prescribed in the Enterprise Law and the Company's charter.

- Examining and supervising the execution of the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders in 2020, Resolutions of the Board of Directors and the Board of General Directors;

- Supervising the management and operation of the company by the Board of Directors and the Board of General Directors;

- Appraising financial statements, Business Performance Activities report of the Company;

- Composing regular reports of the Board of Supervisors.

- Carrying out other duties in accordance with Business Laws, The Company's policy, and Resolutions of Shareholders and other related regulations.

- In order to achieve the best result in the 2021 Financial Report Audit, Board of Supervisor, after came into agreement with the Board of Management, request the Annual General Meeting of Shareholders to authorize Board of Management to choose one of the 03 auditing companies to carry out 2021 financial audit as follows:

• Southern Auditing & Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCS).

• AASC Auditing Firm Company Limited (AASC).

• AFC Audit Viet Nam Company Ltd (AFC).

The selection will be formed on the ability, level, and professionalism of the independent auditing companies in compliance with requirements to carry audit for listed companies, approved by the Ministry of Finance and the State Securities Commission of Vietnam.

Above is the report in 2020 of the Supervisory Board to submit to the Annual General Meeting of Shareholders in 2021.

Your Faithfully.

# 7 BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

Environment & social report



Quản lý nguồn nguyên vật liệu  
Raw material management policy

**P.78**

Tình hình tiêu thụ năng lượng  
Energy consumption situation

**P.79**

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường  
Compliance with environmental regulations

**P.80**

Hướng đến cộng đồng  
To social relationship

**P.80**



## Raw material management policy

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Loại NVL	ĐVT	Số lượng
Cao su thiên nhiên Natural Rubber	Tấn Ton	27,050
Cao su tổng hợp Synthetic rubber	Tấn Ton	13,330
Vải màn hình các loại Nylon core	Tấn Ton	2,700
Hóa chất các loại Chemicals	Tấn Ton	6,370
Than Đen Carbon black	Tấn Ton	18,710
Tanh nguyên liệu Core	Tấn Ton	2,680
Bổ thép Steel Core	Tấn Ton	4,370
Van các loại Valves	Nghìn bộ Thousand sets	21,435

• Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm lốp xe, Casumina sử dụng nguồn nguyên liệu chủ yếu là cao su các loại, than đen, vải màn hình và một số hóa chất khác. Điều này đòi hỏi Casumina phải thiết kế và có chính sách nghiêm ngặt về bảo quản, tồn trữ nguyên liệu thông qua hệ thống kho tàng và quy trình kiểm soát chặt chẽ (ISO 9001 – 2008 và ISO 14001- 2004).

• Casumina đã thiết lập hệ thống an toàn – phòng chống cháy nổ với đội ngũ được huấn luyện thường xuyên. Công ty duy trì mạng lưới an toàn vệ sinh, kịp thời phát hiện và có biện pháp ứng phó đối với những thiết bị không đảm bảo an toàn trước khi vận hành.

• With specific nature of a tyre and tube manufacturer, Casumina mainly uses raw materials including rubber of all kinds, black coal, fabric blinds and some other chemicals. This requires Casumina to design and strictly implement policies on storage and inventory of raw materials under a strict inventory control procedure (ISO 9001 - 2008 and ISO 14001 - 2004).

• Casumina has established a fire prevention and safety system with regularly trained staff. The company maintains a safety and hygiene network for timely detection and responsive measures for unsafe devices before operating.



- Casumina sử dụng hai nguồn năng lượng chủ yếu là điện và hơi bão hòa (cung cấp từ lò hơi sử dụng nhiên liệu là mùn cưa).

- Năm 2020, sản lượng điện sử dụng toàn công ty gần 64 triệu kwh. Nếu so sánh dựa trên chỉ số Giá trị Sản xuất Công nghiệp cho thấy: Tỷ số sản lượng điện/ Giá trị SXCN của Công ty đã giảm đi 4.81%.

- Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm điện như: sử dụng các thiết bị điện tiên tiến, phân vùng nguồn điện cho từng khu vực sản xuất nhỏ, giảm thiểu thời gian ngừng máy hoặc chạy không tải.

- Hiện nay, Công ty đã bước đầu trang bị hệ thống điện mặt trời đối với Nhà lổp Radial toàn thếp. Đây cũng là một giải pháp giúp Công ty giảm thiểu chi phí sản xuất, ổn định nguồn năng lượng phục vụ cho sản xuất.

- Việc chuyển đổi từ sử dụng dầu đốt FO sang sử dụng nguyên liệu đốt mùn cưa đối với hệ thống động lực cung cấp hơi bão hòa đã giúp công ty giảm chi phí sản xuất và giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Cùng với phương thức so sánh ở trên có thể thấy rằng, tổng khối lượng nước phục vụ cho sản xuất của Casumina đã giảm 9,78%. 85% Nước giải nhiệt cho máy móc, thiết bị được thu hồi vào hồ xử lý tuần hoàn.

- Casumina uses two main sources of energy: electricity and saturated steam (supplied from boilers using sawdust).

- Total power consumption of the company is nearly 64 million kWh. The turnover rate of energy consumption over production value show a decline of 4.81%.

- Casumina applied many solution to save electricity such as: using new technology/device, allocate bandwidth to small production zone, minimize machine on standby or without load.

- Casumina installed a solar power system for Radial Factory. This is also a solution to help minimize expense and stabilize energy source for production.

- The transition from using FO oil to sawdust to dynamic systems with saturated steam has helped the Company reduce production costs and minimize environmental impacts..

- Using the same comparison method shows a 9.78% drop in total water consumption. Cooling water used for machinery was collected to water tank for circulation.

Năm	Nước (m <sup>3</sup> )	Điện (1.000 Kwh)
2019	218.245	59.237
%/ Giá trị SXCN	8,59	2,33
2020	223.376	63.976
%/ Giá trị SXCN	7,75	2,22
<b>Tiết kiệm 2020/2019</b>	<b>9,78%</b>	<b>4,81%</b>

# Compliance with environmental regulations

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

• Casumina luôn tuân theo các quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam về môi trường.

• Thông qua các đợt kiểm tra định kỳ của cơ quan chức năng quản lý về môi trường đối với các chỉ tiêu về nước thải, khí thải tại các Xí nghiệp thành viên đều đạt ở mức cho phép.

• Đối với chất thải sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại được phân loại tại nơi phát sinh, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, thu gom vận chuyển và xử lý theo qui định của pháp luật.

• Các nguyên liệu đặc thù ngành cao su có thể tận dụng: Vải màn cán tráng, Cao su phế liệu được Công ty gom, tập trung tại Xí nghiệp cao su Bình Dương, xay nghiền nhỏ làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm như: lốp xe công nghiệp, lốp xe nâng, khe co dãn, đệm cầu cảng... Tỷ lệ tái chế phế phẩm, phế liệu của Casumina năm 2020 là 0,9%.

• Ngoài ra, Casumina là một thành viên tích cực trong hội đồng trách nhiệm Xã hội các Doanh nghiệp Hóa chất Việt Nam (VRCC).

• Năm 2020, Công ty không bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về bảo vệ môi trường

• Casumina complies at all times with the laws of the state of Vietnam on environment.

• Through regular inspections by the competent authorities on environmental management, the effluent and gas emission indicators of the member Factories are at an acceptable level.

• For domestic, industrial and hazardous wastes classified at the sources, the Company signs contracts with functional units for collection, transport and disposal under provisions of law.

• Specific raw materials can be utilized in the rubber industry: Rolled and coated blind fabrics, rubber waste collected by the Company, gathered in Binh Duong Rubber Factory to be ground and milled for making raw materials to produce such products as industrial tyres, forklift tyres, expansion joints, pier buffer, etc. In 2020, Casumina recycling rate is 0,9%

• In addition, Casumina is an active member of the Vietnam Responsible Care Council (VRCC) of Chemicals Enterprises.

• In 2020, Casumina did not violate any environmental law or regulation.

## Hướng đến cộng đồng To social relationship

• Hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động xã hội là hai hoạt động không thể tách rời trong quá trình phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Thông qua tuân thủ các chuẩn mực về luật pháp, bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi của người lao động và phát triển cộng đồng. Đây là một nội dung quan trọng đang được triển khai thực hiện tốt tại Casumina.

• Với sứ mệnh cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc hiệu quả và thân thiện. Casumina đang ngày một hoàn thiện hơn trước mục tiêu phát triển bền vững của công ty và cộng đồng.

• Hoạt động công tác xã hội hướng đến cộng

• Business activities and social activities are two indispensable types of activities in the sustainable development of an enterprise. By complying with legal norms, protecting the environment, ensuring the interests of the employees and developing the community, this is an important content which has been well implemented in Casumina.

• With a mission to bring the safety, happiness, efficiency and friendliness to the society, Casumina has been completing the sustainable development goals of the company and the community.

• Community-oriented social activities of Casumina in 2020 include: Participating in cycling for



đồng trong năm 2020 của casumina bao gồm: Tham gia phong trào đi xe đạp vì môi trường, chăm lo cho các gia đình chính sách, hỗ trợ các trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ em khuyết tật, tham gia cuộc vận động của hội chữ thập đỏ, hỗ trợ các gia đình trong đợt lũ lụt vừa qua....

**+ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

a. Công ty thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như: đóng BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ bảo hộ lao động... tiền lương và thu nhập đối với người lao động. Thực hiện kịp thời các thủ tục để người lao động được hưởng chế độ khi nghỉ việc, nghỉ hưu...

b. Duy trì mua bảo hiểm tai nạn con người theo chế độ 24/24 cho người lao động.

c. Thực hiện việc khám sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp hàng năm

d. Thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho NLĐ: thưởng cho các ngày Lễ/Tết, chế độ nghỉ phép hàng năm, chế độ thưởng thâm niên cho NLĐ lâu năm, quà Tết cho NLĐ...

**+ Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:**

a. Xây dựng và trao tặng 45 sân chơi cho thiếu nhi giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam và Hội đồng Đội Trung ương.

b. Duy trì phụng dưỡng 08 trường hợp gia đình chính sách.

c. Hỗ trợ xây nhà tình thương cho phường Hiệp Bình Chánh – Thủ Đức

d. Ủng hộ các tổ chức xã hội của địa phương, quỹ vì người nghèo, chăm lo Tết cho các hộ gia đình nghèo...

e. Tổ chức các chương trình đi từ thiện, thiện nguyện ở các địa phương có nhiều hoàn cảnh khó khăn, cần sự giúp đỡ.

f. Công ty đã ủng hộ chương trình “Người Việt dùng hàng Việt” bằng hoạt động tổ chức cho hơn 2 nghìn CBCBV Công ty tham gia chương trình “Đồng hành cùng Người lao động mua sắm Tết”: Tài trợ chi phí mua nhu yếu phẩm thông qua sự phối hợp với hệ thống siêu thị Coop Mart.

g. Thực hiện phát khẩu trang, nước rửa tay và nhu yếu phẩm cho CBCNV trong giai đoạn dịch Covid 19 bùng phát trong quý 1/2020.

the environment program, caring for families under preferential treatment policy, supporting centers for the elderly and disabled children, participating in the campaigns of the Red Cross, supporting families in the flood, etc.

**+ Workplace policies ensure benefits, safety, and health of employees**

a. Casumina executed its' policy to labor such as: paying for social security, health insurance, unemployment insurance, labor protection policies. Completing procedures on time in order for labors to enjoy leaving, retirement benefits.

b. Maintaining the 24/24 accident insurance for labors.

c. Company organized annual health checkup for general and job-related issue.

d. Company ensures other benefits for labors are well executed: bonus on holidays/Tet, annual leave, bonus based on Seniority, special gift for Tet,...

**+ Social activities including investment and financial support for the community:**

a. Built and present 45 playgrounds to Vietnam Children's Organization

b. Took care of 08 families under preferential treatment policy.

c. Supported the building of charitable house for Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc

d. Supported NGO in the areas,, funds for the poor, and Tet for poor families ...

e. Organized charitable trips to areas in need.

f. Supported the “Vietnamese use Vietnamese products” program by organizing shopping trip for over 2000 employees under “Accompany Labors shopping for Tet” campaign: sponsoring vouchers for shopping in cooperation with Coop Mart.

g. Distributed face mask, hand sanitizer and other necessities to employees during the first outbreak of Covid-19 in Quarter 1, 2020



## 8 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Financial statements

Báo cáo của Ban điều hành  
Board of Management report

**P.83**

Báo cáo của kiểm toán  
Independent auditor report

**P.85**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Audited financial statements

**P.86**

## Boar of Management report

# Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2020, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.

- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, thương mại, dịch vụ

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su
- Kinh doanh bất động sản.

#### Mô hình hoạt động của doanh nghiệp:

Danh sách các đơn vị trực thuộc

- Xí nghiệp Cao su Đồng Nai
- Xí nghiệp Cao su Hốc Môn
- Xí nghiệp Cao su Bình Lợi
- Xí nghiệp Cao su Bình Dương
- Xí nghiệp Lốp Radial

#### Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### Hội Đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám Đốc

Họ và Tên Name	Vị trí Position	Bổ nhiệm Appointed	Từ nhiệm Resigned
<b>Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm: Member of the Board of Directors are as follows:</b>			
Ông Lê Ngọc Quang	Chủ tịch / Chairman	26/06/2020	
Ông Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch / Chairman		26/06/2020
Ông Phạm Hồng Phú	Thành viên / Member		
Ông Nguyễn Minh Thiện	Thành viên / Member		
Ông Trần Thắng	Thành viên / Member		
Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên / Member		

**Các thành viên của Ban Tổng Giám Đốc bao gồm:**

**Member of the Board of Management are as follows:**

**Bổ nhiệm  
Appointed**

Ông Phạm Hồng Phú	Tổng Giám đốc điều hành / General Director	16/05/2020
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director	16/05/2020
Ông Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director	16/05/2020
Ông Vũ Quốc Anh	Kế toán trưởng / Chief Accountant	

**Các thành viên của Ban Kiểm Soát bao gồm:**

**Member of the Board of Supervisors are as follows:**

Bà Đào Thị Chung Tiến	Trưởng Ban Kiểm soát / Head of the Board of Supervisors
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS / Member

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

**Thay mặt HĐQT**  
On behalf of the BOD

**CHỦ TỊCH - CHAIRMAN**  
**LÊ NGỌC QUANG**

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2020

**Thay mặt Ban TGD**  
On behalf of the BOD

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
General Director  
**PHẠM HỒNG PHÚ**

# Independent auditor report

## Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi:

- Cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2021 từ trang 86 đến trang 121, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng

yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm ....

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



**Phó Tổng Giám Đốc  
LÊ ĐÌNH ÁI**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1



**Kiểm toán viên  
LÊ KIM NGỌC**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2018-142-1

# Balance sheet

## Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> SHORT TERM ASSETS	<b>100</b>		<b>2,255,657,203,084</b>	<b>2,172,178,466,153</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b> Cash and cash equivalents	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>152,934,347,481</b>	<b>62,580,607,555</b>
1 Tiền Cash	111		152,934,347,481	62,580,607,555
2 Các khoản tương đương tiền Cash equivalents	112		-	-
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b> Short-term financial investments	<b>120</b>		-	-
1 Chứng khoán kinh doanh Trading securities	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) Allowance for decline in value of trading securities (*)	122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Held-to-maturity investments	123		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b> Accounts receivable - short-term	<b>130</b>		<b>686,989,124,325</b>	<b>810,601,043,295</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng Accounts receivable from customers	131	2	606,829,968,178	677,152,809,991
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn Prepayments to suppliers	132	3	67,395,785,725	115,055,020,617
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn Intra-company receivables	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Receivables on construction contracts	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn Short-term loans receivable	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác Other receivables	136	4	54,070,845,076	28,154,082,669
7 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*) Allowance for doubtful debts (*)	137	5	(41,307,474,654)	(9,760,869,982)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
<b>IV Hàng tồn kho</b> Inventories	<b>140</b>		<b>1,336,077,421,911</b>	<b>1,224,138,485,368</b>
1 Hàng tồn kho Inventories	141	6	1,336,077,421,911	1,224,138,485,368
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) Allowance for inventories (*)	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b> Other short-term assets	<b>150</b>			
1 Chi phí trả trước ngắn hạn Short-term prepaid expenses	151	7	79,656,309,367	74,858,329,935
2 Thuế GTGT được khấu trừ Deductible value added tax	152	8	1,985,368,571	18,662,940,553
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước Taxes and other receivables from State	153	9	76,959,021,242	55,825,149,379
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Government bonds under purchase and resale agreements	154		711,919,554	370,240,003
5 Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	155		-	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> LONG-TERM ASSETS	<b>200</b>		-	-
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b> Accounts receivable - long-term	<b>210</b>		<b>1,557,592,353,311</b>	<b>1,643,844,207,783</b>
1 Phải thu dài hạn của khách hàng Accounts receivable from customers	211		10,747,221,950	12,347,753,230
2 Trả trước cho người bán dài hạn Prepayments to suppliers	212		-	-

Chi tiêu		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VNĐ Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc Working capital provided to sub-units	213			
4	Phải thu nội bộ dài hạn Intra-company receivables	214			-
5	Phải thu về cho vay dài hạn Long-term loans receivable	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác Other long-term receivables	216	10	10,747,221,950	12,347,753,230
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) Allowance for doubtful long-term debts (*)	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b> Fixed assets	<b>220</b>		<b>1,470,709,316,254</b>	<b>1,576,584,054,322</b>
1	Tài sản cố định hữu hình Tangible fixed assets	221	11	1,220,288,860,780	1,332,301,462,806
	• Nguyên giá • Cost	222		2,955,798,133,547	2,881,009,159,225
	• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • Accumulated depreciation (*)	223		(1,735,509,272,767)	(1,548,707,696,419)
2	Tài sản cố định thuê tài chính Finance lease fixed assets	224	12	159,469,267,671	150,936,426,140
	• Nguyên giá • Cost	225		198,345,138,227	180,524,951,696
	• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • Accumulated depreciation (*)	226		(38,875,870,556)	(29,588,525,556)
3	Tài sản cố định vô hình Intangible fixed assets	227	13	90,951,187,803	93,346,165,376
	• Nguyên giá • Cost	228		114,901,039,716	114,901,039,716
	• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • Accumulated depreciation (*)	229		(23,949,851,913)	(21,554,874,340)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b> Investment properties	<b>230</b>		-	-
	• Nguyên giá • Cost	231		-	-
	• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • Accumulated depreciation (*)	232		-	-
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b> Long-term work in progress	<b>240</b>		<b>4,621,470,243</b>	<b>18,096,181,121</b>
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn Long-term work in progress	241			
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Long-term construction in progress	242	14	4,621,470,243	18,096,181,121
<b>V</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b> Long-term financial investments	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>6,250,492,667</b>	<b>6,250,492,667</b>
1	Đầu tư vào công ty con Investments in subsidiaries	251		-	
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Investments in associates, joint-ventures	252		9,650,345,815	9,650,345,815
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Equity investments in other entities	253		-	-
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) Allowance for decline in value of long-term financial investments (*)	254		(3,399,853,148)	(3,399,853,148)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Held-to-maturity investments	255			
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b> Other long-term assets	<b>260</b>		<b>65,263,852,197</b>	<b>30,565,726,443</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn Long-term prepaid expenses	261	16	65,059,331,150	30,393,435,657
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại Deferred tax assets	262	17	204,521,047	172,290,786
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn Long-term tools, supplies and spare parts	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b> <b>TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)</b>		<b>270</b>		<b>3,813,249,556,395</b>	<b>3,816,022,673,936</b>

					Đơn vị tính: VNĐ	
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		
<b>C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b> LIABILITIES (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>2,537,802,959,814</b>	<b>2,575,078,248,412</b>		
<b>I Nợ ngắn hạn</b> Short-term liabilities	<b>310</b>		<b>2,179,901,115,642</b>	<b>2,157,652,431,446</b>		
1 Phải trả người bán ngắn hạn Short-term accounts payable to suppliers	311	18	239,043,825,953	261,013,660,428		
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn Short-term advances from customers	312	19	23,141,957,727	20,908,511,381		
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Taxes payable to State Treasury	313	20	9,219,158,450	11,271,286,856		
4 Phải trả người lao động Payable to employees	314	21	82,613,742,830	60,196,728,287		
5 Chi phí phải trả ngắn hạn Short-term accrued expenses	315	22	101,392,473,963	60,565,730,032		
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn Short-term intra-company payables	316		-	-		
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Payables on construction contracts according to stages of completion	317		-	-		
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn Short-term unearned revenue	318		-	-		
9 Phải trả ngắn hạn khác Other short-term payables	319	23	47,897,724,369	44,469,681,439		
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn Short-term borrowings and finance lease liabilities	320	24	1,674,547,759,124	1,699,090,707,667		
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn Short-term provisions	321		-	-		
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi Bonus and welfare funds	322	25	2,044,473,226	136,125,356		
13 Quỹ bình ổn giá Price stabilization fund	323		-	-		
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Government bonds under sale and repurchase agreements	324		-	-		
<b>II Nợ dài hạn</b> Long-term liabilities	<b>330</b>		<b>357,901,844,172</b>	<b>417,425,816,966</b>		
1 Phải trả người bán dài hạn Long-term accounts payable to suppliers	331		-	-		
2 Người mua trả tiền trước dài hạn Long-term advances from customers	322		-	-		
3 Chi phí phải trả dài hạn Long-term accrued expenses	333		-	-		
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh Intra-company payables for operating capital received	334		-	-		
5 Phải trả nội bộ dài hạn Long-term intra-company payables	335		-	-		
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn Long-term unearned revenue	336		-	-		
7 Phải trả dài hạn khác Other long-term payables	337	26	12,573,239,000	13,573,239,000		
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn Long-term borrowings and finance lease liabilities	338	27	345,328,605,172	403,852,577,966		
9 Trái phiếu chuyển đổi Convertible bonds	339		-	-		
10 Cổ phiếu ưu đãi Preference shares	340		-	-		
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả Deferred tax liabilities	341		-	-		
12 Dự phòng phải trả dài hạn Long-term provisions	342		-	-		
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Science and technology development fund	343		-	-		
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b> EQUITY (400 = 410 + 430)	<b>400</b>		<b>1,275,446,596,581</b>	<b>1,240,944,425,524</b>		
<b>I Vốn chủ sở hữu</b> Owners' Equity	<b>410</b>	28	<b>1,275,446,596,581</b>	<b>1,240,944,425,524</b>		



		Đơn vị tính: VNĐ		
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Vốn góp của chủ sở hữu Share capital	411	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
	• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết • Ordinary shares with voting rights	411a	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
	• Cổ phiếu ưu đãi • Preference shares	411b	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần Capital surplus	412	-	-
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu Options to convert bonds into shares	413	-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu Other capital	414	-	-
5	Cổ phiếu quỹ (*) Treasury shares (*)	415	(12,050,000)	(12,050,000)
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản Differences upon asset revaluation	416	-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Foreign exchange differences	417	-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển Investment and development fund	418	142,423,241,757	137,178,266,919
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Enterprise reorganization assistance fund	419	-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Other equity funds	420	-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Retained profits	421	96,770,734,824	67,513,538,605
	• LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước • Retained profits brought forward	421a	6,109,952,897	15,063,790,229
	• LNST chưa phân phối kỳ này • Retained profit for the current year	421b	90,660,781,927	52,449,748,376
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB Capital expenditure fund	422	-	-
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b> Non-business expenditure fund and other funds	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Nguồn kinh phí Non-business expenditure fund	431	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ Non-business expenditure fund invested in fixed assets	432	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b> TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)		<b>440</b>	<b>3,813,249,556,395</b>	<b>3,816,022,673,936</b>

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2021  
Ho Chi Minh City, 20 January 2021

Người lập biểu  
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng  
Chief Accountant



Vũ Quốc Anh



Tổng Giám Đốc  
General Director



Phạm Hồng Phú

## Income statement

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiêu		Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Đơn vị tính: VND Năm 2019
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Revenue from sales of goods and provision of services	01	1		4,799,469,375,952	4,363,262,064,400
2 Các khoản giảm trừ doanh thu Revenue deductions	02	2		107,435,122,575	98,069,689,712
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) Net revenue from sales of goods and provisions of services (10=01-02)	10			4,692,034,253,377	4,265,192,374,688
4 Giá vốn hàng bán Cost of sales	11	3		3,957,651,073,793	3,688,486,841,986
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11) Gross profit from sale of goods and provision of services (20=10-11)	20			734,383,179,584	576,705,532,702
6 Doanh thu hoạt động tài chính Financial income	21	4		14,146,611,238	14,712,262,543
7 Chi phí tài chính Financial expenses	22	5		150,122,219,749	144,980,819,650
• Trong đó: chi phí lãi vay • In which: Interest expense	23			124,787,889,985	126,474,706,431
8 Chi phí bán hàng Selling expenses	25	6		236,081,442,537	224,272,303,740
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp General and administration expenses	26	7		257,430,415,987	162,474,517,655
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26)) Net operating profit (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30			104,895,712,549	59,690,154,200
11 Thu nhập khác Other income	31	8		9,102,727,726	9,709,294,261
12 Chi phí khác Other expenses	32	9		457,099,383	3,837,262,991
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32) Results of other activities (40 = 31 - 32)	40			8,645,628,343	5,872,031,270
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40) Accounting profit before tax (50= 30+40)	50			113,541,340,892	65,562,185,470
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành Income tax expense - current	51	10		22,912,789,226	14,040,846,228
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại Income tax (benefit)/expense - deferred	52	11		(32,230,261)	(928,409,134)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52) Net profit after tax (60= 50-51-52)	60			90,660,781,927	52,449,748,376
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu Basic earnings per share	70	12		875	464
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu Diluted earnings per share	71			-	-

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2020  
Ho Chi Minh City, 20 January 2020

Người lập biểu  
Issued by


  
Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng  
Chief Accountant

  
Vũ Quốc Anh



Tổng Giám Đốc  
General Director

  
Phạm Hồng Phú

# Cashflows statement (indirect method)

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo PP gián tiếp)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Đơn vị tính: VND Năm 2019
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b> CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b> Profit before tax	<b>1</b>		<b>113,541,340,892</b>	<b>65,562,185,470</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b> Adjustments for				
• Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT • Depreciation and amortisation	2		215,849,193,286	199,144,792,521
• Các khoản dự phòng • Allowances and provisions	3		31,546,604,672	1,472,416,071
• Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ • Exchange losses/(gains) arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	4		2,410,935,960	(102,040,117)
• Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư • Losses/(gains) from other investing activities	5		(15,643,498,165)	(8,440,002,120)
• Chi phí lãi vay • Interest expense	6		124,787,889,985	141,480,995,600
• Các khoản điều chỉnh khác • Other adjustments	7		-	-
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động</b> Operating profit before changes in working capital	<b>8</b>		<b>472,492,466,630</b>	<b>399,118,347,425</b>
• Tăng, giảm các khoản phải thu • Change in receivables	9		73,736,310,388	(21,782,711,830)
• Tăng, giảm hàng tồn kho • Change in inventories	10		(111,938,936,543)	(99,530,996,574)
• Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) • Change in payables and other liabilities	11		44,234,329,231	(4,491,019,822)
• Tăng, giảm chi phí trả trước • Change in prepaid expenses	12		(17,988,323,511)	5,827,499,982
• Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh • Change in trading securities	13		-	-
• Tiền lãi vay đã trả • Interest paid	14		(124,787,889,985)	(138,517,073,603)
• Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp • Income tax paid	15		(24,809,849,812)	(4,836,489,240)
• Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh • Other receipts for operating activities	16		8,080,000,453	840,867,488
• Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh • Other payments for operating activities	17		(2,437,632,000)	(7,319,047,978)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b> Net cash flows from operating activities	<b>20</b>		<b>316,580,474,851</b>	<b>129,309,375,848</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b> CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác Payments for additions to fixed assets	21		(96,499,744,340)	(54,538,465,888)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác Collections on disposals of fixed assets	22		1,022,727,273	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác Payments for purchase of debt instruments of other entities	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác Proceeds from sales of debt instruments of other entities	24		-	-

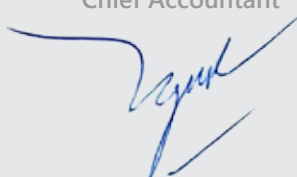
		Đơn vị tính: VND		
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Payments for investments in other entities	25	-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Collections on investments in other	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia Receipts of interest and dividends	27	6,540,770,439	7,599,134,632
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b> <b>Net cash flows from investing activities</b>	<b>30</b>	<b>(88,936,246,628)</b>	<b>(46,939,331,256)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> <b>CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>				
1	Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu Proceeds from capital contribution	31	-	-
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành Payments for shares repurchases	32	-	-
3	Tiền thu từ đi vay Proceeds from borrowings	33	3,668,290,269,451	3,776,496,446,319
4	Tiền trả nợ gốc vay Payments to settle loan principals	34	(3,718,750,743,700)	(3,835,584,646,152)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính Payments to settle financial lease	35	(32,606,447,088)	(37,501,424,935)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu Payments of dividends	36	(51,812,631,000)	(70,318,335)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b> <b>Net cash flows from financing activities</b>	<b>40</b>	<b>(134,879,552,337)</b>	<b>(96,659,943,103)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b> <b>Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>92,764,675,886</b>	<b>(14,289,898,511)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b> <b>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</b>	<b>60</b>	<b>62,580,607,555</b>	<b>77,424,370,998</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ Effect of exchange rate fluctuations on cash and cash equivalents	61	(2,410,935,960)	(553,864,932)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b> <b>Cash and cash equivalents at the end of the year (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>152,934,347,481</b>	<b>62,580,607,555</b>

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2020  
Ho Chi Minh City, 20 January 2020

Người lập biểu  
Issued by

  
Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng  
Chief Accountant

  
Vũ Quốc Anh



Tổng Giám Đốc  
General Director  
Phạm Hồng Phú

# Financial report clarification

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính

### ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.

- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, thương mại, dịch vụ

#### Nghành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su
- Kinh doanh bất động sản.

#### Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính:

Không ảnh hưởng.

#### Tổng số lao động: 2.350 người

Trong đó:

- Lao động gián tiếp: 1.146 người,
- Lao động trực tiếp: 1.204 người.

### CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày

01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

### CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

#### Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 03 tháng), tiền đang chuyển... Hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính.

#### Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo tài chính.

#### Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như : Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

- Các khoản đầu tư được coi như "tương đương tiền" là khoản đầu tư không có nhiều rủi ro, dễ chuyển hóa thành tiền và có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**Chứng khoán kinh doanh:**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... với mục đích kinh doanh (chờ tăng giá bán kiếm lời).

**Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được

kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh, liên kết không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh, liên kết phát sinh sau khi góp vốn liên doanh, liên kết.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

**Dự phòng đầu tư tài chính:**

Là dự phòng phần tổn thất do giảm giá chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ có thể xảy ra, hoặc dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác do doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác bị lỗ;

**Dự phòng đầu tư chứng khoán:**

Là các loại chứng khoán do doanh nghiệp nắm giữ một cách hợp pháp, được tự do chuyển đổi trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính, có sự giảm giá; Mức trích lập là giá trị ghi sổ với giá trị thuần có thể thực hiện được; Doanh nghiệp trích lập dự phòng cho từng loại chứng khoán, thông thường là thời điểm cuối năm tài chính, trường hợp lập báo cáo tài chính giữa niên độ có sự biến động lớn về dự phòng thì có thể trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng về đầu tư chứng khoán tại ngày lập BCTC giữa niên độ.

**Dự phòng đầu tư dài hạn:**

Là khoản dự phòng do tổn thất đầu tư vào đơn vị khác do đơn vị được đầu tư bị lỗ và nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn từ khoản đầu tư này; Mức trích lập là giá trị khoản lỗ trên kết quả kinh của đơn vị nhận đầu tư tương đương với tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư tại thời điểm lập BCTC.

**Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:**

**Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Cuối kỳ kế toán các khoản phải thu có gốc ngoại tệ** được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho không bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường mà nó sẽ được trình bày ở khoản mục “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn”.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng; Không lập dự phòng cho khoản mục chi phí SXKD dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị

còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính, ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	tùy

thời gian sử dụng

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn. Việc phân bổ phải chọn phương thức hợp lý và nhất quán.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng

phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố



thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài

chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

#### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

# Financial report clarification

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1 TIỀN & CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
<b>Tiền</b>		
<b>Tiền mặt (TK 111)</b>	<b>5,408,335,545</b>	<b>4,371,667,770</b>
- Văn phòng TP.HCM	5,122,847,060	4,070,900,311
- Xí nghiệp Đồng Nai	22,029,004	24,679,419
- Xí nghiệp Hóc Môn	11,746,112	90,091,416
- Xí nghiệp Bình Lợi	4,688,481	116,785,518
- Xí nghiệp Bình Dương	151,064,616	54,709,958
- Xí nghiệp Lốp Radial	95,960,272	14,501,148
<b>Tiền gửi ngân hàng (TK 112)</b>	<b>147,526,011,936</b>	<b>58,208,939,785</b>
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>66,689,326,204</b>	<b>38,815,849,081</b>
Văn phòng TP.HCM	66,146,995,886	37,932,426,127
Trong đó:		
- Ngân hàng Công Thương - Sở Giao dịch II	346,007,256	10,572,881,656
- Ngân hàng Ngoại Thương - VND	32,740,242,744	18,710,185,339
- Ngân hàng BIDV - CN Bến Nghé	2,058,085,112	975,570,993
Xí nghiệp Đồng Nai	68,821,958	235,600,743
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Khu Công Nghiệp Biên Hòa	18,204,599	1,974,831
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa, Đồng Nai	901,594	1,163,514
- Ngân hàng Đông Á - CN Đồng Nai	3,511,810	232,462,398
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam -CN HCM	46,203,955	
Xí nghiệp Hóc Môn	23,044,803	91,083,442
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - PGD Quang Trung	23,044,803	91,083,442
Xí nghiệp Bình Lợi	204,552,569	82,595,470
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn	204,552,569	82,595,470
Xí nghiệp Bình Dương	104,765,717	167,801,051
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương	104,765,717	167,801,051
Xí nghiệp Lốp Radial	141,145,271	306,342,248
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương	141,145,271	306,342,248
<b>Tiền gửi ngoại tệ</b>	<b>80,836,685,732</b>	<b>19,393,090,704</b>
Văn phòng TP.HCM	80,836,685,732	19,393,090,704
Trong đó:		
Ngân hàng Ngoại Thương -USD	62,125,095,752	13,792,784,516
Ngân hàng Ngoại Thương -EUR	356,790,367	331,547,940
<b>Tổng cộng</b>	<b>152,934,347,481</b>	<b>62,580,607,555</b>

15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	Số cuối năm			Số đầu năm		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN)	9,650,345,815	6,250,492,667	(3,399,853,148)	9,650,345,815	6,250,492,667	(3,399,853,148)
<b>Tổng cộng</b>	<b>9,650,345,815</b>	<b>6,250,492,667</b>	<b>(3,399,853,148)</b>	<b>9,650,345,815</b>	<b>6,250,492,667</b>	<b>(3,399,853,148)</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VNĐ

<b>2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TK 131)</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
+ CST - Continental sime tyre	22,130,662,887	4,925,425,240
+ Công ty TNHH Cao Su PT		33,790,226,768
+ Công ty TNHH Lốp xe PT	60,316,252,286	33,335,626,142
+ TIRECO, INC	14,811,292,118	
+ THE JINYU TIRE ( HONG KONG ) CO.,LTD	39,943,121,543	43,365,964,675
+ Công Ty CP Hưng Hải Thịnh	57,430,411,905	37,671,725,020
+ Công Ty TNHH CAMSO Việt Nam	135,209,690,101	156,649,531,609
- Các khoản phải thu khách hàng khác:	276,988,537,338	366,115,184,103
<b>Cộng</b>	<b>606,829,968,178</b>	<b>677,152,809,991</b>

<b>3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
- Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
+ Công ty TNHH Đức Việt		55,772,221,565
+ R1 International Pte Ltd	7,611,023,168	7,656,305,552
+ Philips Carbon Black Ltd.	5,352,381,429	10,160,942,879
+ Sintex Chemical Corp.	8,402,667,840	
- Các khoản trả trước cho người bán khác:	46,029,713,288	41,747,070,521
<b>Cộng</b>	<b>67,395,785,725</b>	<b>115,055,020,617</b>

<b>PHẢI THU KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>4 Phải thu ngắn hạn khác</b>	54,070,845,076	28,154,082,669
- <b>Phải thu của người lao động (TK 141)</b>	183,750,642	201,870,642
+ Văn phòng TP.HCM	143,750,642	164,370,642
+ Xí nghiệp Hóc Môn	-	-
+ Xí nghiệp Bình Lợi	40,000,000	37,500,000
- <b>Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (TK 244)</b>	48,795,061	52,914,152
+ Văn phòng TP.HCM	29,795,061	29,795,061
+ Xí nghiệp Hóc Môn	6,000,000	6,000,000
+ Xí nghiệp Bình Lợi	13,000,000	17,119,091
- <b>Bảo hiểm xã hội (TK 3383)</b>	2,530,752,089	1,639,122,484
- <b>Bảo hiểm y tế (TK 3384)</b>	64,255,470	6,407,332
- <b>Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3386)</b>	42,951,759	
- <b>Phải thu khác (TK 1388)</b>	51,135,942,637	26,253,768,059
+ <b>Phải thu khác (TK 13881)</b>	50,861,523,800	25,913,706,493
- <b>Văn phòng TP.HCM</b>	50,700,442,267	25,754,164,020
Trong đó:		
+ Thuế VAT khấu trừ - dự án Radial	1,032,799,874	1,032,799,874
+ Khoản ứng trước cho Liên doanh Phillip Carbon	3,370,684,504	3,370,684,504
+ Phải thu tiền lãi cho vay của Cty Đức Việt	6,193,633,627	7,506,180,211
+ Phải thu tập đoàn Cienco 4	8,305,364,273	6,303,503,786

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**  
**PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VNĐ  
Số cuối năm Số đầu năm

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Phải thu Yinyu (tiền phí lưu cont, bảo hiểm)	1,965,376,960	3,930,753,920
+ Hợp đồng thuê thiết bị số 022019/HĐCTTB/CSM-HHT ngày 11/11/2019 và Hợp đồng thuê thiết bị số 032019/HĐCTTB/CSM-HHT ngày 11/11/2019 của Công ty CP Hưng Hải Thịnh	23,769,404,370	
- <i>Xí nghiệp Đồng Nai</i>	-	-
- <i>Xí nghiệp Bình Dương</i>	57,640,624	56,101,564
- <i>Xí nghiệp Radial</i>	103,440,909	103,440,909
+ Phải thu chi phí thí nghiệm xí nghiệp (TK 13882)	274,418,837	340,061,566
- Phải trả, phải nộp khác (TK 33889)	64,397,418	-
<b>10 Phải thu dài hạn khác</b>	<b>10,747,221,950</b>	<b>12,347,753,230</b>
- Ký cược, ký quỹ (TK 2442) - Văn phòng TP.HCM	10,747,221,950	12,347,753,230
<b>Cộng (4) + (10)</b>	<b>64,818,067,026</b>	<b>40,501,835,899</b>

**5. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá Gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (TK 2293)</b>				
<b>- Tổng giá trị nợ xấu</b>				
Chi tiết số dư như sau:				
+ Công ty TNHH PNP VN - BHNĐ (TK 131)	(65,000,051)		(65,000,051)	
+ Công ty TNHH Hồng Phúc - BHXK (TK 131)	(78,488,575)		(78,488,575)	
+ Công ty Todimax - BHXK (TK 131)	(90,100,000)		(90,100,000)	
+ Đức Phương - BHNĐ (TK 131)	(289,067,137)		(289,067,137)	
+ Hoàng Lê Bình (TK 141)	(135,590,000)			
+ Cty LD TOYO - TOKYO - Tân Bình (TK 131)	(5,852,000)		(5,852,000)	
+ Cty CP XD Số 4 Thăng Long - Tân Bình (TK 131)	(22,556,000)		(22,556,000)	
+ Công ty CP Tập Đoàn Quốc tế AFC (ND3038) (TK 331)	(47,995,489)			
+ CN Việt Lào Tổng Cty XD MT - Tân Bình (TK 131)	(11,915,976)		(11,915,976)	
+ KIEMDE ABRAIMA - BHXK (TK 131)	(46,520,866)		(46,520,866)	
+ Công nợ Kim Dao (TK 13881)	(35,742,000)		(35,742,000)	
+ Cty TNHH Lê Lợi (TK 131)			(56,000,000)	
+ Cty TNHH TBYT Hóa Chất (TK 131)	(73,920,835)		(73,920,835)	
+ BV Đa Khoa Huyện Đồng Phú (TK 131)	(7,767,900)		(7,767,900)	
+ Văng Thị Kim Liêng (TK 131)	(1,318,152,045)		(1,318,152,045)	
+ Cty CP Việt Nam Motors Cần Thơ (TK 131)	(1,793,155,140)		(1,592,500,140)	
+ AL SEDEEK CYCLE CO.,LTD (TK 131)	(386,133,204)		(386,133,204)	
+ VIXAY CHALEUN EXPORT - IMPORT TRADING & ARGO PROMOTION CO.,LTD (TK 131)	(2,553,514,248)		(2,553,514,248)	
+ Cty CP Thương Mại Vượng Nga (TK 131)	(866,612,235)		(866,612,235)	
+ Cty CP XD Vận Tải Hoàng Ngân - 282004 (TK 131) (*)	(162,654,536)		(162,654,536)	
+ Trương Thị Năm (TK 131) (**)	(5,004,680)		(5,004,680)	
+ Cty TNHH TM DV và SX Minh Đạt (TK 131 XN Hóc Môn)	(472,563,143)		(472,563,143)	
+ Cty CP Sài Gòn Chấn Phát (TK 131)	(359,539,127)		(251,677,389)	
+ Trương Thị Năm - 740001 (TK 131) (**)	(5,004,679)		(5,004,679)	
+ Cty TNHH Metro Cash & Carry VN (TK 131)	(135,332,276)		(135,332,276)	
+ Cty CP XD Vận tải Hoàng Ngân (TK 131) (*)	(69,709,087)		(69,709,087)	

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VNĐ

5. NỢ XẤU	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá Gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Công ty TNHH Nghĩa Hiếu (244010) (TK 131)	(266,841,575)		(266,841,575)	
+ Công ty TNHH Hữu Huỳnh An (244002) (TK 131)			(102,153,432)	
+ Công ty TNHH Thương Mại Ngân Trang (244011) (TK 131)	(8,880,477)		(8,880,477)	
+ CTY CP Việt An (060160) (TK 131)	(117,745,700)		(117,745,700)	
+ Bv Đa Khoa Huyện Châu Thành (060319) (TK 131)	(39,085,200)		(39,085,200)	
+ CTY TNHH DP Trảng An (060343) (TK 131)	(9,696,250)		(9,696,250)	
+ Cty TNHH Dược Phẩm Bình Trang (060386) (TK 131)	(37,296,000)		(37,296,000)	
+ CTY TNHH TBYT Công Nghệ Mới (060390) (TK 131)	(42,780,000)		(42,780,000)	
+ CTY CP XNK Bình Minh (060577) (TK 131)	(19,768,000)		(19,768,000)	
+ Bệnh viện Đa Khoa Hòn Đất (060668) (TK 131)	(32,797,800)		(32,797,800)	
+ Cty CP XNK Đức Huy (060672) (TK 131)	(19,110,000)		(19,110,000)	
+ Trung Tâm Phòng Chống Bệnh Xã Hội Kiên Giang. (060692) (TK 131)	(6,904,800)		(6,904,800)	
+ Bệnh Viện Quận 5 (060715) (TK 131)	(13,408,500)		(13,408,500)	
+ Cty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Nhật Tân (060754) (TK 131)	(4,334,400)		(4,334,400)	
+ Bệnh Viện Đa Khoa Trung Tâm An Giang (060760) (TK 131)			(55,112,400)	
+ Công Ty CP Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA (060766) (TK 131)			(231,840,000)	
+ Công Ty TNHH MTV TMDV Trang Thiết Bị Y Tế PT (060768) (TK 131)	(9,020,000)		(9,020,000)	
+ Công ty TNHH MTV TM và DV Nguyễn Tâm Phát (060770) (TK 131)			(1,804,000)	
+ M/S TYRE LINK (XK0039) (TK 131)	(173,538,919)		(123,956,371)	
+ YBA COMPANY LIMITED (XK0131) (TK 131)	(23,637,250)		(16,546,075)	
+ PHONPHROMKARNKA CO.,LTD (XK0149) (TK 131)	(5,147,222,730)			
+ Công ty TNHH Đầu tư TM Nam Tiến (246027) (TK 131)	(155,496,344)			
+ Hộ Kinh Doanh Phạm Trung Đông (246033) (TK 131)	(402,613,747)			
+ Công ty CP Cao su Bến Thành (VT0006) (TK 131)	(9,322,500)			
+ Công ty TNHH TM&DV Bảo Linh (VT0020) (TK 131)	(67,835,640)			
+ Công ty TNHH CYN (VT0116) (TK 131)	(27,005,000)			
+ Công ty TNHH Yong Jin Vina (VT0120) (TK 131)	(3,434,200)			
+ Chi nhánh Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam tại Bắc Ninh (VT0121) (TK 131)	(202,902,480)			
+ Công ty TNHH Hyosung Việt Nam (VT0126) (TK 131)	(2,402,861)			
+ Bệnh Viện Chợ Rẫy (060014) (TK 131)	(53,339,391)			
+ Công ty TNHH Đại Hưng Phát (060127) (TK 131)	(3,795,000)			
+ Bệnh Viện Ung Bướu (060205) (TK 131)	(74,928,000)			
+ Bệnh Viện bệnh Nhiệt Đới (060207) (TK 131)	(573,300)			
+ Bệnh Viện Quận 1 (060375) (TK 131)	(24,619,140)			
+ Công ty CP ĐT & TM Linh Sơn (060542) (TK 131)	(9,158,625)			
+ Công ty TNHH MTV Vĩnh Nguyên (060546) (TK 131)	(182,365,000)			
+ Công ty TNHH TM Băng Keo Đào Duy Khang (060618) (TK131)	(7,150,000)			
+ Công ty TNHH TMDV Đình Việt (060659) (TK 131)	(16,537,500)			
+ Công ty TNHH Kinh Doanh TMDV Song Nguyên (060743) (TK 131)	(19,800,000)			
+ US. TIREX, INC (XK0173) (TK 131)	(4,452,713,549)			
+ Jiangyin Changxin Industrial Co.,Ltd (NKASIA0015) (TK 331)	(1,782,693,731)			
+ NEXEN CORPORATION (NKASIA0167) (TK 331)	(378,060,784)			
+ Auto Tyre Concepts (NKASIA0178) (TK 331)	(29,187,500)			

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

5. NỢ XẤU	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Gia trị cơ thể thu hồi	Giá Gốc	Gia trị cơ thể thu hồi
+ Zhejiang Rongsheng Machinery Changzhou Co.,Ltd (NKASIA0221) (TK 331)	(291,875,000)			
+ Lanxess Deutschland Gmbh (đức) (NKEURO0006) (TK 331)	(1,032,530,513)			
+ Cty CP Tư vấn DV về tài sản bất động sản DATC - CN TP.HCM (ND1047) (TK 331)	(30,000,000)			
+ Cty TNHH TM-DV Quảng cáo Khánh Ngân (ND1656) (TK331)	(3,575,000)			
+ Công Ty TNHH Nguyễn Đức Duy (ND0524) (TK 331)	(226,840,000)			
+ Cty CP Xây Dựng Á Đông (ND0996) (TK 331)	(81,400,000)			
+ Văn Phòng Luật Sư Chân Thiện Mỹ (ND1698) (TK 331)	(70,000,000)			
+ Cty TNHH Tư Vấn Kinh Doanh Thông Minh (ND1976) (TK331)	(110,000,000)			
+ Công Ty TNHH Manglobe Thành Phố Hồ Chí Minh (ND2133) (TK 331)	(525,361,018)			
+ Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá Và Dịch Vụ Tài Chính Sài Gòn (ND2134) (TK 331)	(20,000,000)			
+ Công Ty TNHH Lốp Xe PT (220091) (TK 131)	(16,000,000,000)			
<b>Cộng</b>	<b>(41,307,474,654)</b>		<b>(9,760,869,982)</b>	

6. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (TK 152)	792,770,142,019		755,512,270,920	
+ Văn phòng TP.HCM	212,862,290,772		161,627,817,817	
+ Xí nghiệp Đồng Nai	10,141,412,162		17,278,412,012	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	13,458,339,962		18,418,699,759	
+ Xí nghiệp Bình Lợi	10,875,482,591		12,286,102,906	
+ Xí nghiệp Bình Dương	274,891,087,814		284,679,995,604	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	270,541,528,718		261,221,242,822	
- Công cụ, dụng cụ (TK 153)	11,263,903,915		11,458,024,048	
+ Văn phòng TP.HCM	1,548,553,424		1,305,306,506	
+ Xí nghiệp Đồng Nai	1,974,545,570		1,896,226,878	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	2,670,581,621		2,708,710,163	
+ Xí nghiệp Bình Lợi	876,800,155		651,794,468	
+ Xí nghiệp Bình Dương	262,044,215		341,545,477	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	3,931,378,930		4,554,440,556	
- Thành phẩm (TK 155)	530,336,309,194		449,842,981,163	
+ Văn phòng TP.HCM	112,712,996,101		80,375,993,203	
+ Xí nghiệp Đồng Nai	89,294,016,655		58,129,054,490	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	100,331,428,883		74,735,034,574	
+ Xí nghiệp Bình Lợi	30,196,709,762		64,314,374,468	
+ Xí nghiệp Bình Dương	9,108,389,044		3,250,656,501	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	188,692,768,749		169,037,867,927	
- Hàng hóa (TK 156)	1,707,066,783		7,325,209,237	
+ Văn phòng TP.HCM	1,385,778,098		5,781,412,362	
+ Xí nghiệp Đồng Nai	12,120,000		86,240,000	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	97,086,210		838,452,432	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	212,082,475		619,104,443	
<b>Cộng</b>	<b>1,336,077,421,911</b>		<b>1,224,138,485,368</b>	

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng hóa ghi sổ hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không có.
- Giá trị hàng hóa tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả vào thời điểm cuối kỳ: không có.
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

<b>14. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>14.1 - Mua sắm TSCĐ (TK 2411)</b>	<b>1,209,689,936</b>	<b>828,404,001</b>
+ Văn phòng TP.HCM	1,209,689,936	-
+ Xí nghiệp Lốp Radial	-	828,404,001
- Máy cân bằng bán thép số 2		473,800,000
- Máy đâm thủng		221,684,000
- Băng tải sau lưu hóa		132,920,000
<b>14.2 - Xây dựng cơ bản (TK 2412)</b>	<b>3,328,335,307</b>	<b>6,503,475,786</b>
+ Văn phòng TP.HCM	3,328,335,307	4,800,966,701
- Công trình nhà văn phòng 180 NTMK Q.3		
- Các công trình khác (Phòng cơ năng tự thực hiện)	3,328,335,307	4,800,966,701
+ Xí nghiệp Đồng Nai	-	166,730,000
- Máy cán mặt lớp 4 trục 220x660 (02ML2)	-	166,730,000
+ Xí nghiệp Hóc Môn	-	1,519,179,085
- LH 6T - LXM		42,261,247
- HT hút bụi xăm ô tô		117,642,681
- Lốp xe đạp - CNN		30,700,000
- Ép suất L1		156,231,960
- Săm butyl		4,100,000
- Lưu hóa lớp GM 6 tầng số 7		142,514,692
- Lưu hóa lớp GM 6 tầng số 8		128,858,121
- Lưu hóa lớp GM 6 tầng số 16		140,423,692
- Lưu hóa lớp GM 6 tầng số 10		136,506,692
- Cán mặt lớp 5 trục Φ200		88,000,000
- Máy thành hình số 14		113,300,000
- Máy thành hình số 8		41,000,000
- Máy in mã vạch Zebara		105,410,000
- Xưởng săm ô tô		272,230,000
+ Xí nghiệp Bình Dương	-	16,600,000
- Lắp máy vi tính	-	16,600,000
+ Xí nghiệp Lốp Radial	-	-
<b>14.3 - Sửa chữa lớn TSCĐ</b>	<b>83,445,000</b>	<b>10,764,301,334</b>
+ Xí nghiệp Bình Dương	-	531,591,050
- Máy LK270A4		182,400,000
- Máy LH2B2		33,000,000
- Máy LH2B1		33,000,000
- Máy LKA3		197,791,050
- Cân Cao su A1		42,700,000
- BT cao su A3		42,700,000
+ Xí nghiệp Lốp Radial	83,445,000	10,232,710,284
- Máy Innerliner Bias		2,191,613,372
- Máy luyện hỡ 440 bán thép		232,401,100
- Máy luyện kín F404		212,155,454
- Dây chuyền làm tanh		185,000,000

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VNĐ

<b>14. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Máy thành hình toàn thép số 1A		398,381,000
- Máy cán tráng		280,630,000
- Máy cắt góc nhỏ 15-70 (FISCHER)		416,650,000
- Dự án Barcode máy F404		99,220,000
- Hệ thống cân than dầu tự động, cân hóa chất		190,892,650
- Máy TH toàn thép số 4		763,070,200
<b>- Sửa chữa lớn TSCĐ</b>		
- Máy vòng tanh toàn thép		153,945,485
- Dây chuyền ép suất mặt lớp		355,024,721
- Máy lưu hóa 51		537,208,459
- Máy luyện kín F404		191,490,000
- Cung cấp và lắp đặt tủ điện tách ẩm khu thành hình		898,220,000
- Máy sửa hồng lớp		584,700,000
- Máy thành hình 3 trống số 4		206,529,268
- Cung cấp, lắp đặt, lập trình hệ thống BMS trạm khí nén		130,840,000
- Cải tạo bơm nước nóng, bồn chứa nước cao áp, ống hơi chính		202,984,000
- SCL Thiết bị thông gió, hút bụi, điều hòa và làm lạnh nước tuần hoàn		133,900,000
- Sửa chữa nhà sản xuất chính (neo tường bị nghiêng)		95,550,000
- Sửa chữa nhà hỗn luyện caosu và kho nguyên liệu (đục nền, khoan lỗ...) - Móng máy luyện hồ		69,060,000
- SCL máy thành hình toàn thép số 2B		216,127,000
- SCL máy lưu hóa		107,844,000
- SCL Mặt lớp		240,746,000
- SCL Thiết bị nước quá nhiệt động lực		72,422,000
- SCL Tháp máy nén khí 1200 RT và tháp 1000RT		458,538,000
- SCL Thiết bị thông gió, hút bụi, điều hòa và làm lạnh nước tuần hoàn. ( Bảo trì water Chiller)		111,260,000
- SCL- Luyện kín F305		226,682,575
- SCL Cán tráng		54,519,000
- Hệ thống chiếu sáng nhà xưởng		133,820,000
- SCL Thiết bị thông gió, hút bụi, điều hòa và làm lạnh nước tuần hoàn		81,286,000
- Bảo trì chiller trạm lạnh	83,445,000	
<b>Cộng (14.1)+(14.2)+(14.3)</b>	<b>4,621,470,243</b>	<b>18,096,181,121</b>



## Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TK 211)**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I Nguyên giá</b>						
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>934,818,217,626</b>	<b>1,900,393,080,617</b>	<b>40,352,990,298</b>	<b>5,444,870,684</b>		<b>2,881,009,159,225</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>	<b>1,813,811,572</b>	<b>84,379,746,870</b>	<b>326,000,000</b>	-		<b>86,519,558,442</b>
- Mua trong năm	1,813,811,572	57,267,762,392	326,000,000			59,407,573,964
- Đầu tư XDCB hoàn thành		3,648,293,601				3,648,293,601
- Tăng khác		29,119,500				29,119,500
- Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		23,434,571,377				23,434,571,377
<b>3 Số giảm trong năm</b>	<b>209,523,810</b>	<b>11,521,060,310</b>	-	-		<b>11,730,584,120</b>
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán	209,523,810	11,496,810,310				11,706,334,120
- Giảm khác		24,250,000				24,250,000
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>936,422,505,388</b>	<b>1,973,251,767,177</b>	<b>40,678,990,298</b>	<b>5,444,870,684</b>		<b>2,955,798,133,547</b>
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>406,659,464,728</b>	<b>1,103,174,883,706</b>	<b>33,428,477,301</b>	<b>5,444,870,684</b>		<b>1,548,707,696,419</b>
<b>2 Khấu hao trong năm</b>	<b>46,592,883,226</b>	<b>148,989,351,312</b>	<b>3,025,564,174</b>	-		<b>198,607,798,712</b>
- Khấu hao trong năm	46,592,883,226	143,330,391,067	3,025,564,174			192,948,838,467
- Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		5,658,960,245				5,658,960,245
<b>3 Giảm trong năm</b>	<b>209,523,810</b>	<b>11,596,698,554</b>	-	-		<b>11,806,222,364</b>
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán	209,523,810	11,496,810,310				11,706,334,120
- Giảm khác		99,888,244				99,888,244
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>453,042,824,144</b>	<b>1,240,567,536,464</b>	<b>36,454,041,475</b>	<b>5,444,870,684</b>		<b>1,735,509,272,767</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>						
<b>1 Tại ngày đầu năm</b>	<b>528,158,752,898</b>	<b>797,218,196,911</b>	<b>6,924,512,997</b>	-		<b>1,332,301,462,806</b>
<b>2 Tại ngày cuối năm</b>	<b>483,379,681,244</b>	<b>732,684,230,713</b>	<b>4,224,948,823</b>	-		<b>1,220,288,860,780</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.830.472.847 VNĐ (Máy ép khuôn màng hơi SCIB-25.0-1.500 (máy ép tim)- XN Bình Dương)

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 627.850.875.026 VNĐ

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VNĐ

## Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH (TK 212)**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tbj dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
<b>I Nguyên giá</b>							
<b>1 Số dư đầu năm</b>		<b>180,524,951,696</b>					<b>180,524,951,696</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>		<b>41,127,114,908</b>					<b>41,127,114,908</b>
- Thuê tài chính trong năm		41,127,114,908					41,127,114,908
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							-
- Tăng khác							-
<b>3 Số giảm trong năm</b>		<b>23,306,928,377</b>					<b>23,306,928,377</b>
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							-
- Giảm khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		23,306,928,377					23,306,928,377
<b>4. Số dư cuối năm</b>		<b>198,345,138,227</b>					<b>198,345,138,227</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<b>1. Số dư đầu năm</b>		<b>29,588,525,556</b>					<b>29,588,525,556</b>
<b>2. Khấu hao trong năm</b>		<b>14,846,417,001</b>					<b>14,846,417,001</b>
- Khấu hao trong năm		14,846,417,001					14,846,417,001
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							-
- Tăng khác							-
<b>3. Giảm trong năm</b>		<b>5,559,072,001</b>					<b>5,559,072,001</b>
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							-
- Giảm khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		5,559,072,001					5,559,072,001
<b>4. Số dư cuối năm</b>		<b>38,875,870,556</b>					<b>38,875,870,556</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>		<b>150,936,426,140</b>					<b>150,936,426,140</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>		<b>159,469,267,671</b>					<b>159,469,267,671</b>

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TK 213)**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>I Nguyên giá</b>						
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>104,369,083,467</b>			<b>3,896,214,155</b>	<b>6,635,742,094</b>	<b>114,901,039,716</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>						
- Mua trong năm						
<b>3 Số giảm trong năm</b>						
- Thanh lý, nhượng bán						
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>104,369,083,467</b>			<b>3,896,214,155</b>	<b>6,635,742,094</b>	<b>114,901,039,716</b>
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>13,069,052,988</b>			<b>1,850,079,258</b>	<b>6,635,742,094</b>	<b>21,554,874,340</b>
<b>2 Khấu hao trong năm</b>	<b>2,199,448,406</b>			<b>195,529,167</b>		<b>2,394,977,573</b>
- Khấu hao trong năm	2,199,448,406			195,529,167		2,394,977,573
- Tăng khác						
<b>3 Giảm trong năm</b>						
- Thanh lý nhượng bán						
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>15,268,501,394</b>			<b>2,045,608,425</b>	<b>6,635,742,094</b>	<b>23,949,851,913</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>						
<b>1 Tại ngày đầu năm</b>	<b>91,300,030,479</b>			<b>2,046,134,897</b>		<b>93,346,165,376</b>
<b>2 Tại ngày cuối năm</b>	<b>89,100,582,073</b>			<b>1,850,605,730</b>		<b>90,951,187,803</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VNĐ

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 86.479.242.379 VNĐ

Trong đó:

+ Quyền sử dụng đất Bình Dương : 6.296.973.795 VNĐ

+ Quyền sử dụng đất Bình Dương : 80.182.268.584 VNĐ

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.185.007.249 VNĐ

Trong đó:

+ Nguyên giá TSCĐ vô hình khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 6.635.742.094 VNĐ

+ Nguyên giá TSCĐ vô hình phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 1.549.265.155 VNĐ

<b>CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TK 242)</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>7</b>	<b>Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 2421)</b>	<b>1,985,368,571</b>	<b>18,662,940,553</b>
	+ Xí nghiệp Học Môn	181,541,618	145,982,265
	- Phí bảo hiểm tài sản	181,541,618	145,982,265
	+ Xí nghiệp Bình Dương	331,397,889	659,182,643
	- Phí bảo hiểm tài sản	253,029,631	216,259,938
	- Sửa chữa khuôn	0	64,000,000
	- Xử lý bán thành phẩm	78,368,258	378,922,705
	+ Xí nghiệp Lốp Radial	1,472,429,064	17,857,775,645
	- Chi phí bảo hiểm rủi ro cháy nổ	1,472,429,064	1,274,113,300
	- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		16,583,662,345
<b>16</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn (TK 2422)</b>	<b>65,059,331,150</b>	<b>30,393,435,657</b>
	+ Văn phòng TP.HCM	26,914,468,878	4,368,189,895
	- Chi phí dịch vụ pháp lý đất Học Môn		63,852,813
	- Chi phí mua bản quyền CNTT (Cty MSP)	600	312,533,800
	- Chi phí phụ tùng đi kèm máy lý trình AW-TT-2A-PCR & AW-TT-1A-TB		
	- Chi phí đào tạo nhân viên	4,156,193,007	
	- Chi phí bán hàng chờ phân bổ	1,457,918,177	
	- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	12,428,298,691	
	- Chi phí công nghệ thông tin	8,872,058,403	
	- Chi phí sửa chữa nhà văn phòng 146 Nguyễn Biểu		3,481,803,282
	- Công trình nhà văn phòng 180 NTMK, P8, Q3		510,000,000
	- Chi phí quảng cáo trong chiếc xe Bus của Cty Vinabusline	4,584,987,507	4,602,814,000
	+ Xí nghiệp Đồng Nai	4,584,987,507	4,602,814,000
	- Chi phí khuôn		
	- Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất	6,058,108,636	7,626,119,305
	+ Xí nghiệp Học Môn	6,058,108,636	7,626,119,305
	- Chi phí khuôn	2,987,956,758	3,235,446,009
	+ Xí nghiệp Bình Lợi	71,558,928	71,343,051
	- Chi phí bảo hiểm	377,833,332	518,725,490
	- Chi phí khuôn	621,000,000	1,002,833,332
	- Chi phí khuôn mới năm nay	1,831,326,250	1,580,418,302
	- Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất	86,238,248	62,125,834
	- Kiểm định	2,499,968,723	840,145,838
	+ Xí nghiệp Bình Dương	2,499,968,723	840,145,838
	- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	22,013,840,648	9,720,720,610
	+ Xí nghiệp Lốp Radial	21,214,873,097	8,740,388,609
	- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (khuôn lốp)	515,834,037	977,086,326
	- Pallet sắt	281,742,510	
	- Sửa chữa nhà xưởng	1,391,004	3,245,675
	- Tra cứu phần mềm thư viện pháp luật trực tuyến		
<b>Cộng (7) + (16)</b>		<b>67,044,699,721</b>	<b>49,056,376,210</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**VAY & NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	(1)=(5)+(3)-(4)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>24 Vay ngắn hạn</b>	<b>1,674,547,759,124</b>	<b>1,674,547,759,124</b>	<b>3,577,876,692,385</b>	<b>3,602,419,640,928</b>	<b>1,699,090,707,667</b>	<b>1,699,090,707,667</b>
- Vay ngân hàng (TK 34111)	1,674,547,748,546	1,674,547,748,546	3,573,585,572,321	3,569,813,193,840	1,670,775,370,065	1,670,775,370,065
+ Số đã vay ngân hàng:			3,571,651,625,674			
+ Số đã trả ngân hàng:				3,569,813,193,840		
+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :			1,933,946,647			
<i>Trong đó:</i>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng số 0192/KHDN1/2017NH-DH ngày 20/09/2017 và Phụ lục số 04 ngày 22/10/2019; đến 31/12/2020 hiện còn vay: 277.114.879.476 VND và 14.519.375,7 USD (tương đương: 337.067.306.876 VND); lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/93733/HĐTĐ ngày 30/11/2020, đến 31/12/2020 hiện còn vay 161.830.278.243 VND ; lãi suất cho vay được áp dụng theo biểu lãi suất theo chính sách của Ngân hàng từng thời kỳ.						
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN TP.HCM - Hợp đồng cấp tín dụng số 27457.20.101.679679.TD ngày 24/06/2020, đến 31/12/2020 hiện còn vay 242.512.015.684 VND; lãi suất cho vay áp dụng đối với các khoản tín theo hình thức cho vay.						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đông Sài Gòn - Hợp đồng cho vay hạn mức số 16/2020-HĐCVHM-NHCT946-CASUMINA ngày 19/02/2020, đến ngày 31/12/2020 hiện còn vay 343.455.949.666 VND; lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, được xác định vào Ngày giải ngân và được điều chỉnh vào ngày hai mươi lăm (25) của tháng cuối cùng của Thời hạn điều chỉnh Lãi suất hoặc ngày làm việc liền kề trước nếu ngày hai mươi lăm (25) đó không phải là Ngày làm việc ("Ngày xác định lãi suất")						
- Nợ dài hạn đến hạn trả (TK 34113)	10,578	10,578	4,291,120,064	32,606,447,088	28,315,337,602	28,315,337,602
<b>27 Vay dài hạn</b>	<b>345,328,605,172</b>	<b>345,328,605,172</b>	<b>83,730,924,294</b>	<b>142,181,280,828</b>	<b>403,852,577,966</b>	<b>403,852,577,966</b>
- Vay ngân hàng (TK 34112-TK 341122)	111,216,000,000	111,216,000,000	8,227,163,234	79,850,163,234	182,889,000,000	182,889,000,000
+ Số đã vay			7,974,163,234			
+ Số đã trả ngân hàng:				79,850,163,234		
+ Chênh lệch tỷ giá trong kỳ:				50,000,000		
+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :			253,000,000			
<i>Trong đó:</i>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng số 0019/ĐTDA/11CD, ngày 29/7/2011 ; đến 31/12/2020, hiện còn vay: 55.500.000.000 VND và 2.400.000 USD (tương đương: 55.716.000.000 VND).Lãi suất đối với khoản vay bằng Đồng; bằng lãi tiền gửi được áp dụng đối với khoản tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng của cá nhân có thời hạn 12 tháng (với khoản lãi được thanh toán cuối kỳ) do Ngân hàng Đầu Mối thông báo vào Ngày Xác định Lãi Suất cộng 3,6%/năm. Lãi suất đối với khoản vay bằng Đô La Mỹ; bằng lãi tiền gửi được áp dụng đối với khoản tiền gửi tiết kiệm bằng Đô La Mỹ của cá nhân có thời hạn 6 tháng (với khoản lãi được thanh toán cuối kỳ) do Ngân hàng Đầu Mối thông báo vào Ngày Xác định Lãi Suất cộng 2,8%/năm						
- Vay vốn CBCNV (TK 341127)	56,053,797,848	56,053,797,848	28,319,878,764	23,324,330,916	51,058,250,000	51,058,250,000
- Vay ngân hàng dự án Radial bán thép và Tổng kho trung tâm Bình Dương (TK 341129)	96,580,730,630	96,580,730,630	1,303,980,770	19,994,157,880	115,294,524,000	115,294,524,000
+ Số đã vay ngân hàng:						
+ Số đã trả ngân hàng:				18,770,142,340		
+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá trong kỳ :			15,777,160	39,393,420		
+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :			1,303,980,770	1,224,015,540		
<i>Trong đó:</i>						
- Vay cho dự án Radial bán thép: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số: 0113/KHDN1/16DH, ngày 20/6/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 0001-0113/KHDN1/16DH; đến 31/12/2019 hiện còn vay: 9.743.934.956 VND và 2.555.322 USD (tương đương: 59.321.800.230 VND); lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 6,9%/năm.						
- Vay cho dự án "Xây dựng Công trình Tổng kho Trung tâm tại Xí nghiệp Cao su Bình Dương": Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số: 01/ĐAĐT-0192/KHDN1/17NH-DH, ngày 20/9/2017; đến 31/12/2020 hiện còn vay: 27.514.995.444 VND; lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại từng giấy nhận nợ.						
- Nợ thuê tài chính (TK 3412)	81,478,076,694	81,478,076,694	45,879,901,526	19,012,628,798	54,610,803,966	54,610,803,966
<b>Cộng (24) + (27)</b>	<b>2,019,876,364,296</b>	<b>2,019,876,364,296</b>	<b>3,661,607,616,679</b>	<b>3,744,600,921,756</b>	<b>2,102,943,285,633</b>	<b>2,102,943,285,633</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	Năm 2020		Năm 2019		
		Trả tiền lãi thuê	Trả tiền nợ gốc	Trả tiền lãi thuê	Trả tiền nợ gốc	
Trên 1 năm đến 5 năm	49,824,061,637	7,065,738,169	42,758,323,468	44,990,624,428	9,223,777,006	35,766,847,422
- HĐ 2016-00056-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	0			436,052,168	12,231,972	423,820,196
- HĐ 2016-00090-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	429,326,321	3,464,739	425,861,582	5,814,912,797	278,712,218	5,536,200,579
- HĐ 2017-00022-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	727,908,726	13,612,193	714,296,533	1,837,911,365	123,599,657	1,714,311,708
- HĐ 55.17.01/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)	1,376,538,529	206,412,517	1,170,126,012	4,484,511,579	748,840,227	3,735,671,352
- HĐ 90.17.04/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)	4,113,820,219	378,148,867	3,735,671,352	3,599,550,540	676,453,176	2,923,097,364
- HĐ 90.17.05/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)	3,309,226,073	386,128,709	2,923,097,364	8,774,998,312	2,297,308,828	6,477,689,484
- HĐ 2017-00272-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	8,086,288,116	1,608,598,632	6,477,689,484	3,037,785,765	659,387,535	2,378,398,230
- HĐ 2018-00058-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	2,634,458,822	439,014,302	2,195,444,520	3,367,735,793	778,157,193	2,589,578,600
- HĐ 90.18.05/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)	2,673,133,068	481,580,924	2,191,552,144	12,093,040,139	3,428,297,843	8,664,742,296
- HĐ 2019-00031-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	11,448,131,709	2,783,389,413	8,664,742,296	1,544,125,970	220,788,357	1,323,337,613
- HĐ 57/2020/CN.MN-CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)	15,025,230,054	765,387,873	14,259,842,181			

**18. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả cho người bán ngắn hạn:</b>				
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả				
- Cty CP Dệt Vải CN Hà Nội	13,336,789,092	13,336,789,092	34,528,715,721	34,528,715,721
- Công ty TNHH Đức Việt	30,885,252,774	30,885,252,774		
- Cty TNHH Hyosung Việt Nam	14,400,960,934	14,400,960,934	26,304,690,715	26,304,690,715
- Cty TNHH Formosa Taffeta Đồng Nai	2,490,806,332	2,490,806,332	10,059,711,274	10,059,711,274
- Phải trả các đối tượng khác	177,930,016,821	177,930,016,821	200,180,253,992	200,180,253,992
<b>Cộng</b>	<b>239,043,825,953</b>	<b>239,043,825,953</b>	<b>261,013,660,428</b>	<b>261,013,660,428</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	1,006,679,267	1,006,679,267	2,029,272,499	2,029,272,499

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TK 131)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số người mua trả tiền trước		
- CAMOPLAST SOLIDEAL	2,470,637,773	2,470,637,773
- TIRECO, INC		4,842,675,521
- POP INTER VALVE PATCH CO.,LTD	985,289,966	2,066,285,900
- Gupta Tyres Private Ltd	511,527,252	2,441,380,530
- HELIOS TIRE DISTRIBUTION INC.	5,840,394,040	
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	13,334,108,696	9,087,531,657
<b>Cộng</b>	<b>23,141,957,727</b>	<b>20,908,511,381</b>

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)+(3)
<b>20 Phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra		300,702,151,447	300,539,831,329	162,320,118
+ Phát sinh thuế đầu ra		300,702,151,447		
+ Đã khấu trừ			300,539,831,329	
- Thuế giá trị gia tăng hàng NK (TK 33312)	-	116,256,929,187	116,256,929,187	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)	7,552,885,380	22,912,789,226	24,809,849,812	5,655,824,794
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	3,609,445,328	3,781,571,757	4,095,959,695	3,295,057,390
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)	-	-	-	-
- Các loại thuế khác (TK 33382)	108,956,148	2,000,000	5,000,000	105,956,148
<b>Cộng</b>	<b>11,271,286,856</b>	<b>744,357,593,064</b>	<b>746,247,401,352</b>	<b>9,219,158,450</b>

*Ghi chú:* Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

**8 Thuế GTGT được khấu trừ**

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	57,110,078,811	369,978,102,931	350,157,391,003	76,930,790,739
+ Thuế GTGT đầu vào khấu trừ thuế GTGT đầu ra			300,539,831,329	
+ Điều chỉnh		0	5,656,422,174	
+ Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ phát sinh trong năm		369,978,102,931		
+ Hoàn thuế			43,961,137,500	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	(1,284,929,432)	68,784,301,333	70,097,461,268	28,230,503
+ Phát sinh thuế đầu ra		68,784,301,333		
+ Đã nộp thuế			17,923,854,552	
+ Đã khấu trừ			52,173,606,716	
<b>Cộng:</b>	<b>55,825,149,379</b>	<b>438,762,404,264</b>	<b>420,254,852,271</b>	<b>76,959,021,242</b>

*Ghi chú:* Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

**9 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

- Thuế xuất nhập khẩu	248,949,304	3,935,614,130	4,193,718,290	507,053,464
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	51,078,012	175,080,002	204,594,749	80,592,759
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)	38,000,842	15,117,972,662	15,117,972,662	38,000,842
- Các loại thuế khác (TK 33381)	72,400,000			72,400,000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10,889,857	1,457,918,177	1,460,900,809	13,872,489
<b>Cộng</b>	<b>370,240,003</b>	<b>20,686,584,971</b>	<b>20,977,186,510</b>	<b>711,919,554</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm (1)	Số phải nộp trong năm (2)	Đã nộp trong năm (3)	Số cuối năm (4)=(1)+(2)+(3)
<b>21 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>				
- Văn phòng TP.HCM		63,114,033,798		44,852,631,954
- Xí nghiệp Đồng Nai		3,308,272,328		3,424,665,546
- Xí nghiệp Hóc Môn		4,797,079,918		2,051,054,346
- Xí nghiệp Bình Lợi		1,349,380,160		1,224,776,560
- Xí nghiệp Bình Dương		2,331,571,507		2,087,710,311
- Xí nghiệp Lốp Radial		7,713,405,119		6,555,889,570
<b>Cộng</b>		<b>82,613,742,830</b>		<b>60,196,728,287</b>

*Ghi chú:* Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

<b>22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Chi phí phải trả ngắn hạn:</b>		
Văn phòng TP.HCM	95,739,435,829	54,187,236,069
+ Chi phí chiết khấu thường xuyên - găng tay	109,501,224	143,468,408
+ Chi phí vận chuyển sản phẩm nội địa	6,000,000,000	5,000,000,000
+ Chi phí trích trước	190,609,311	
+ Thường doanh số cuối năm - khách hàng nội địa	7,800,000,000	4,500,000,000
+ Chi phí chiết khấu thường xuyên	25,328,726,964	35,829,785,885
+ Trích trước chi phí thí nghiệm sản phẩm mới	274,418,837	340,061,566
+ Chi phí gia công găng		
+ Thường doanh số cuối năm - khách hàng xuất khẩu	0	3,200,000,000
+ Chiết khấu thanh toán - đại lý	1,099,811,582	367,091,100
+ Chi phí hội nghị khách hàng	1,500,000,000	998,880,000
+ Chi phí quảng cáo	3,965,305,580	
+ Tiền thuế đất, thuê đất		
+ Chi phí thuê kho		
+ Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối	580,968,965	723,309,201
+ Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối lốp Radial		120,717,912
+ Lãi vay	1,516,253,979	2,963,921,997
+ Chi phí chiết khấu thường xuyên (XEĐ-XM)	46,737,840,386	-
+ Chi phí công nghệ thông tin	635,999,001	
Xí nghiệp Đồng Nai	128,101,855	187,572,633
+ Trích trước chi phí sửa chữa lớn		65,000,000
+ Trích trước bồi dưỡng độc hại	128,101,855	122,572,633
Xí nghiệp Hóc Môn	898,960,126	700,184,827
+ Trích trước tiền điện, nước	331,686,299	165,906,876
+ Chiết khấu thường xuyên	3,002,521	2,916,102
+ Chiết khấu thanh toán	4,155,351	3,952,894
+ Tiền cơ m ca	308,488,000	297,516,000
+ Bồi dưỡng độc hại	200,582,500	189,547,500
+ Chi phí giao hàng	20,545,455	20,545,455
+ Các khoản khác	30,500,000	19,800,000

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VNĐ

<b>22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Xí nghiệp Bình Lợi	254,771,200	227,087,200
+ Trích trước tiền nước	60,480,000	34,935,000
+ Trích trước chi phí đào tạo	14,000,000	
+ Trích trước chi phí bốc xếp	38,003,200	58,391,700
+ Trích trước chi phí cớm ca	94,718,000	86,893,000
+ Trích trước chi phí bồi dưỡng độc hại	47,570,000	46,867,500
Xí nghiệp Bình Dương	1,799,267,041	1,810,904,036
+ Trích trước tiền nước	17,602,200	21,312,000
+ Chi phí cớm ca	120,000,000	120,000,000
+ Chi phí bồi dưỡng độc hại	94,000,000	84,000,000
+ Chi phí vận chuyển BTP	690,199,841	670,000,986
+ Trích trước tiền thuê đất	576,000,000	384,000,000
+ Chi phí vận chuyển lớp	33,090,000	
+ Chi phí vận chuyển mặt lớp	268,375,000	
+ Trích trước chi phí sửa chữa lớn		531,591,050
Xí nghiệp Lớp Radial	2,571,937,912	3,452,745,267
+ Trích trước tiền nước	90,417,600	77,388,000
+ Trích trước tiền điện	374,730,803	
+ Chi phí sửa chữa lớn	83,445,000	1,819,863,850
+ Chi phí cớm ca	544,934,000	707,954,000
+ Chi phí độc hại	273,583,360	367,712,500
+ Hơi bão hòa		68,364,000
+ Trích trước chi phí vận chuyển	996,899,500	229,905,000
+ Trích trước chi phí chuyên gia lớp toàn thép		113,660,000
+ Trích trước chi phí khác		23,934,000
+ Trích trước chi phí cung ứng lao động	207,927,649	43,963,917
<b>Cộng:</b>	<b>101,392,473,963</b>	<b>60,565,730,032</b>
<b>PHẢI TRẢ KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>23 Phải trả ngắn hạn khác:</b>		
- Phải trả khác (TK 13881)	1,159,245,935	3,321,856
- Tài sản thừa chờ giải quyết (giữ hộ tiền quỹ công đoàn) (TK 3381)	1,758,746,123	1,517,575,850
- Kinh phí công đoàn (TK 3382)	1,348,153,969	1,314,652,405
- Bảo hiểm xã hội (TK 3383)	878,616,160	0
- Bảo hiểm y tế (TK 3384)	70,098,631	0
- Phải trả về cổ phần hóa (TK 3385)	174,835,866	174,835,866
- Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3386)	43,758,666	1,218,718
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả (TK 3388)	2,533,269,630	2,533,269,630
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 3388)	39,930,999,389	38,924,807,114
Trong đó:		
+ Chuyển tiền dự án trên mặt bằng các khu đất - Cty Ba Đình	35,923,116,000	35,923,116,000
<b>Cộng:</b>	<b>47,897,724,369</b>	<b>44,469,681,439</b>
<b>26 Phải trả dài hạn khác:</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)	12,573,239,000	13,573,239,000
+ Văn phòng TP.HCM		
Trong đó:		
- Công ty Tân Hưng Thịnh-Vũ Cao Nguyên	2,000,000,000	2,000,000,000



**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VNĐ

<b>PHẢI TRẢ KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Công ty TNHH TMDV Lê Văn	1,500,000,000	1,500,000,000
- Công ty TNHH TM DV Tư vấn lớp Radial Đức Anh	1,000,000,000	1,000,000,000
- DNTN Mạnh Dũng	1,000,000,000	1,000,000,000
- Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Nam Dung	1,500,000,000	1,500,000,000
- Hộ kinh doanh cá thể Hưng Hưng Phát	1,000,000,000	1,000,000,000
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam	2,350,822,500	2,350,822,500
<b>Cộng:</b>	<b>12,573,239,000</b>	<b>13,573,239,000</b>
<b>26 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI</b>		
Quỹ khen thưởng phúc lợi của toàn công ty	2,044,473,226	136,125,356
<b>Cộng</b>	<b>2,044,473,226</b>	<b>6,302,326,707</b>

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (TK 243) & THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ (TK 347)**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>204,521,047</b>	<b>172,290,786</b>
- Lỗi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>204,521,047</b>	

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối & các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+...+(9)
<b>A BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>										
<b>a. a. Số dư đầu năm trước</b>	<b>1,036,264,670,000</b>						<b>17,532,695,139 (12,050,000)</b>		<b>135,862,208,636</b>	<b>1,189,647,523,775</b>
- Tăng trong năm		-					<b>52,449,748,376</b>	-	-	<b>52,449,748,376</b>
Trong đó:										-
- Tăng vốn trong năm trước										-
- Lãi trong năm trước							52,449,748,376			52,449,748,376
- Giảm trong năm		-					<b>(2,468,904,910)</b>	-	<b>1,316,058,283</b>	<b>(1,152,846,627)</b>
Trong đó:										-
- Lỗ trong năm trước										-
- Giảm khác										-
+ Trích quỹ khen thưởng							(758,029,142)			(758,029,142)
+ Trích quỹ phúc lợi							(394,817,485)			(394,817,485)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển							(1,316,058,283)	1,316,058,283		-
<b>b. b. Số dư đầu năm nay</b>	<b>1,036,264,670,000</b>						<b>67,513,538,605 (12,050,000)</b>		<b>137,178,266,919</b>	<b>1,240,944,425,524</b>
- Tăng trong năm		-					<b>90,660,781,927</b>	-	-	<b>90,660,781,927</b>
Trong đó:										-
- Tăng vốn trong năm nay										-
- Lãi trong năm nay							90,660,781,927			90,660,781,927

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VNĐ

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối & các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+...+(9)
- Giảm trong năm		-					(61,403,585,708)	-	5,244,974,838	(56,158,610,870)
Trong đó:										-
+ Trích quỹ khen thưởng							(2,772,487,419)			(2,772,487,419)
+ Trích quỹ phúc lợi							(1,573,492,451)			(1,573,492,451)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển							(5,244,974,838)	5,244,974,838		-
+ Chia cổ tức 2019 bằng tiền							(51,812,631,000)			(51,812,631,000)
<b>c. c. Số dư cuối năm</b>	<b>1,036,264,670,000</b>						<b>96,770,734,824 (12,050,000)</b>	<b>142,423,241,757</b>	<b>1,275,446,596,581</b>	

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU</b>			
- Vốn đầu tư của Nhà nước	51%	528,558,490,000	528,558,490,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	49%	507,706,180,000	507,706,180,000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>1,036,264,670,000</b>	<b>1,036,264,670,000</b>

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
<b>C CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN</b>		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	<b>1,036,264,670,000</b>	<b>1,036,264,670,000</b>
+ Vốn góp đầu năm	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D CỔ PHIẾU</b>		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	103,626,467	103,626,467
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50,770,618	50,770,618
+ Cổ phiếu phổ thông	50,770,618	50,770,618
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1,205	1,205
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi	1,205	1,205
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	103,625,262	103,625,262
+ Cổ phiếu phổ thông (= 103.626.467 - 1.205)	103,625,262	103,625,262
+ Cổ phiếu ưu đãi. <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ</i>		
<b>Đ CỔ TỨC</b>		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: Chưa chi trả.		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có.		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có.		

## Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a</b>	<b>Tài sản thuê ngoài</b>		
<b>b</b>	<b>Tài sản nhận giữ hộ</b>		
<b>c</b>	<b>Ngoại tệ các loại</b>		
	Trong đó:		
	- Ngoại tệ USD	\$3,506,462.34	\$824,713.56
	- Ngoại tệ EUR	€ 98.54	€ 12,695.09
<b>d</b>	<b>Vàng tiền tệ</b>		
<b>đ</b>	<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>		
	Khách hàng	Số tiền	Số tiền
1	DNTN Phát Hưng - 750001	614,987,079	614,987,079
2	Lê Chí Hoà - BHNĐ - 710002	894,097,480	894,097,480
3	Nguyễn Hồng Sơn - BHNĐ - 550002	32,677,477	32,677,477
4	Nguyễn Thị Diễm Thúy - BHNĐ - 560004	1,151,092	1,151,092
5	Trần Ngọc Tiến - BHNĐ - 500001	13,356,992	13,356,992
6	CTy Phương Trinh - BHNĐ - 284005	9,999,995	9,999,995
7	CTy Phương Trinh CN Bình Dương - BHNĐ - 284006	10,000,000	10,000,000
8	Đặng Thúy Quỳnh - Điện Biên - 044009	45,160,400	45,160,400
9	DNTN Hoàng Vỹ - Điện Biên - 044010	24,980,000	24,980,000
10	Đình Mạnh Cường - Điện Biên - 044012	34,540,000	34,540,000
11	Đình Thị Phương Thảo - Điện Biên - 044013	56,799,000	56,799,000
12	Nguyễn Thị Oanh - Điện Biên - 044014	40,879,400	40,879,400
13	Anh Quang - Điện Biên - 044015	56,970,400	56,970,400
14	Huỳnh Tiên Hà - Điện Biên - 044016	59,080,000	59,080,000
15	Phạm Văn Thành - Điện Biên - 044022	88,592,178	88,592,178
16	CTy TNHH Cơ Khí Quang Trung - Điện Biên - 044023	35,178,000	35,178,000
17	CTy CP Cơ Khí Cao Su - Điện Biên - 044024	52,767,000	52,767,000
18	CTy CP CHIEN YOU Việt Nam - Điện Biên - 044026	59,199,800	59,199,800
19	Phan Thị Bích Nga - Điện Biên - 044030	50,879,400	50,879,400
20	Đặng Thị Thúy Liễu - Điện Biên - 030045	50,879,400	50,879,400
21	Nguyễn Hữu Nghĩa - Điện Biên - 044036	170,000,000	170,000,000
22	CH Nông Cơ Tiến Hà -CH 146 (TK 131)	143,447,968	143,447,968
23	Nguyễn Thị Hoa -CH 146 (TK 131)	86,597,002	86,597,002
24	Nguyễn Minh Phú -CH 146 (TK 131)	5,838,001,277	5,838,001,277
25	Cty TNHH SX TM DV Đô Tươi - CH 146 (TK 131)	911,712,842	911,712,842
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9,381,934,182</b>	<b>9,381,934,182</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Năm 2019

<b>1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
Văn phòng TP.HCM	4,794,040,363,673	4,357,971,345,385
- Doanh thu bán hàng (TK 5111; TK 5112)	4,781,549,926,238	4,349,904,247,089
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 51111)	3,064,945,835	5,053,506,761
+ Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 51112)	438,016,391,509	268,613,240,702
+ Doanh thu sản phẩm xuất khẩu (TK 51122)	1,939,723,109,901	1,726,520,211,668
+ Doanh thu sản phẩm HH-KM có thuế (TK 51128)	1,715,630,791	2,006,176,790
+ Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	2,399,029,848,202	2,347,711,111,168
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	10,849,791,165	7,446,329,839
- Doanh thu hàng ủy thác (TK 5114)	1,640,646,270	620,768,457
<b>Xí nghiệp Đồng Nai</b>	<b>777,626,687</b>	<b>358,660,574</b>
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	3,189,927	31,102,000
+ Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	774,436,760	327,558,574
<b>Xí nghiệp Hóc Môn</b>	<b>4,483,742,000</b>	<b>4,702,596,870</b>
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	491,280,000	756,639,000
+ Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	3,992,462,000	3,945,957,870
<b>Xí nghiệp Bình Lợi</b>	<b>167,643,592</b>	<b>229,461,571</b>
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	9,143,592	56,691,571
+ Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	158,500,000	172,770,000
<b>Cộng</b>	<b>4,799,469,375,952</b>	<b>4,363,262,064,400</b>
<b>2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (TK 521)</b>		
Văn phòng TP.HCM	107,388,567,169	98,018,489,932
+ Chiết khấu thương mại (TK 5211)	104,772,152,954	89,650,189,166
+ Hàng bán bị trả lại	2,616,414,215	8,368,300,766
<b>Xí nghiệp Đồng Nai</b>	<b>-</b>	<b>8,590,900</b>
+ Hàng bán bị trả lại		8,590,900
<b>Xí nghiệp Hóc Môn</b>	<b>46,555,406</b>	<b>42,608,880</b>
+ Chiết khấu thương mại (TK 5211)	46,555,406	42,608,880
<b>Cộng</b>	<b>107,435,122,575</b>	<b>98,069,689,712</b>
<b>3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN (TK 632)</b>		
Văn phòng TP.HCM	3,952,830,399,242	3,681,356,494,357
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,943,718,339,086	3,670,732,456,495
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9,112,060,156	10,624,037,862
<b>Xí nghiệp Đồng Nai</b>	<b>958,970,041</b>	<b>2,779,532,165</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	463,366,082	306,779,223
- Giá vốn hàng bán khác	495,603,959	2,472,752,942
<b>Xí nghiệp Hóc Môn</b>	<b>3,490,787,529</b>	<b>3,367,701,834</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,495,174,272	3,383,566,875
- Giá vốn hàng bán khác	(4,386,743)	(15,865,041)
<b>Xí nghiệp Bình Lợi</b>	<b>370,916,981</b>	<b>983,113,630</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	322,800,316	582,460,040
- Giá vốn hàng bán khác	48,116,665	400,653,590
<b>Cộng</b>	<b>3,957,651,073,793</b>	<b>3,688,486,841,986</b>
<b>4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (TK 515)</b>		
Văn phòng TP.HCM	14,139,702,865	14,704,919,223
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6,533,862,066	7,599,134,632

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VNĐ  
Năm 2019

	Năm 2020	Năm 2019
- Chênh lệch tỷ giá, doanh thu hoạt động tài chính khác	7,605,840,799	7,105,784,591
Xí nghiệp Đồng Nai	2,060,142	2,414,783
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Hóc Môn	1,164,741	1,252,970
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Bình Lợi	439,329	614,279
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Bình Dương	1,226,054	1,041,151
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Lốp Radial	2,018,107	2,020,137
- Lãi tiền gửi		
<b>Cộng</b>	<b>14,146,611,238</b>	<b>14,712,262,543</b>
<b>5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH (TK 635)</b>		
Văn phòng TP.HCM	150,066,919,457	144,926,320,316
- Lãi tiền vay	124,787,889,985	126,474,706,431
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	12,242,675,528	14,951,789,835
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	13,036,353,944	3,499,824,050
Xí nghiệp Hóc Môn	55,300,292	54,499,334
- Chiết khấu thanh toán		
<b>Cộng</b>	<b>150,122,219,749</b>	<b>144,980,819,650</b>
<b>CHI PHÍ BÁN HÀNG (TK 641) VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TK 642)</b>		
<b>6. CÁC KHOẢN CHI PHÍ BÁN HÀNG PHÁT SINH TRONG KỲ</b>	<b>236,081,442,537</b>	<b>224,272,303,740</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng		
+ Chi phí xuất khẩu	96,171,458,179	80,824,111,748
+ CP vận chuyển	46,022,741,311	45,946,729,064
- Các khoản chi phí bán hàng khác	93,887,243,047	97,501,462,928
<b>7. CÁC KHOẢN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP PHÁT SINH TRONG KỲ</b>	<b>257,430,415,987</b>	<b>162,474,517,655</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN		
+ Chi phí nhân viên quản lý	140,587,420,233	115,642,453,275
- Các khoản chi phí QLDN khác	116,842,995,754	46,832,064,380
<b>8. THU NHẬP KHÁC (TK 711)</b>		
Văn phòng TP.HCM	8,655,834,102	4,463,281,341
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1,022,727,273	
- Bán phế liệu	4,435,585,798	8,170,321,426
- Bán phế phẩm tại XN Bình Dương	255,885,500	75,250,545
- Thu tiền điện tiêu thụ của Cty Hoàng Minh tại XNBL		9,168,052
- Chênh lệch tỷ giá và chi phí khấu hao năm 2016, 2017, 2018 của những tài sản điều chỉnh theo Thông báo của Kiểm toán nhà nước số 895/TB-KTNN, ngày 7/11/19		613,686,750
- PTI PMH tt bồi thường BH HS 0000207/BT/0240-PHH/HH.NOI/2019	1,263,073,099	
- Thu tiền phạt chậm thanh toán	368414999	
- Thu lại phí làm đường tại XN Radial theo BB thỏa thuận ngày 18/03/2020 của Cty Lâm Sản & XNK Tổng Hợp BD	909,090,909	
- Khác	401,056,524	
Xí nghiệp Đồng Nai	446,893,624	419,146,293
- Bán phế liệu	446,893,624	419,146,293
Xí nghiệp Bình Lợi	-	421,721,195

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

	Năm 2020	Năm 2019
- Bán phế liệu		421,721,195
<b>Cộng</b>	<b>9,102,727,726</b>	<b>9,709,294,261</b>
<b>9. CHI PHÍ KHÁC (TK 811)</b>		
Văn phòng TP.HCM	457,099,383	3,837,262,991
- Bù trừ giá vốn lớp rơ móc - XN Radial		108,000,000
- Phí xử lý thùng phuy đựng hóa chất các loại	156,000,000	3,243,768,648
- XNRD bù trừ chi phí xử phạt vi phạm hành chính T12/2020	40,000,000	
- Cty TNHH MTV Thái Vươn Toàn - hoàn lại số tiền phạt chậm thanh toán T04-2020 do có đơn gia hạn	121,305,527	
- Chi phí đền bù theo biên bản thỏa nhận mức đền bù của Công ty bảo vệ	56,152,938	
- Thanh toán phí lưu cont, nâng hạ, cước VC từ cảng về XNBL HĐ: 7275	52,481,818	
- Khác	31,159,100	485,494,343
<b>Cộng</b>	<b>457,099,383</b>	<b>3,837,262,991</b>
<b>10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH 113,541,340,892</b>		
10.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh của toàn công ty	-	
10.2 Khoản thu nhập được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	1,022,605,237	
10.3 Chi phí không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	1,022,605,237	
- Lỗi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2020		
10.4 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cộng khoản thu nhập không được trừ của toàn công ty (= (10.1) - (10.2) + (10.3))	114,563,946,129	
10.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành của toàn công ty (= (10.4) x 20%)	22,912,789,226	14,040,846,228
<b>Cộng</b>	<b>22,912,789,226</b>	<b>14,040,846,228</b>
<b>11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI</b>		
11.1 Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế năm 2019	(204,521,047)	(172,290,786)
- Lỗi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2020	(1,022,605,237)	
- Thuế suất thuế TNDN hoãn lại	20%	
11.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế năm 2019	172,290,786	(756,118,348)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(32,230,261)</b>	<b>(928,409,134)</b>
<b>12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>	875	(*) 464
12.1 Cổ phiếu phát hành đầu kỳ (cổ phiếu)	103,626,467	
12.2 Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	1,205	
12.3 Cổ phiếu lưu hành trên thị trường (= 103.626.467 - 1.205)	103,625,262	
12.4 Lợi nhuận sau thuế TNDN	90,660,781,927	
12.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (= (12.4)/ 103.625.262)t	875	464
<b>13. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,873,591,860,945	2,689,358,329,555
- Chi phí nhân công	340,889,023,236	297,142,055,610
- Chi phí khấu hao TSCĐ	210,190,233,041	199,162,039,521
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	106,296,606,176	195,106,066,549
- Chi phí khác bằng tiền	543,327,562,151	373,107,355,345
<b>Cộng</b>	<b>4,074,295,285,549</b>	<b>3,753,875,846,580</b>

(\*) Hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

### Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
  - Mua tài sản và nhận nợ thông qua nghiệp vụ mua hàng trả sau, hoặc cho thuê tài chính : không phát sinh
  - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu : không phát sinh.
  - Các giao dịch phi tiền tệ khác : không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.
3. Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (Mã số 11), bao gồm tăng giảm TK 131,331,138,333,335,338,344 : 67.541.998.481 VNĐ
4. Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tỷ giá) : 3.658.116.689.262 VNĐ
5. Số tiền đã trả nợ gốc vay và tiền trả nợ gốc thuê tài chính trong kỳ : 3.743.376.906.216 VNĐ

### NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có.
3. Thông tin về các bên liên quan
  - Đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hóa chất Việt Nam.
  - Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp
    - Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường

a. Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ
Công ty CP Cao Su Đà Nẵng	Chung Tập đoàn
Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn
Cty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Chung Tập đoàn
Công ty CP Philips Carbon Black Việt Nam	Công ty nhận đầu tư

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên công ty	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền (VNĐ)
Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn	Đến ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	1,006,679,267
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám Đốc (8 người)			4,132,900,673
		- Lương năm 2020	3,000,261,692
		- Phụ cấp, thưởng năm 2020	59,126,000
		- Thưởng năm 2019 chi trong năm 2020	770,512,981
		- Thù lao năm 2020	303,000,000

- + Ông Lê Ngọc Quang, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện vốn nhà nước, được bổ nhiệm ngày 26/06/2020.
- + Ông Phạm Hồng Phú, chức vụ Tổng giám đốc điều hành, số cổ phiếu nắm giữ 218.185 cổ phiếu.
- + Ông Nguyễn Minh Thiện, chức vụ Phó Tổng giám đốc, số cổ phiếu nắm giữ 47.152 cổ phiếu
- + Ông Nguyễn Ngọc Phương, chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, số cổ phiếu nắm giữ 6.940 cổ phiếu

**c. Tại ngày 31/12/2019, Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn vay các bên có liên quan như sau:**

Tên	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền (VNĐ)
Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	800,000,000
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	800,000,000
Ông Bùi Thọ Lưu Hiển	Giám Đốc Xí nghiệp Đồng Nai	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	80,000,000
Bà Phùng Thị Ngọc Thúy	Người thân ông Nguyễn Minh Thiện (Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng)	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	90,000,000

**4. Thông tin về Báo cáo đơn vị hạch toán phụ thuộc:**

- Báo cáo của Văn phòng công ty
- Báo cáo của Xí nghiệp Đồng Nai
- Báo cáo của Xí nghiệp Hóc Môn
- Báo cáo của Xí nghiệp Bình Lợi
- Báo cáo của Xí nghiệp Bình Dương
- Báo cáo của Xí nghiệp Lốp Radial

Các báo cáo trên là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

	VP Hồ Chí Minh		XN Đồng Nai		XN Hóc Môn		XN Bình Lợi		Tổng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu thuần	4,686,651,796,504	4,259,952,855,453	777,626,687	350,069,674	4,437,186,594	4,659,987,990	167,643,592	229,461,571	4,692,034,253,377	4,265,192,374,688
Giá vốn	3,952,830,399,242	3,681,356,494,357	958,970,041	2,779,532,165	3,490,787,529	3,367,701,834	370,917,081	983,113,730	3,957,651,073,793	3,688,486,841,986
Lợi nhuận gộp	733,821,397,262	578,596,361,096	(181,343,354)	(2,429,462,491)	946,399,065	1,292,286,156	(203,273,489)	(753,652,159)	734,383,179,584	576,705,532,702

**5. Thông tin so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS).

**6. Tài sản và nợ phải trả tài chính:**

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày.

**7. Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay:** Không có.

**8. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Cty:**

**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh ( chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

**b. Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**c. Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp ( xem thuyết minh V.1).

**d. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.



Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2020	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Phải trả cho người bán	239,043,825,953		
Người mua trả tiền trước	23,141,957,727		
Vay và nợ	1,674,547,759,124	345,328,605,172	
Phải trả người lao động	82,613,742,830		
Chi phí phải trả	101,392,473,963		
Các khoản phải trả phải nộp khác	60,470,963,369		
<b>Cộng</b>	<b>2,181,210,722,966</b>	<b>345,328,605,172</b>	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### g. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2019, Công ty phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ và thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán số 10, đơn vị đã điều chỉnh chênh lệch tỷ giá cuối kỳ phù hợp với Thông tư 179/2012/TT-BTC, ngày 24/10/2012.

#### h. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

#### f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm

#### i. Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính không đáng kể.

#### 9. Thông tin về hoạt động liên tục

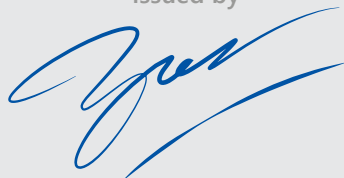
Đến ngày 31/12/2020, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

#### 10. Thông tin về số liệu so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS).

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2021  
Ho Chi Minh City, 20 January 2021

Người lập biểu  
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng  
Chief Accountant



Vũ Quốc Anh



Ông Giám Đốc  
General Director

Phạm Hồng Phú



# ADVENZA TYRES



**Traveller**



**COVERER**



**VENTURER**



**DISCOVERER**

**NỖI DẶM ĐƯỜNG XA**

**Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam**

The Southern Rubber Industry JSC.

180 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3  
(028)38 362 369 | 38 362 373  
(028)38 362 376

www.casumina.com  
casumina@casumina.com.vn